

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_1BS0.102.2-1-1-22(N08) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	222431164	✓ Tổng Thị Hà Anh	K63.CNKTGT	0.0	23006		Anh.	
2	2	222431165	✓ Vũ Nam Anh	K63.CNKTGT	4.5	23004		Nam Anh	
3	3	222431166	✓ Chu Bá Bách	K63.CNKTGT	3.0	23020		Bách	
4	4	222431167	✓ Lê Thanh Bình	K63.CNKTGT	3.0	23011		Bh	
5	5	222431168	✓ Phạm Đức Bình	K63.CNKTGT	1.5	23006		Phinh	
6	6	222431169	✓ Nguyễn Đức Cường	K63.CNKTGT	7.8	23005		Cường	
7	7	222431170	✓ Nguyễn Hữu Cường	K63.CNKTGT	1.5	23004		Cường	
8	8	222431175	✓ Đặng Tuấn Đạt	K63.CNKTGT		23005		Đạt	Nợ HP 5.0
9	9	222401176	✓ Hoàng Tuấn Đạt	K63.CNKTGT	4.5	23004		Đạt	
10	10	222431177	✓ Nguyễn Tiến Đạt	K63.CNKTGT	6.0	23004		Đạt	
11	11	222431178	Trần Văn Đôn	K63.CNKTGT					vắng
12	12	222431179	✓ Lê Trung Đức	K63.CNKTGT	3.0	23000		Đức	
13	13	222431180	✓ Nguyễn Minh Đức	K63.CNKTGT	0.0	23011		Đức	
14	14	222431181	✓ Trần Anh Đức	K63.CNKTGT	4.8	23011		Đức	
15	15	222431171	✓ Nguyễn Tiến Dũng	K63.CNKTGT	2.8	23011		Dũng	
16	16	222431173	✓ Đào Tiến Dương	K63.CNKTGT	2.0	23005		Dương	
17	17	222431174	✓ Lê Minh Dương	K63.CNKTGT	1.3	23020		Dương	
18	18	222431172	✓ Trần Đức Duy	K63.CNKTGT	4.3	23006		Duy	
19	19	222431182	✓ Phạm Tùng Giang	K63.CNKTGT	9.0	23004		Giang	
20	20	222431183	Nguyễn Hoàng Hà	K63.CNKTGT					Nợ HP
21	21	222431185	Đỗ Minh Hải	K63.CNKTGT					vắng
22	22	222401186	✓ Lê Thanh Hải	K63.CNKTGT	6.0	23020		Hải	
23	23	222431187	✓ Nguyễn Đạt Minh Hiền	K63.CNKTGT	1.0	23011		Hiên	
24	24	222431188	✓ Đào Gia Hiếu	K63.CNKTGT	7.5	23005		Hiên	
25	25	222431189	✓ Nguyễn Duy Hoàn	K63.CNKTGT	7.3	23006		Hoàn	
26	26	222431190	Nguyễn Quý Hoàng	K63.CNKTGT					Nợ HP
27	27	222431191	✓ Trần Văn Hoàng	K63.CNKTGT	3.3	23004		Hoàng	
28	28	222431192	✓ Ngô Trọng Hồng	K63.CNKTGT	9.5	23020		Hồng	
29	29	222431193	✓ Hoàng Đức Hùng	K63.CNKTGT	3.5	23011		Hùng	
30	30	222401194	✓ NghiêM Mạnh Hùng	K63.CNKTGT	9.5	23005		Hùng	
31	31	222431196	✓ Dương Quang Hưng	K63.CNKTGT	1.3	23006		Hưng	
32	32	222431197	✓ Nguyễn Đức Khánh	K63.CNKTGT	0.5	23004		Khánh	
33	33	222431198	✓ Nguyễn Ngọc Khuyến	K63.CNKTGT	6.0	23020		Khuyến	
34	34	222431199	Vũ Văn Lâm	K63.CNKTGT					Nợ HP
35	35	222431200	✓ Hoàng Hữu Long	K63.CNKTGT	8.3	23011		Long	
36	36	222431201	✓ Lê Thành Long	K63.CNKTGT	1.3	23020		Long	
37	37	222431202	✓ Trần Thị Mai	K63.CNKTGT	5.3	23005		Mai	
38	38	222431203	✓ Đỗ Thiên Minh	K63.CNKTGT	2.5	23006		Minh	
39	39	222431204	✓ Lê Hoàng Minh	K63.CNKTGT	3.0	23005		Minh	
40	40	222431205	✓ Lê Quang Minh	K63.CNKTGT	9.3	23006		Minh	
41	41	222431206	✓ Trần Hải Nam	K63.CNKTGT	6.8	23004		Nam	
42	42	222431207	✓ Vũ Đức Ngọc	K63.CNKTGT	9.5	23020		Ngọc	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	43	222431209	✓ Ngô Văn Nhâm	K63.CNKTGT	1.8	23011		Nhâm	
44	44	222431211	✓ Vũ Hoàng Phúc	K63.CNKTGT	2.8	23005		Phúc	
45	45	222431212	✓ Đỗ Chi Phương	K63.CNKTGT	5.0	23006		Phương	
46	46	222431213	✓ Nguyễn Hoàng Quân	K63.CNKTGT		23006		Quân	Nợ HP 1.5
47	47	222431214	✓ Phạm Minh Quân	K63.CNKTGT	3.8	23020		Quân	
48	48	222431215	✓ Lý Hồng Sơn	K63.CNKTGT	3.0	23004		Sơn	
49	49	222431216	✓ Lê Nguyễn Tuấn Thảo	K63.CNKTGT	0.5	23011		Thảo	
50	50	222431218	✓ Bùi Hoàng Thông	K63.CNKTGT	6.5	23005		Thông	
51	51	222401219	✓ Nguyễn Văn Thúc	K63.CNKTGT	3.0	23004		Thúc	
52	52	222431220	✓ Đinh Xuân Tiến	K63.CNKTGT	10.0	23020		Tiến	
53	53	222431221	✓ Phạm Đức Toàn	K63.CNKTGT	3.0	23011		Toàn	
54	54	222431223	✓ Đàm Lê Xuân Trường	K63.CNKTGT	5.8	23006		Trường	
55	55	222431225	Nguyễn Đặng Anh Tú	K63.CNKTGT					Vàng

Tổng số bài thi :

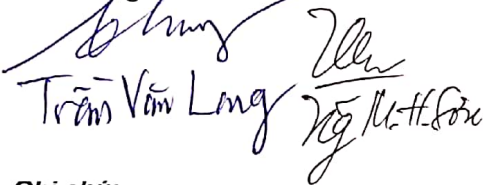
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Trần Văn Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 2

Mã DST: BS0.102.2_07/03/2023_2_1BS0.102.2-1-1-22(N08) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	8	222431175	Đặng Tuấn Đạt	K63.CNKTGT	5,0				
2	46	222431213	Nguyễn Hoàng Quân	K63.CNKTGT	4,5				

Tổng số bài thi : 02

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

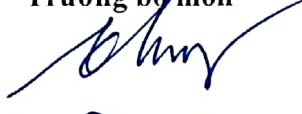
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương
Ghi chú:


Nguyễn Hùng


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thúy Giang

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_2BS0.102.2-1-1-22(N09) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	56	222332883	✓ Nguyễn Văn An	K63.KTMT		23020		An	2,5 Nợ HP
2	57	222332884	✓ Nguyễn Vũ An	K63.KTMT		23020		An	6,3 Nợ HP
3	58	222302886	✓ Nguyễn Đức Anh	K63.KTMT	2,5	23020		An	
4	59	222332887	Nguyễn Hùng Anh	K63.KTMT					Nợ HP
5	60	222332888	✓ Nguyễn Thị Ngọc Anh	K63.KTMT	2,0	23006		Anh	
6	61	222332889	✓ Phạm Đức Anh	K63.KTMT	2,5	23005		Anh	
7	62	222332890	✓ Nguyễn Quân Bảo	K63.KTMT	1,3	23011		Bao	
8	63	222332891	✓ Nguyễn Đức Bình	K63.KTMT	3,0	23004		D. Bình	
9	64	222302892	✓ Lê Thảo Chi	K63.KTMT	5,0	23004		Chi	
10	65	222302894	✓ Đậu Thành Công	K63.KTMT	3,0	23006		Công	
11	66	222332895	✓ Trần Chí Công	K63.KTMT	6,0	23005		Công	
12	67	222332898	✓ Đoàn Tiến Đạt	K63.KTMT	3,3	23011		Đạt	
13	68	222302899	✓ Đặng Thị Bích Diệp	K63.KTMT	2,0	23011		Diệp	
14	69	222302900	✓ Lưu Minh Đức	K63.KTMT	0,3	23020		Đức	
15	70	222302896	✓ Vũ Trí Dũng	K63.KTMT	0,5	23006		Dũng	
16	71	222332901	✓ Phạm Trung Hiếu	K63.KTMT	0,5	23004		Hiếu	
17	72	222302902	Vũ Thị Hồng	K63.KTMT	00,0				Vắng
18	73	222332903	✓ Phạm Khánh Hùng	K63.KTMT	7,3	23006		Hùng	
19	74	222332907	✓ Lê Văn Hưng	K63.KTMT	00,0	23005		Hưng	
20	75	222332904	Bùi Quang Huy	K63.KTMT	00,0				Vắng
21	76	222332905	✓ Phạm Quang Huy	K63.KTMT	4,3	23005		Huy	
22	77	222332906	✓ Vũ Gia Huy	K63.KTMT	1,3	23004		Huy	
23	78	222332908	✓ Phạm Tuấn Kiệt	K63.KTMT	5,3	23020		Kiệt	
24	79	222302910	✓ Ngô Hà Khánh Linh	K63.KTMT	5,0	23011		Linh	
25	80	222332913	✓ Lê Phúc Long	K63.KTMT	2,5	23004		Long	
26	81	222332914	✓ Đoàn Nhật Minh	K63.KTMT	7,0	23020		Minh	
27	82	222302915	✓ Lương Nguyễn Hà My	K63.KTMT					Nợ HP
28	83	222332916	✓ Lê Hoàng Nam	K63.KTMT		23020		Nam	3,3 Nợ HP
29	84	222332918	✓ Thẩm Bảo Ngọc	K63.KTMT	4,3	23004		Ngọc	
30	85	222332919	✓ Vũ Đức Nguyên	K63.KTMT	2,0	23006		Nguyên	
31	86	222302920	✓ Nguyễn Phương Nhi	K63.KTMT	8,5	23005		Nhi	
32	87	222302921	✓ Nguyễn Hà Phương	K63.KTMT	5,5	23011		Phương	
33	88	222302922	✓ Khoa Thị Hải Phương	K63.KTMT	4,8	23020		Phương	
34	89	222332923	✓ Nguyễn Như Quỳnh	K63.KTMT	2,5	23004		Quỳnh	
35	90	222332924	✓ Trần Như Quỳnh	K63.KTMT	2,3	23006		Quỳnh	
36	91	222332926	✓ Nguyễn Việt Thái	K63.KTMT		23011		Thái	3,0 Nợ HP
37	92	222332931	✓ Hoàng Thị Thắm	K63.KTMT	6,3	23006		Thắm	
38	93	222332927	✓ Ngô Tuấn Thành	K63.KTMT	2,5	23011		Thành	
39	94	222332928	✓ Phạm Văn Thành	K63.KTMT	00,0	23005		Thành	
40	95	222332929	✓ Nguyễn Bá Thảo	K63.KTMT	4,8	23011		Thảo	
41	96	222332930	Trần Thị Thảo	K63.KTMT					Nợ HP
42	97	222332933	✓ Trần Văn Tiến	K63.KTMT		23005		Tiến	1,5 Nợ HP

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	98	222332934	✓ Nguyễn Văn Tịnh	K63.KTMT	5,3	23020		Ph	
44	99	222332935	✓ Nguyễn Thu Trang	K63.KTMT	6,5	23004		Trang	
45	100	222332937	✓ Hồ Viết Trung	K63.KTMT	7,5	23006		Tr	
46	101	222332938	✓ Kiều Đức Trung	K63.KTMT	4,0	23005		Trung	
47	102	222332939	✓ Nguyễn Thạc Thanh Tùng	K63.KTMT	4,0	23004		Tùng	
48	103	222332940	✓ Vũ Minh Tùng	K63.KTMT	7,5	23020		Ph	
49	104	222332941	✓ Nguyễn Thị Thu Uyên	K63.KTMT	2,0	23005		Uyên	
50	405	222332942	✓ Trịnh Văn Vệ	K63.KTMT		23006		Tr	2,0 Nợ HP
51	106	222332943	✓ Trần Quốc Việt	K63.KTMT	2,8	23011		Vu	

Tổng số bài thi : 46

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Nguyễn Thị Thu Uyên

M.P. Binh

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 2

Mã DST: BS0.102.2_07/03/2023_2_2BS0.102.2-1-1-22(N09) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	83	222332916	Lê Hoàng Nam	K63.KTMT	3,3				
2	97	222332933	Trần Văn Tiến	K63.KTMT	1,5			<i>Trần Văn Tiến</i>	
3	105	222332942	Trịnh Văn Vệ	K63.KTMT	2,0	2	1	<i>Trịnh Văn Vệ</i>	

Tổng số bài thi : 3

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ H. H. Sơn
M. P. Bình
Ghi chú:

PGS.TS. Trần Văn Long

Trần Thủy Giang

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_BSO.102.2-1-1-22(N09) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	56	222332883	Nguyễn Văn An	K63.KTMT	2,5				

Tổng số bài thi : 01

Tổng số tờ giấy thi :

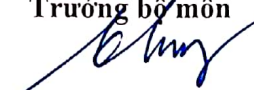
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương


NM Hùng

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Túy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_2BS0.102.2-1-1-22(N09) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	57	222332884	Nguyễn Vũ An	K63.KTMT	6,3				

Tổng số bài thi : 01

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

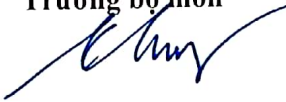
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


N.M. Hùng


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST: BS0.102.2_07/03/2023_2_3BS0.102.2-1-1-22(N35) Thi tại : 108-A5

Ngày thi: 07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	107	221331345	Hoàng Thế Nam An	K63.KTCOKHI1	5,3	23011		AN	
2	108	221331347	Dương Việt Anh	K63.KTCOKHI1	6,3	23004		A nh	
3	109	221301351	Nguyễn Đức Anh	K63.KTCOKHI1	10,0	23011		Đức Anh	
4	110	221331353	Nguyễn Tuấn Anh	K63.KTCOKHI1	7,5	23020		Tuấn Anh	
5	111	221331358	Triệu Ngọc Quang Anh	K63.KTCOKHI1	6,8	23004		Anh	
6	112	221331360	Trịnh Thành Đức Anh	K63.KTCOKHI1	4,0	23006		Đức Anh	
7	113	221331361	Vũ Đức Tuấn Anh	K63.KTCOKHI1	6,0	23005		Anh	
8	114	221331362	Đặng Anh Ánh	K63.KTCOKHI1	4,8	23011		Ánh	
9	115	221331367	Nguyễn Hữu Bắc	K63.KTCOKHI1	7,3	23020		Bắc	
10	116	221331364	Phan Gia Bách	K63.KTCOKHI1	3,3	23004		Bách	
11	117	221331368	Nguyễn Tuấn Bình	K63.KTCOKHI1					Nợ HP
12	118	221331371	Phạm Đình Chiến	K63.KTCOKHI1	2,3	23006		Chiến	
13	119	221331370	Trần Duy Chiến	K63.KTCOKHI1	6,0	23020		Chiến	
14	120	221301372	Vương Hồng Chính	K63.KTCOKHI1	6,0	23006		Chính	
15	121	221331375	Trần Khánh Cường	K63.KTCOKHI1	3,5	23005		Cường	
16	122	221331389	Trần Quang Đăng	K63.KTCOKHI1	7,3	23011		Đăng	
17	123	221301384	Bùi Thành Đạt	K63.KTCOKHI1	7,3	23020		Đạt	
18	124	221301385	Chu Minh Đạt	K63.KTCOKHI1	4,5	23004		Minh Đạt	
19	125	221301387	Nguyễn Trọng Đạt	K63.KTCOKHI1	7,3	23006		Đạt	
20	126	221331388	Tổng Thành Đạt	K63.KTCOKHI1	2,5	23005		Đạt	
21	127	221331391	Nguyễn Ngọc Đô	K63.KTCOKHI1	9,3	23005		Đô	
22	128	221331390	Phạm Quốc Đoàn	K63.KTCOKHI1	9,0	23011		Đoàn	
23	129	221331392	Nguyễn Khắc Đức	K63.KTCOKHI1	8,3	23006		Đức	
24	130	221331393	Nguyễn Văn Đức	K63.KTCOKHI1	6,5	23011		Đức	
25	131	221331377	Lê Quang Dũng	K63.KTCOKHI1	4,3	23004		Dũng	
26	132	221331378	Lê Tiến Dũng	K63.KTCOKHI1	6,3	23005		Dũng	
27	133	221331381	Đặng Trần Tùng Dương	K63.KTCOKHI1	3,0	23006		Dương	
28	134	221331396	Nguyễn Tân Ga	K63.KTCOKHI1	6,3	23005		Ga	
29	135	221331397	Đinh Quang Giáp	K63.KTCOKHI1	6,8	23011		Giáp	
30	136	221331403	Đỗ Trung Hiếu	K63.KTCOKHI1	10,0	23020		Hiếu	
31	137	221331404	Hoàng Minh Hiếu	K63.KTCOKHI1	3,0	23004		Hiếu	
32	138	221331408	Nguyễn Vũ Trung Hiếu	K63.KTCOKHI1	8,3	23011		Hiếu	
33	139	221301414	Dương Cấn Lê Hoàng	K63.KTCOKHI1	9,3	23020		Hoàng	
34	140	221331416	Nguyễn Đức Hoàng	K63.KTCOKHI1	6,3	23011		Hoàng	
35	141	221331417	Vũ Huy Hoàng	K63.KTCOKHI1	4,5	23004		Hoàng	
36	142	221331418	Phạm Trọng Huân	K63.KTCOKHI1	0,3	23006		Huân	
37	143	221331419	Vũ Trọng Huân	K63.KTCOKHI1					

Ngày thi: 07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	144	221331421	Nguyễn Thế Hùng	K63.KTCOKHI1	8,0	23005		Hùng	
39	145	221331427	Hoàng Quốc Huy	K63.KTCOKHI1	5,0	23006		Huy	
40	146	221331428	Nguyễn Đức Huy	K63.KTCOKHI1	3,5	23005		Huy	
41	147	221331429	Nguyễn Hữu Huy	K63.KTCOKHI1	4,3	23006		Huy	
42	148	221331431	Nguyễn Văn Huy	K63.KTCOKHI1	6,0	23020		Huy	
43	149	221331432	Vũ Đức Huy	K63.KTCOKHI1	4,8	23004		Huy	
44	150	221301433	Phạm Quang Huỳnh	K63.KTCOKHI1	2,0	23006		Huỳnh	
45	151	221331436	Nguyễn Văn Khang	K63.KTCOKHI1	00,0	23005		Khang	
46	152	221331438	Đoàn Phúc Khánh	K63.KTCOKHI1	4,5	23004		Khánh	
47	153	221331439	Nguyễn Duy Khánh	K63.KTCOKHI1	9,5	23020		Khánh	
48	154	221331440	Nguyễn Khắc Khánh	K63.KTCOKHI1	5,0	23004		Khánh	
49	155	221331442	Nguyễn Văn Khánh	K63.KTCOKHI1	4,3	23011		Khánh	
50	156	221301444	Phạm Doãn Khỏe	K63.KTCOKHI1	4,0	23005		Khỏe	
51	157	221331446	Nguyễn Gia Kiệt	K63.KTCOKHI1	6,5	23011		Kiệt	
52	158	221331447	Trần Gia Kiệt	K63.KTCOKHI1	1,3	23005		Kiệt	
53	159	221331448	Hoàng Hữu Kỳ	K63.KTCOKHI1	4,5	23005		Kỳ	
54	160	221331449	Nguyễn Văn Lập	K63.KTCOKHI1	2,0	23004		Lập	
55	161	221331451	Nguyễn Văn Long	K63.KTCOKHI1	6,5	23005		Long	
56	162	221301452	Trịnh Duy Lực	K63.KTCOKHI1	6,0	23011		Lực	
57	163	221331458	Trịnh Quang Minh	K63.KTCOKHI1	9,3	23020		Minh	
58	164	221331460	Nguyễn Thành Nam	K63.KTCOKHI1	4,8	23020		Nam	
59	165	221331462	Trần Văn Nghĩa	K63.KTCOKHI1	2,5	23006		Nghĩa	
60	166	221331463	Đàm Thuận Nguyên	K63.KTCOKHI1	4,8	23006		Nguyên	
61	167	221331464	Bùi Minh Nhân	K63.KTCOKHI1	3,0	23020		Nhân	
62	168	221331468	Lê Viết Phong	K63.KTCOKHI1					Nợ HP ✓
63	169	221301469	Nguyễn Hà Tuấn Phong	K63.KTCOKHI1	3,0	23004		Phong	
64	170	221331470	Nguyễn Khả Phong	K63.KTCOKHI1	1,0	23005		Phong	
65	171	221331473	Nguyễn Chính Quang	K63.KTCOKHI1	3,5	23004		Quang	
66	172	221331475	Nguyễn Văn Quang	K63.KTCOKHI1	5,8	23011		Quang	
67	173	221331478	Dương Phúc Sâm	K63.KTCOKHI1	1,8	22004		Sâm	
68	174	221331481	Vũ Văn Sương	K63.KTCOKHI1	8,5	23020		Sương	
69	175	221331483	Hoàng Minh Thái	K63.KTCOKHI1	9,0	23006		Thái	
70	176	221331484	Phạm Văn Thái	K63.KTCOKHI1					Nợ HP ✓
71	177	221331493	Nguyễn Hồng Thắng	K63.KTCOKHI1	4,3	23004		Thắng	
72	178	221331486	Trần Nhật Thanh	K63.KTCOKHI1	4,5	23011		Thanh	
73	179	221301487	Phạm Đức Thành	K63.KTCOKHI1	3,5	23005		Thành	
74	180	221331488	Tổng Huy Thành	K63.KTCOKHI1	2,0	23011		Thành	
75	181	221331489	Văn Huy Thành	K63.KTCOKHI1	2,5	23004		Thành	(2,5) không
76	182	221331490	Hà Văn Thành	K63.KTCOKHI1	6,5	23006		Thành	
77	183	221331491	Vũ Văn Thao	K63.KTCOKHI1	4,3	23005		Thao	
78	184	221301495	Cao Bá Thi	K63.KTCOKHI1	9,5	23004		Thi	
79	185	221301497	Lê Văn Thông	K63.KTCOKHI1	5,8	23020		Thông	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
80	186	221331504	Phạm Đình Trọng	K63.KTCOKHI1	2,5	23006		Trọng	
81	187	221331506	Nguyễn Quang Trường	K63.KTCOKHI1	6,0	23005		Trường	
82	188	221331512	Thân Mạnh Tú	K63.KTCOKHI1	3,5	23020		Tú	
83	189	221301515	Trần Văn Tuấn	K63.KTCOKHI1	2,8	23006		Tuấn	
84	190	221331522	Vũ Thanh Tùng	K63.KTCOKHI1	3,5	23011		Tùng	
85	191	221331524	Trần Anh Văn	K63.KTCOKHI1	6,0	23020		Văn	
86	192	221331525	Hoàng Xuân Việt	K63.KTCOKHI1	7,8	23006		Việt	
87	193	221331526	Vũ Mạnh Việt	K63.KTCOKHI1	7,5	23011		Việt	
88	194	221331527	Phạm Thế Vự	K63.KTCOKHI1	7,8	23020		Vự	

Tổng số bài thi : 84

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


M.P. Bình


PGS.TS. Xuân Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_4BS0.102.2-1-1-22(N36) Thi tại : 305-A5

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	195	221331346	Doãn Đức Anh	K63.KTCOKHI2	8.0	23020		Anh	
2	196	221331348	Đoàn Tuấn Anh	K63.KTCOKHI2	4.0	23004		Anh	
3	197	221331349	Lê Hoàng Anh	K63.KTCOKHI2	3.0	23006		Anh	
4	198	221331350	Nguyễn Công Tuấn Anh	K63.KTCOKHI2	6.3	23005		Anh	
5	199	221331352	Nguyễn Thế Anh	K63.KTCOKHI2	8.8	23006		Anh	
6	200	221331354	Nguyễn Tùng Anh	K63.KTCOKHI2	5.5	23004		Anh	
7	201	221331355	Phạm Thế Anh	K63.KTCOKHI2	5.5	23020		Anh	
8	202	221331356	Phạm Tuấn Anh	K63.KTCOKHI2	4.3	23011		Anh	
9	203	221301357	Phùng Việt Anh	K63.KTCOKHI2	9.5	23005		Anh	
10	204	221331359	Trần Tiến Anh	K63.KTCOKHI2	5.3	23004		Anh	
11	205	221331363	Lê Duy Bách	K63.KTCOKHI2	5.0	23004		Bách	
12	206	221331365	Hoàng Tấn Bảo	K63.KTCOKHI2	6.5	23020		Bảo	
13	207	221331366	Lê Đình Bảo	K63.KTCOKHI2	5.3	23004		Bảo	
14	208	221331369	Hoàng Hữu Cảnh	K63.KTCOKHI2	3.5	23006		Cảnh	
15	209	221331373	Nguyễn Thành Công	K63.KTCOKHI2	9.0	23005		Công	
16	210	221331374	Nguyễn Việt Cường	K63.KTCOKHI2	3.3	23011		Cường	
17	211	221331376	Vũ Xuân Cường	K63.KTCOKHI2	2.5	23016		Cường	
18	212	221331386	Đặng Lê Phát Đạt	K63.KTCOKHI2	3.5	23005		Đạt	
19	213	221331395	Trần Minh Đức	K63.KTCOKHI2	7.0	23011		Đức	
20	214	221331380	Đào Văn Dương	K63.KTCOKHI2	7.5	23020		Dương	
21	215	221331382	Phạm Hoàng Dương	K63.KTCOKHI2	7.0	23011		Dương	
22	216	221331383	Phạm Xuân Bình Dương	K63.KTCOKHI2	9.0	23004		Dương	
23	217	221331398	Phạm Đức Hào	K63.KTCOKHI2	5.3	23006		Hào	
24	218	221331399	Nguyễn Trung Hậu	K63.KTCOKHI2	7.0	23004		Hậu	
25	219	221301400	Trần Minh Hậu	K63.KTCOKHI2	6.8	23020		Hậu	
26	220	221331401	Đỗ Gia Vũ Hiên	K63.KTCOKHI2	3.5	23011		Hiên	
27	221	221301402	Phạm Duy Hiệp	K63.KTCOKHI2	5.8	23005		Hiệp	
28	222	221331405	Nguyễn Đăng Hiếu	K63.KTCOKHI2	8.3	23006		Hiếu	
29	223	221331406	Nguyễn Minh Hiếu	K63.KTCOKHI2	7.5	23005		Hiếu	
30	224	221331407	Nguyễn Trung Hiếu	K63.KTCOKHI2	1.0	23011		Hiếu	
31	225	221301411	Vương Đức Hiếu	K63.KTCOKHI2	4.8	23020		Hiếu	
32	226	221331412	Trần Thái Hòa	K63.KTCOKHI2	6.5	23004		Hòa	
33	227	221301413	Lê Nguyễn Hoàn	K63.KTCOKHI2	3.0	23011		Hoàn	
34	228	221301415	Nguyễn Bá Hoàng	K63.KTCOKHI2	5.5	23020		Hoàng	
35	229	221331420	Lê Tuấn Hùng	K63.KTCOKHI2	8.5	23004		Hùng	
36	230	221331422	Nguyễn Thanh Hùng	K63.KTCOKHI2	2.0	23006		Hùng	
37	231	221331423	Phạm Văn Hùng	K63.KTCOKHI2	9.3	23004		Hùng	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	232	221331424	Trần Quang Hùng	K63.KTCOKHI2	8.3	23020		Hùng	
39	233	221331425	Võ Đại Hùng	K63.KTCOKHI2	1.0	23011		Hùng	
40	234	221331434	Nguyễn Khánh Hưng	K63.KTCOKHI2	5.0	23005		Hưng	
41	235	221331426	Hà Đức Huy	K63.KTCOKHI2	0.8	23006		Huy	
42	236	221331430	Nguyễn Khắc Huy	K63.KTCOKHI2	2.0	23020		Huy	
43	237	221331437	Lê Ngọc Khanh	K63.KTCOKHI2	4.0	23004		Khanh	
44	238	221331441	Nguyễn Quang Duy Khánh	K63.KTCOKHI2	5.8	23011		Khanh	
45	239	221331443	Phạm Đăng Khoa	K63.KTCOKHI2	1.0	23020		Khoa	
46	240	221331445	Nguyễn Trung Kiên	K63.KTCOKHI2	5.5	23004		Kiên	
47	241	221331450	Ngô Quý Long	K63.KTCOKHI2	4.3	23006		Long	
48	242	221331453	Nguyễn Quang Lương	K63.KTCOKHI2	0.0	23005		Lương	
49	243	221331454	Đinh Trần Đức Mạnh	K63.KTCOKHI2	7.0	23006		Mạnh	
50	244	221331455	Nguyễn Tiến Mạnh	K63.KTCOKHI2	7.5	23005		Mạnh	
51	245	221331456	Nguyễn Đức Minh	K63.KTCOKHI2		23004		Minh	Nợ HP 0.0
52	246	221331457	Trần Duy Minh	K63.KTCOKHI2	6.8	23011		Minh	
53	247	221331459	Nguyễn Phương Nam	K63.KTCOKHI2		23006		Nam	Nợ HP 8.0
54	248	221301461	Nguyễn Thành Nam	K63.KTCOKHI2	3.5	23005		Nam	
55	249	221301466	Nguyễn Ngọc Ninh	K63.KTCOKHI2	8.3	23006		Ninh	
56	250	221331467	Nguyễn Ngọc Phi	K63.KTCOKHI2	5.0	23004		Phi	
57	251	221331471	Đặng Văn Phương	K63.KTCOKHI2	9.3	23020		Phương	
58	252	221331472	Phạm Đình Phương	K63.KTCOKHI2	6.0	23011		Phương	
59	253	221331477	Hồ Đức Anh Quân	K63.KTCOKHI2	0.0	23005		Quân	
60	254	221331474	Nguyễn Đức Quang	K63.KTCOKHI2	6.0	23006		Quang	
61	255	221331476	Trần Hữu Quang	K63.KTCOKHI2	4.5	23004		Quang	
62	256	221301479	Bùi Hoàng Sơn	K63.KTCOKHI2	7.0	23006		Sơn	
63	257	221331482	Nguyễn Thành Tâm	K63.KTCOKHI2	10.0	23005		Tâm	
64	258	221331492	Lê Duy Thắng	K63.KTCOKHI2	2.5	23020		Thắng	
65	259	221331485	Đỗ Quang Thanh	K63.KTCOKHI2	3.0	23004		Thanh	
66	260	221301494	Vũ Mạnh Thế	K63.KTCOKHI2	4.5	23011		Thế	
67	261	221331496	Nguyễn Tiến Thịnh	K63.KTCOKHI2	4.8	23004		Thịnh	
68	262	221331498	Bùi Thủy Tiên	K63.KTCOKHI2		23011		Tiên	Nợ HP 7.8
69	263	221331499	Trần Việt Tiến	K63.KTCOKHI2	6.0	23020		Tiến	
70	264	221331500	Lã Ngọc Tĩnh	K63.KTCOKHI2	8.3	23011		Tĩnh	
71	265	221331501	Trần Văn Toàn	K63.KTCOKHI2	9.3	23020		Toàn	
72	266	221331502	Nguyễn Hải Triều	K63.KTCOKHI2	6.3	23011		Triều	
73	267	221331503	Tô Văn Trọng	K63.KTCOKHI2					Nợ HP
74	268	221331505	Thân Văn Trung	K63.KTCOKHI2	6.8	23005		Trung	
75	269	221331508	Vũ Đình Trường	K63.KTCOKHI2	0.5	23006		Trường	
76	270	221301510	Đặng Quang Tú	K63.KTCOKHI2	6.5	23004		Tú	
77	271	221331511	Nguyễn Anh Tú	K63.KTCOKHI2	5.0	23011		Tú	
78	272	221331513	Trần Văn Tuấn	K63.KTCOKHI2	5.8	23020		Tuấn	
79	273	221301514	Nguyễn Văn Tuấn	K63.KTCOKHI2	8.3	23005		Tuấn	

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
80	274	221301516	Đỗ Duy Tùng	K63.KTCOKHI2	7.8	23005			
81	275	221331517	Đỗ Xuân Tùng	K63.KTCOKHI2	3.3	23020			
82	276	221331518	Đỗ Xuân Tùng	K63.KTCOKHI2	4.5	23006			
83	277	221331519	Ngô Quang Tùng	K63.KTCOKHI2	6.0	23011			
84	278	221331520	Nguyễn Đình Tùng	K63.KTCOKHI2	5.0	23005			
85	279	221331521	Nguyễn Thế Tùng	K63.KTCOKHI2	10.0	23020			
86	280	221301523	Lưu Đình Tuyển	K63.KTCOKHI2	10.0	23004			
87	281	221331528	Trịnh Quốc Vương	K63.KTCOKHI2	8.5	23006			

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Trần Văn Long

PGS.TS. Xuân Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 2

Mã DST: BS0.102.2_07/03/2023_2_4BS0.102.2-1-1-22(N36) Thi tại : 305-A5

Ngày thi: 07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	247	221331459	Nguyễn Phương Nam	K63.KTCOKHI2	8,0				
2	262	221331498	Bùi Thủy Tiên	K63.KTCOKHI2	7,8				

Tổng số bài thi : 02

Tổng số tờ giấy thi :

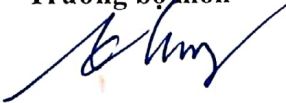
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương


Nguyễn Minh Hùng

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_5BS0.102.2-1-1-22(N37) Thi tại : 405-A3

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:5

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	282	222931688 ✓	Đỗ Trọng Anh	K63.KTNHIET1	4,3	23006		Anh	
2	283	222931689 ✓	Đỗ Việt Anh	K63.KTNHIET1	7,3	23005		Anh	
3	284	222931690 ✓	Hồ Công Hùng Anh	K63.KTNHIET1	3,0	23011		Anh	
4	285	222901691 ✓	Phí Việt Anh	K63.KTNHIET1	2,0	23006		Anh	
5	286	222931692 ✓	Nguyễn Xuân Bắc	K63.KTNHIET1	5,8	23004		Bắc	
6	287	222931693 ✓	Vũ Đức Bình	K63.KTNHIET1	2,8	23004		Bình	
7	288	222931694 ✓	Nguyễn Ngọc Chiến	K63.KTNHIET1	4,3	23020		Chiến	
8	289	222931703	Nguyễn Thành Đạt	K63.KTNHIET1					viết
9	290	222931705 ✓	Bùi Minh Đức	K63.KTNHIET1	5,0	23011		Đức	
10	291	222931706 ✓	Lê Anh Đức	K63.KTNHIET1	1,0	23005		Đức	
11	292	222931708 ✓	Nguyễn Kim Đức	K63.KTNHIET1	1,5	23006		Đức	
12	293	222931709 ✓	Nguyễn Minh Đức	K63.KTNHIET1	00,0	23006		Đức	
13	294	222931710 ✓	Vũ Thế Đức	K63.KTNHIET1	4,3	23005		Đức	
14	295	222931695 ✓	Đoàn Hiếu Dũng	K63.KTNHIET1	3,5	23011		Dũng	
15	296	222901696 ✓	Trần Tuấn Dũng	K63.KTNHIET1	1,5	23020		Dũng	
16	297	222931700 ✓	Bùi Quang Dương	K63.KTNHIET1	1,5	23004		Dương	
17	298	222931701 ✓	Hà Huy Dương	K63.KTNHIET1	3,8	23004		Dương	
18	299	222901702 ✓	Vũ Hàn Hải Dương	K63.KTNHIET1	3,0	23020		Dương	
19	300	222931697 ✓	Kiều Ngọc Duy	K63.KTNHIET1	00,0	23011		Duy	
20	301	222931698 ✓	Lê Huy Duy	K63.KTNHIET1	5,0	23005		Duy	
21	302	222931699 ✓	Nguyễn Văn Duy	K63.KTNHIET1	7,8	23006		Duy	
22	303	222931711 ✓	Nguyễn Mạnh Hoàng Hà	K63.KTNHIET1	1,0	23006		Hà	
23	304	222901712 ✓	Trịnh Ngọc Hải	K63.KTNHIET1	1,5	23005		Hải	
24	305	222931713 ✓	Nguyễn Hữu Hiệp	K63.KTNHIET1	4,0	23011		Hiệp	
25	306	222931715 ✓	Lê Trung Hiếu	K63.KTNHIET1	6,8	23020		Hiếu	
26	307	222931716 ✓	Lê Ngọc Hoan	K63.KTNHIET1	3,3	23004		Hoan	
27	308	222901717 ✓	Phạm Ngọc Hoan	K63.KTNHIET1	6,0	23004		Hoan	
28	309	222931718 ✓	Nguyễn Văn Hoàn	K63.KTNHIET1	4,0	23020		Hoàn	
29	310	222901719 ✓	Chu Huy Hoàng	K63.KTNHIET1		23006		Hoàng	20 Nợ HP
30	311	222931720 ✓	Nguyễn Đình Hoàng	K63.KTNHIET1	3,3	23011		Hoàng	
31	312	222931721 ✓	Ninh Việt Hoàng	K63.KTNHIET1	2,3	23005		Hoàng	
32	313	222931722 ✓	Phan Vũ Hoàng	K63.KTNHIET1	5,0	23006		Hoàng	
33	314	222931723 ✓	Giang Văn Hùng	K63.KTNHIET1	4,5	23006		Hùng	
34	315	222931724 ✓	Hoàng Đức Hùng	K63.KTNHIET1		23005		Hùng	5,3 Nợ HP
35	316	222931726 ✓	Nguyễn Duy Hưng	K63.KTNHIET1	1,3	23005		Hưng	
36	317	222931727 ✓	Trần Quốc Hưng	K63.KTNHIET1	00,0	23011		Hưng	
37	318	222901725 ✓	Vũ Đức Huy	K63.KTNHIET1	4,8	23020		Huy	

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:5

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	319	222931729 ✓	Nguyễn Duy Khánh	K63.KTNHIET1	1,0	23004	01	Khánh	
39	320	222931730 ✓	Nguyễn Văn Khánh	K63.KTNHIET1	4,0	23004	01	Khánh	
40	321	222931732 ✓	Lê Trung Kiên	K63.KTNHIET1	3,5	23020	01	Kiên	
41	322	222931733 ✓	Nguyễn Trung Kiên	K63.KTNHIET1	3,0	23011		Kiên	

Tổng số bài thi : 40

Tổng số tờ giấy thi :

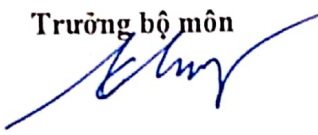
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


N.P. Bình


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_6BS0.102.2-1-1-22(N37) Thi tại : 501-A3

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:6

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	323	222931731	Phạm Bảo Khánh	K63.KTNHIET1	5,5	23006		Khánh	
2	324	222931734	Bùi Văn Lâm	K63.KTNHIET1	6,5	23004		Lâm	
3	325	222931735	Đinh Duy Lâm	K63.KTNHIET1	6,0	23006		Lâm	
4	326	222931736	Phạm Duy Liêm	K63.KTNHIET1	9,0	23020		Liêm	
5	327	222931738	Đinh Văn Long	K63.KTNHIET1	2,8	23011		Long	
6	328	222901737	Đỗ Hoàng Long	K63.KTNHIET1	1,5	23005		Long	
7	329	222931739	Phạm Đức Lương	K63.KTNHIET1	2,3	23006		Lương	
8	330	222901740	Hà Văn Mạnh	K63.KTNHIET1	7,5	23004		Mạnh	
9	334	222931744	Trần Văn Mạnh	K63.KTNHIET4					Nợ HP
10	332	222931742	Đặng Ngọc Minh	K63.KTNHIET1	3,3	23011		Minh	
11	333	222931743	Lê Anh Minh	K63.KTNHIET1	4,5	23005		Minh	
12	334	222931744	Phạm Quang Minh	K63.KTNHIET1	2,3	23006		Minh	
13	335	222931745	Bùi Đình Mộc	K63.KTNHIET1	2,5	23004		Mộc	
14	336	222931746	Đoàn Nhất Nam	K63.KTNHIET1	3,8	23020		Nam	
15	337	222931747	Lê Viết Hoàng Nam	K63.KTNHIET1	2,8	23011		Nam	
16	338	222931748	Vũ Hải Nam	K63.KTNHIET1	0,5	23020		Nam	
17	339	222931749	Lê Minh Nhất	K63.KTNHIET1	2,8	23004		Nhất	
18	340	222931750	Bùi Hoàng Phong	K63.KTNHIET1	8,8	23006		Phong	
19	341	222931751	Nguyễn Cảnh Phước	K63.KTNHIET1	1,3	22005		Phước	
20	342	222931753	Lý Hồng Quân	K63.KTNHIET1	4,8	23005		Quân	
21	343	222931752	Phan Minh Quang	K63.KTNHIET1	1,5	23011		Quang	
22	344	222931754	Phạm Vũ Quý	K63.KTNHIET1	7,5	23020		Quý	
23	345	222931755	Hồ Hải Sơn	K63.KTNHIET1	5,0	23004		Sơn	
24	346	222931757	Tổng Trần Thiện Tâm	K63.KTNHIET1	9,5	23004		Tâm	
25	347	222901758	Lê Văn Thái	K63.KTNHIET1	00,0	23004		Thái	
26	348	222931759	Nguy Nguyễn Việt Thái	K63.KTNHIET1	9,8	23006		Thái	
27	349	222931762	Thiều Đình Thắng	K63.KTNHIET1	3,0	23005		Thắng	
28	350	222931760	Phạm Văn Thành	K63.KTNHIET1	4,8	23011		Thành	
29	351	222931761	Trần Nhật Thành	K63.KTNHIET1	1,8	23011		Thành	
30	352	222931764	Lương Thế Tiến	K63.KTNHIET1	2,5	23020		Tiến	
31	353	222931765	Ngô Duy Tiến	K63.KTNHIET1	1,3	23006		Tiến	
32	354	222931766	Bùi Ngọc Tiếp	K63.KTNHIET1	0,5	23011		Tiếp	
33	355	222931767	Hoàng Quốc Toại	K63.KTNHIET1	3,8	23020		Toại	
34	356	222931770	Trần Văn Triệu	K63.KTNHIET1					vắng
35	357	222931771	Nguyễn Thành Trung	K63.KTNHIET1	8,3	23006		Trung	
36	358	222931772	Nguyễn Văn Trường	K63.KTNHIET1	3,3	23004		Trường	
37	359	222901775	Phan Ngọc Tú	K63.KTNHIET1	7,0	23020		Tú	

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:6

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	360	222901776	Hà Anh Tuấn	K63.KTNHIE1	9,3	23020		Tuấn	
39	361	222931777	Trần Quốc Tuấn	K63.KTNHIE1	1,5	23005		Tuấn	
40	362	222931778	Cao Xuân Tùng	K63.KTNHIE1	3,0	23005		Tùng	
41	363	222931779	Nguyễn Thanh Tùng	K63.KTNHIE1	2,0	23020		Tùng	
42	364	222931780	Vũ Tiến Tùng	K63.KTNHIE1	5,5	23005		Tùng	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

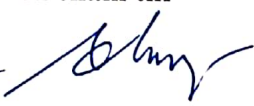
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

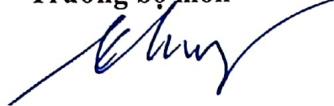
Hai giáo viên chấm thi

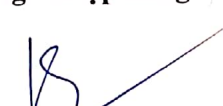
Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Hoàng Thuý Linh


Trần Văn Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_5BS0.102.2-1-1-22(N37) Thi tại : 405-A3

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:5

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	315	222931724	Hoàng Đức Hùng	K63.KTNHIE1	5,5				

Tổng số bài thi : 01

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

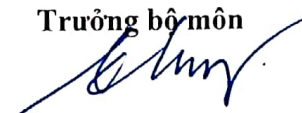
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


NM Hùng


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_7BS0.102.2-1-1-22(N38) Thi tại : 501-A7

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:7

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	365	223931597	Trần Văn An	K63.CDT	7,8	06		An	
2	366	223931598	Đỗ Ngọc Anh	K63.CDT	9,0	04		Anh	
3	367	223931599	Hoàng Việt Anh	K63.CDT	6,0	20		Anh	
4	368	223931600	Lê Duy Anh	K63.CDT	4,8	06		Anh	
5	369	223931601	Phùng Thế Anh	K63.CDT	5,8	05		T. Anh	
6	370	223931602	Trần Tuấn Anh	K63.CDT	6,8	11		Anh	
7	371	223931603	Hà Gia Bảo	K63.CDT	9,3	11		Bảo	
8	372	223931604	Nguyễn Quốc Bảo	K63.CDT	6,0	05		Bảo	
9	373	223931605	Bùi Xuân Bình	K63.CDT	7,5	06		Bình	
10	374	223931606	Lê Minh Chiến	K63.CDT	10,0	20		Chiến	
11	375	223931607	Nguyễn Trọng Chinh	K63.CDT	10,0	20		Chinh	
12	376	223931608	Nguyễn Khắc Chính	K63.CDT	8,5	11		Chính	
13	377	223931610	Trần Phương Cường	K63.CDT	7,3	04		Cường	
14	378	223931611	Vương Hoàng Cường	K63.CDT	7,5	04		Cường	
15	379	223931617	Nguyễn Tiến Đạt	K63.CDT	4,5	20		Đạt	
16	380	223931618	Nguyễn Tiến Đạt	K63.CDT	3,0	11		Đạt	
17	381	223931619	Trần Đình Đạt	K63.CDT	9,3	04		Đạt	
18	382	223931620	Vũ Thành Đạt	K63.CDT	6,5	06		Đạt	
19	383	223931621	Mai Ngọc Đức	K63.CDT	9,0	05		Đức	
20	384	223931622	Nguyễn Văn Đức	K63.CDT	6,0	20		Đức	
21	385	223931612	Dương Lê Dũng	K63.CDT	8,5	05		Dũng	
22	386	223921613	Đặng Khương Duy	K63.CDT	1,0	011		Duy	
23	387	223931614	Lê Đình Bảo Duy	K63.CDT	7,0	11		Duy	
24	388	223931615	Phạm Văn Duy	K63.CDT	8,3	06		Duy	
25	389	223931616	Trần Văn Duy	K63.CDT	6,3	05		Duy	
26	390	223931623	Đoàn Văn Giới	K63.CDT	8,0	04		Giới	
27	391	223931624	Vũ Văn Hạnh	K63.CDT	8,3	11		Hạnh	
28	392	223931625	Trần Hoàng Hào	K63.CDT	9,0	20		Hào	
29	393	223931627	Nguyễn Minh Hậu	K63.CDT	8,0	11		Hậu	
30	394	223931628	Hoàng Minh Hiếu	K63.CDT	3,5	04		HIẾU	
31	395	223931629	Hoàng Trung Hiếu	K63.CDT	9,0	06		Hiếu	
32	396	223931631	Phạm Trọng Hiếu	K63.CDT	9,5	05		Hiếu	
33	397	223931632	Nguyễn Văn Hiệu	K63.CDT	8,8	05		Hiếu	
34	398	223931633	Nguyễn Ngọc Hòa	K63.CDT	6,8	20		Hòa	
35	399	223931634	Phí Huy Hoàng	K63.CDT	7,0	04		Hoàng	
36	400	223931638	Nguyễn Văn Hưng	K63.CDT	8,3	06		Hưng	
37	401	223931639	Nguyễn Đức Hữu	K63.CDT	2,3	04		Hữu	
38	402	223931635	Lê Đình Huy	K63.CDT	9,5	20		Huy	
39	403	223931636	Nguyễn Phương Huy	K63.CDT	7,5	04		Huy	
40	404	223931637	Nguyễn Quang Huy	K63.CDT	9,0	06		Huy	
41	405	223931640	Nguyễn Minh Khôi	K63.CDT	8,0	05		Khôi	
42	406	223931641	Mai Việt Khương	K63.CDT	7,5	06		Khương	

Ngày thi: 07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 7

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	407	223931642	Trần Trung Kiên	K63.CDT	8,8	05		Kiên	
44	408	223931644	Đặng Hoàng Long	K63.CDT	10,0	20		Long	
45	409	223931643	Đỗ Đức Long	K63.CDT	8,5	11		Long	
46	410	223931645	Nguyễn Đình Long	K63.CDT	4,5	20		Long	
47	411	223931646	Vũ Trí Long	K63.CDT	9,5	04		Long	
48	412	223931647	Trần Đức Lương	K63.CDT	6,3	04		Lương	
49	413	223931648	Trần Văn Mai	K63.CDT	7,3	06		Mai	
50	414	223911649	Đặng Vũ Tuấn Minh	K63.CDT	4,5	11		Minh	
51	415	223931650	Hà Quốc Minh	K63.CDT	4,8	05		Minh	
52	416	223931651	Lê Tuấn Minh	K63.CDT	5,5	06		Minh	
53	417	223931652	Vũ Văn Minh	K63.CDT	7,5	04		Minh	
54	418	223931653	Hoàng Sơn Nam	K63.CDT	00,0				rỗng
55	419	223931654	Lưu Hải Nam	K63.CDT	8,5	05		Nam	
56	420	223931655	Mai Hoài Nam	K63.CDT	8,3	06		Nam	
57	421	223931656	Nguyễn Thành Nam	K63.CDT	7,3	11		Nam	
58	422	223931657	Nguyễn Văn Nam	K63.CDT	9,8	20		Nam	
59	423	223931658	Nguyễn Văn Nam	K63.CDT	7,8	11		Nam	
60	424	223931659	Phạm Ngọc Nam	K63.CDT	9,5	20		Nam	

Tổng số bài thi : 59

Tổng số tờ giấy thi :

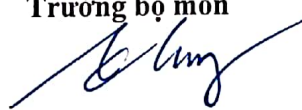
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

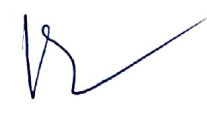
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


 Nguyễn Thị Minh Hiền
 M.P. Bình


 PGS.TS. Trần Văn Long


 Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2023_2_8BS0.102.2-1-1-22(N38) Thi tại : 502-A7

Ngày thi:07/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:8

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	425	223931660	Trần Quang Nam	K63.CDT	7,8	23020		Nam	
2	426	223931661	Nguyễn Thành Nghĩa	K63.CDT	9,5	23020		Nghĩa	
3	427	221532329	Nguyễn Trần Đại Nghĩa	K63.CDT	2,0	23004		Nghĩa	
4	428	223931662	Trần Văn Phong	K63.CDT	8,8	23011		Phong	
5	429	223931663	Nguyễn Minh Phương	K63.CDT	5,3	23004		Phương	
6	430	223931664	Lê Nhật Quang	K63.CDT	10,0	23011		Quang	
7	431	223931665	Nguyễn Thanh Quang	K63.CDT	6,8	23020		Quang	
8	432	223931666	Vũ Đăng Quang	K63.CDT	8,3	23005		Quang	
9	433	223931667	Đỗ Minh Quốc	K63.CDT	3,5	23005		Quốc	
10	434	223931668	Nguyễn Mạnh Quỳnh	K63.CDT	9,0	23005		Quỳnh	
11	435	223931669	Đỗ Hồng Sơn	K63.CDT	4,3	23006		Sơn	
12	436	223931670	Trần Công Sơn	K63.CDT	3,0	23006		Sơn	
13	437	223931671	Nguyễn Hải Tân	K63.CDT	7,3	23005		Tân	
14	438	223931674	Trần Văn Thân	K63.CDT	5,8	23011		Thân	
15	439	223931673	Trần Văn Thắng	K63.CDT	10,0	23020		Thắng	
16	440	223931672	Hà Tiến Thành	K63.CDT	6,8	23011		Thành	
17	441	223931675	Hoàng Bá Thuận	K63.CDT	7,0	23006		Thuận	
18	442	223931676	Đoàn Minh Thuận	K63.CDT	5,3	23004		Thuận	
19	443	223931677	Nguyễn Văn Thuận	K63.CDT	2,8	23006		Thuận	
20	444	223931678	Hoàng Bảo Trung	K63.CDT	1,5	23006		Trung	
21	445	223931679	Hoàng Duy Tú	K63.CDT	4,3	23005		Tú	
22	446	223931680	Nguyễn Viết Tú	K63.CDT	4,8	23005		Tú	
23	447	223931681	Nguyễn Anh Tuấn	K63.CDT	7,5	23004		Tuấn	
24	448	223931682	Trần Văn Tùng	K63.CDT	9,5	23020		Tùng	
25	449	223931683	Lê Phúc Tuyên	K63.CDT	8,0	23004		Tuyên	
26	450	223931684	Nguyễn Duy Văn	K63.CDT	9,3	23020		Văn	
27	451	223931685	Lưu Quang Việt	K63.CDT	7,3	23004		Việt	
28	452	223931686	Ninh Văn Vinh	K63.CDT	3,3	23006		Vinh	
29	453	223931687	Vũ Quang Vinh	K63.CDT	8,0	23011		Vinh	

Tổng số bài thi : 29

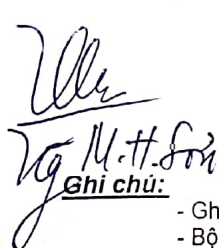
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

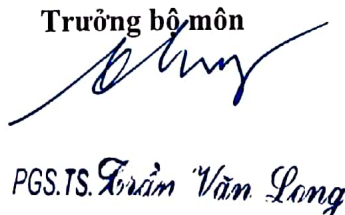
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Ghi chú:


M.P. Binh


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_9BS0.102.2-1-1-22(N39) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:08/03/2023 Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30) Phòng số:9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	454	224031781	✓ Đỗ Minh An	K63.KTCKDL1	10.0	23019		An	
2	455	224031782	✓ Nguyễn Văn An	K63.KTCKDL1	8.5	23016		An	
3	456	224031784	✓ Bùi Hoàng Anh	K63.KTCKDL2	5.5	23003		Anh	
4	457	224001785	✓ Đỗ Việt Anh	K63.KTCKDL1	8.3	23007		Anh	
5	458	224031787	✓ Hà Công Anh	K63.KTCKDL2	9.0	23012		Anh	
6	459	224031788	○ Hoàng Việt Anh	K63.KTCKDL1	00.0				Vắng
7	460	224031790	✓ Nguyễn Đức Anh	K63.KTCKDL1	00.0	23016		Anh	
8	461	224001791	✓ Nguyễn Hoàng Anh	K63.KTCKDL2	5.8	23016		Anh	
9	462	224001794	✓ Trần Huỳnh Hải Anh	K63.KTCKDL2	4.5	23019		Anh	
10	463	224031795	✓ Lê Danh Nhật Ánh	K63.KTCKDL2	8.8	23003		Anh	
11	464	224031796	✓ Khúc Ngọc Bách	K63.KTCKDL2	9.3	23019		Bách	
12	465	224031798	✓ Nguyễn Văn Bấy	K63.KTCKDL1	5.0	23012		Bấy	
13	466	224031800	✓ Hà Tiến Công	K63.KTCKDL2	9.3	23019		Công	
14	467	224031801	✓ Hoàng Chí Cường	K63.KTCKDL2	2.5	23003		Cường	
15	468	224031826	✓ Nguyễn Hải Đăng	K63.KTCKDL1	6.0	23007		Đăng	
16	469	224031818	○ Lê Tiến Đạt	K63.KTCKDL1	00.0				Vắng
17	470	224004933	✓ Nguyễn Đăng Thành Đạt	K63.KTCKDL1	6.0	23016		Đạt	
18	471	224031819	✓ Nguyễn Minh Đạt	K63.KTCKDL1	6.5	23007		Đạt	
19	472	224031820	✓ Nguyễn Quốc Đạt	K63.KTCKDL1	5.5	23019		Đạt	
20	473	224031821	✓ Nguyễn Tiến Đạt	K63.KTCKDL2	5.5	23012		Đạt	
21	474	224031824	✓ Phạm Quốc Đạt	K63.KTCKDL2	4.8	23016		Đạt	
22	475	224031823	✓ Phan Đức Đạt	K63.KTCKDL2	5.5	23016		Đạt	
23	476	224031825	✓ Vũ Tiến Đạt	K63.KTCKDL2	3.0	23016		Đạt	
24	477	224031827	✓ Lý Công Đoan	K63.KTCKDL2	0.5	23016		Đoan	
25	478	224031828	✓ Đoàn Anh Đức	K63.KTCKDL2	6.0	23012		Đức	
26	479	224031832	✓ Nguyễn Hoàng Đức	K63.KTCKDL2	4.5	23019		Đức	
27	480	224031833	○ Nguyễn Tiến Đức	K63.KTCKDL2	00.0				Vắng
28	481	224001805	✓ Đỗ Hữu Dũng	K63.KTCKDL2	6.0	23007		Dũng	
29	482	224031806	✓ Vũ Tiến Dũng	K63.KTCKDL2	6.3	23012		Dũng	
30	483	224031813	✓ Đinh Ngọc Thái Dương	K63.KTCKDL2	4.0	23003		Dương	
31	484	224031814	✓ Hồ Mạnh Dương	K63.KTCKDL1	2.3	23016		Dương	
32	485	224001816	✓ Vũ Trọng Tùng Dương	K63.KTCKDL1	7.3	23007		Dương	
33	486	224031808	✓ Đặng Quang Duy	K63.KTCKDL2	7.5	23012		Duy	
34	487	224031809	✓ Lê Ngọc Duy	K63.KTCKDL1	3.5			Duy	
35	488	224031810	✓ Nguyễn Đình Duy	K63.KTCKDL2	3.0	23007		Duy	
36	489	224031812	Trần Trọng Duy	K63.KTCKDL2					Nợ HP
37	490	224031836	✓ Dương Đức Giang	K63.KTCKDL1	1.3	23016		Giang	
38	491	224031837	✓ Hoàng Trường Giang	K63.KTCKDL1	4.0	23007		Giang	
39	492	224001839	✓ Đỗ Xuân Hà	K63.KTCKDL2	1.3	23019		Hà	
40	493	224031841	✓ Lê Quang Hanh	K63.KTCKDL1	9.8	23003		Hanh	

Ma DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_9BS0.102.2-1-1-22(N39) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
41	494	224031843	Đinh Trọng Hiệp	K63.KTCKDL1	00.0				Vắng
42	495	224031845	Lê Huy Hiếu	K63.KTCKDL1	9.0	23012		Hiếu	
43	496	224001847	Nguyễn Minh Hiếu	K63.KTCKDL1	6.3	23012		Hiếu	
44	497	224001850	Nguyễn Trung Hiếu	K63.KTCKDL2	4.3	23016		Hiếu	
45	498	224001851	Thân Trọng Hiếu	K63.KTCKDL1	00.0				Vắng
46	499	224031853	Trần Huy Hiệu	K63.KTCKDL1	9.8	23007		Hiệu	
47	500	224001858	Nguyễn Hữu Hoàng	K63.KTCKDL1	1.3	23003		Hoàng	
48	501	224031859	Nguyễn Huy Hoàng	K63.KTCKDL3	3.5	23007		Hoàng	
49	502	224031860	Nguyễn Huy Hoàng	K63.KTCKDL3	2.0	23019		Hoàng	
50	503	224031861	Nguyễn Ngọc Hoàng	K63.KTCKDL3	00.0				Vắng
51	504	224031862	Phạm Minh Hoàng	K63.KTCKDL3	1.5	23019		Hoàng	
52	505	224001863	Nguyễn Danh Học	K63.KTCKDL1	8.0	23003		Học	
53	506	224031876	Nguyễn Quang Hưng	K63.KTCKDL3	7.3	23019		Hưng	
54	507	224031877	Nguyễn Tiến Hưng	K63.KTCKDL3	8.0	23007		Hưng	
55	508	224001879	Phùng Tuấn Hưng	K63.KTCKDL2	3.5	23003		Hưng	
56	509	224031871	Đỗ Đức Tiến Huy	K63.KTCKDL3	8.0	23019		Huy	
57	510	224031870	Dương Gia Huy	K63.KTCKDL3	2.5	23012		Huy	
58	511	224001875	Trần Quang Huy	K63.KTCKDL1	7.5	23003		Huy	
59	512	224031880	Nguyễn Tuấn Khanh	K63.KTCKDL3	2.8	23019		Khanh	
60	513	224031885	Đỗ Nguyễn Trung Kiên	K63.KTCKDL3	2.8	23012		Kiên	
61	514	224031886	Nguyễn Đức Kiên	K63.KTCKDL3	4.0	23007		Kiên	
62	515	224031892	Đàm Hoàng Long	K63.KTCKDL3	5.0	23019		Long	
63	516	224001893	Nguyễn Ngọc Bảo Long	K63.KTCKDL4		22003		Long	Nợ HP
64	517	224031895	Nguyễn Bá Lương	K63.KTCKDL3	6.0	23003		Lương	
65	518	224001897	Hà Tiến Mạnh	K63.KTCKDL1	5.0	23003		Mạnh	
66	519	224031898	Lê Đức Mạnh	K63.KTCKDL3	6.8	23019		Mạnh	
67	520	224031902	Đoàn Quang Minh	K63.KTCKDL3	3.0	23007		Minh	
68	521	224001904	Phạm Ngọc Minh	K63.KTCKDL1	5.0	23016		Minh	
69	522	224031905	Bùi Phương Nam	K63.KTCKDL3	1.8	23003		Nam	
70	523	224001907	Hà Đức Nam	K63.KTCKDL1	7.3	23007		Nam	
71	524	224001908	Vũ Hoàng Nam	K63.KTCKDL2	3.0	23016		Nam	
72	525	224031909	Hoàng Trung Nghĩa	K63.KTCKDL3	4.3	23012		Nghĩa	
73	526	224031912	Dương Văn Ngự	K63.KTCKDL3	5.0	23007		Ngự	
74	527	224031911	Đào Phan Nguyên	K63.KTCKDL3	3.0	23012		Phan Nguyên	
75	528	224031914	Đinh Xuân Nhật	K63.KTCKDL3	6.3	23016		Phong	
76	529	224031915	Vũ Đức Nhật	K63.KTCKDL3	6.8	23016		Phong	
77	530	224001918	Lê Công Phong	K63.KTCKDL1	2.0	23003		Phong	
78	531	224031919	Lê Xuân Phong	K63.KTCKDL3	4.8	23019		Phong	
79	532	224001921	Trịnh Bá Phong	K63.KTCKDL2	00.0				Vắng
80	533	224001933	Võ Mạnh Quân	K63.KTCKDL1	9.3	23007		Quân	
81	534	224031926	Hoàng Minh Quang	K63.KTCKDL3	2.0	23003		Quang	
82	535	224001937	Vũ Văn Quyên	K63.KTCKDL2	6.3	23012		Quyên	
83	536	224001938	Lý Văn Quyết	K63.KTCKDL2	3.0	23012		Quyết	
84	537	224031943	Nguyễn Trung Sơn	K63.KTCKDL3	7.5	23016		Sơn	

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
85	538	224001947 ✓	Trần Đức Tâm	K63.KTCKDL2	3.8	23007		<i>Bm</i>	
86	539	224031972 ✓	Nguyễn Anh Tú	K63.KTCKDL3	4.5	23019		<i>tuat</i>	
87	540	224031974 ✓	Phạm Minh Tuấn	K63.KTCKDL3	8.3	23012		<i>Tuan</i>	
88	541	224031976 ✓	Đỗ Văn Tuấn	K63.KTCKDL3	2.5	23019		<i>VB</i>	
89	542	224031975 ✓	Dương Văn Tuấn	K63.KTCKDL3	7.3	23003		<i>Tuan</i>	
90	543	224001982 ✓	Trần Anh Tuấn	K63.KTCKDL1	8.5	23012		<i>Tuấn</i>	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Đặng Mai
Vũ Thị Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_10BS0.102.2-1-1-22(N39) Thi tại : 301-A5

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:10

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	544	224001948	X Lê Trung Thái	K63.KTCKDL2	3,8	23007		Thái	
2	545	224031949	X Trần Duy Thái	K63.KTCKDL3		23012		Thái	1,3 Nợ HP
3	546	224001950	X Trần Minh Thái	K63.KTCKDL2	3,3	23003		Thái	
4	547	224001958	X Trần Văn Thắng	K63.KTCKDL1	5,3	23007		Thắng	
5	548	224031952	X Chúc Văn Thanh	K63.KTCKDL3	5,5	23019		Thanh	
6	549	224001954	X Trần Quang Thanh	K63.KTCKDL2	1,3	23019		Thanh	
7	550	224031959	X Nguyễn Duy Thế	K63.KTCKDL3	00,0				KL Thu
8	551	224031961	X Dương Minh Thiện	K63.KTCKDL3	5,3	23016		Thiện	
9	552	224031963	X Lưu Văn Thịnh	K63.KTCKDL3	7,5	23012		Thịnh	
10	553	224001968	X Nguyễn Đình Trinh	K63.KTCKDL2	4,0	23012		Trinh	
11	554	224031970	X Nguyễn Quang Trung	K63.KTCKDL3	9,8	23003		Trung	
12	555	224001984	X Lương Xuân Tùng	K63.KTCKDL1	9,5	23003		Tùng	
13	556	224031990	Phạm Tuấn Việt	K63.KTCKDL3					
14	557	224001997	X Nguyễn Anh Vũ	K63.KTCKDL2	3,8	23007		Vũ	

Tổng số bài thi :

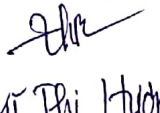
Tổng số tờ giấy thi :

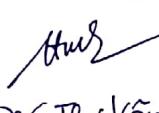
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

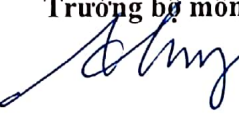
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Vũ Thị Hương


Phú Thị Văn Anh


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_9BS0.102.2-1-1-22(N39) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	516	224001893	Nguyễn Ngọc Bảo Long	K63.KTCKDL1	7,0				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

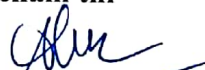
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

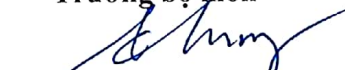
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Đặng Thị Mai


NM Hùng


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Túy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

xong

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST: BS0.102.2_08/03/2023_2_11BS0.102.2-1-1-22(N40) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 08/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 11

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	558	224001783	Vũ Đức An ✓	K63.KTCKDL3	9,8	07	2	An	
2	559	224031786	Đặng Hoàng Vương Anh ✓	K63.KTCKDL3	5,0	16		Anh.	
3	560	224031991	Đoàn Văn Việt Anh ✓	K63.KTCKDL1	10,0	03	2	Anh	
4	561	224031789	Nguyễn Bá Đức Anh	K63.KTCKDL3					Nợ HP
5	562	224001792	Tạ Việt Anh ✓	K63.KTCKDL3	5,5	19		Anh	
6	563	224031793	Trần Đức Anh ✓	K63.KTCKDL3	3,0	12		Anh	
7	564	224031797	Nguyễn Đình Bách ✓	K63.KTCKDL3	7,0	12		Bách	
8	565	224001799	Trần Hải Biên ✓	K63.KTCKDL3	3,5	07		Biên	
9	566	224031802	Phạm Văn Cường ✓	K63.KTCKDL3	5,0	07		Cường	
10	567	224001817	Nguyễn Văn Đại ✓	K63.KTCKDL3	4,3	03		Đại	
11	568	224031822	Nguyễn Xuân Đạt ✓	K63.KTCKDL3	4,3	19		Dat	
12	569	224031803	Phạm Văn Doanh ✓	K63.KTCKDL3	0,5	16		Doanh	
13	570	224031804	Mai Quý Du ✓	K63.KTCKDL3	6,5	12		Du	
14	571	224001829	Lê Hải Đức ✓	K63.KTCKDL3	7,0	07	2	Đức	
15	572	224031830	Lê Trung Đức ✓	K63.KTCKDL3	5,5	03		Đức	
16	573	224031831	Nguyễn Anh Đức ✓	K63.KTCKDL3	9,0	19	2	Đức	
17	574	224031834	Nguyễn Trung Đức ✓	K63.KTCKDL3	2,5	16		Đức	
18	575	224031835	Vũ Xuân Đức ✓	K63.KTCKDL2	0,5	16		Đức	
19	576	224031807	Nguyễn Văn Dương ✓	K63.KTCKDL3	9,3	12	2	Dương	
20	577	224001815	Thái Bình Dương ✓	K63.KTCKDL3	6,8	03		Dương	
21	578	224031811	Nguyễn Sỹ Duy ✓	K63.KTCKDL3	10,0	03		Duy	
22	579	224031838	Nguyễn Văn Giang ✓	K63.KTCKDL3	6,5	19		Giang	
23	580	224001842	Đỗ Quang Hiệp ✓	K63.KTCKDL3	7,0	16	2	Hiệp	
24	581	224031844	Dư Hoàng Minh Hiếu ✓	K63.KTCKDL2	2,8	12		Hiếu	
25	582	224031846	Nguyễn Minh Hiếu ✓	K63.KTCKDL3	8,5	07		Hiếu	
26	583	224031848	Nguyễn Minh Hiếu ✓	K63.KTCKDL3	4,3	03		Hiếu	
27	584	224031849	Nguyễn Trọng Hiếu	K63.KTCKDL3					Nợ HP
28	585	224031852	Nguyễn Đình Hiệu ✓	K63.KTCKDL2	2,3	19		Hiệu	
29	586	224031854	Đỗ Đức Minh Hóa ✓	K63.KTCKDL2	5,3	03		Hóa	
30	587	224031856	Lại Duy Hoàng ✓	K63.KTCKDL3	4,5	19	2	Hoàng	
31	588	224031857	Nguyễn Đăng Hoàng ✓	K63.KTCKDL3	6,0	16	2	Hoàng	
32	589	224031864	Mai Xuân Hợp ✓	K63.KTCKDL2	10,0	12	2	Hợp	
33	590	224031865	Bùi Duy Hùng ✓	K63.KTCKDL2	4,0	07		Hùng	
34	591	224031866	Bùi Minh Hùng ✓	K63.KTCKDL2	4,0	03		Hùng	
35	592	224031867	Lê Tuấn Hùng ✓	K63.KTCKDL2	6,5	19		Hùng	
36	593	224031868	Nguyễn Tuấn Hùng ✓	K63.KTCKDL2	4,8	19		Hùng	
37	594	224031878	Phạm Khắc Hưng ✓	K63.KTCKDL2	5,0	16		Hưng	
38	595	224001869	Bùi Tuấn Huy ✓	K63.KTCKDL3	1,0	03		Huy	
39	596	224001873	Nguyễn Quang Huy ✓	K63.KTCKDL3	4,3	07		Huy	
40	597	224031872	Nguyễn Quang Huy ✓	K63.KTCKDL1	9,0	12		Huy	
41	598	224031874	Nguyễn Quang Huy ✓	K63.KTCKDL2	2,0	07		Huy	
42	599	224031881	Hoàng Gia Khánh ✓	K63.KTCKDL1	3,8	17		Khánh	

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_11BS0.102.2-1-1-22(N40) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:11

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	600	224031882	Trần Minh Khánh ✓	K63.QLXDVA(QT)	1,0	07		Minh	
44	601	224031883	Nguyễn Đăng Khoa ✓	K63.KTCKDL1	5,8	03	01	Khoa	
45	602	224031884	Nguyễn Ngọc Khuyển ✓	K63.KTCKDL1	5,0	07		Khuyển	
46	603	224001888	Trần Tùng Lâm ✓	K63.KTCKDL3	1,0	16		Lâm	
47	604	224031887	Nguyễn Hoàng Lâm ✓	K63.KTCKDL2	7,0	03	2	Hoàng	
48	605	224001889	Nguyễn Tường Lâm ✓	K63.KTCKDL3	8,5	12	2	Tường	
49	606	224031891	Đỗ Quang Long ✓	K63.KTCKDL2	7,5	07		Long	
50	607	224031894	Nguyễn Hoàng Long ✓	K63.KTCKDL2	1,3	16		Long	
51	608	224031899	Lê Trung Mạnh ✓	K63.KTCKDL2	8,3	19	2	Mạnh	
52	609	224031900	Lê Xuân Mạnh ✓	K63.KTCKDL1	6,0	16	2	Mạnh	
53	610	224031904	Vũ Đức Mạnh	K63.KTCKDL1					Nợ HP
54	611	224031903	Nguyễn Đăng Minh ✓	K63.KTCKDL1	6,5	12	2	Minh	
55	612	224031906	Bùi Phương Nam ✓	K63.KTCKDL1		19		Nam	Nợ HP
56	613	224031910	Nguyễn Huy Nghĩa ✓	K63.KTCKDL1	00,0	07		Nghĩa	
57	614	224031913	Phạm Văn Nhân ✓	K63.KTCKDL2	6,3	12		Nhân	
58	615	224031916	Tổng Vũ Ninh ✓	K63.KTCKDL1	5,8	16	2	Ninh	
59	616	224031917	Bùi Trần Phong ✓	K63.KTCKDL1	6,0	03		Phong	
60	617	224031920	Nguyễn Chí Phong ✓	K63.KTCKDL2	8,0	16	2	Phong	
61	618	224031922	Lê Trọng Phú ✓	K63.KTCKDL1	9,5	03	2	Phú	
62	619	224001923	Nguyễn Đức Phúc ✓	K63.KTCKDL3	8,5	07	2	Phúc	
63	620	224031927	Đỗ Minh Quân ✓	K63.KTCKDL2	6,0	12		Quân	
64	621	224031928	Hà Văn Quân ✓	K63.KTCKDL1	6,5	19		Quân	
65	622	224031929	Hoàng Trung Quân ✓	K63.KTCKDL2	5,5	07	2	Quân	
66	623	224031930	Lý Anh Quân ✓	K63.KTCKDL2	8,5	12		Quân	
67	624	224001931	Nguyễn Hữu Quân ✓	K63.KTCKDL3	10,0	16		Quân	
68	625	224031932	Nguyễn Minh Quân ✓	K63.KTCKDL2	8,0	19		Quân	
69	626	224001934	Nguyễn Bùi Quang Quốc ✓	K63.KTCKDL3	4,3	03	2	Quốc	
70	627	224031935	Trịnh Minh Quý ✓	K63.KTCKDL1	3,8	07		Quý	
71	628	224031936	Vũ Tài Quyên ✓	K63.KTCKDL2	4,3	16		Quyên	
72	629	224031939	Nguyễn Hữu Sinh ✓	K63.KTCKDL1	4,8	12		Sinh	
73	630	224031940	Chu Ngọc Sơn	K63.KTCKDL1					Nợ HP
74	631	224031942	Nghiêm Đăng Sơn ✓	K63.KTCKDL1	3,8	19		Sơn	
75	632	224031944	Vũ Hồng Sơn ✓	K63.KTCKDL1	7,0	03	2	Sơn	
76	633	224031945	Nguyễn Đình Tài ✓	K63.KTCKDL2	0,5	03		Tài	
77	634	224031946	Trần Hữu Tài ✓	K63.KTCKDL1	3,5	19		Tài	
78	635	224031957	Trần Hữu Thắng ✓	K63.KTCKDL2	2,8	16		Thắng	
79	636	224031953	Phạm Văn Thanh ✓	K63.KTCKDL1	5,8	12		Thanh	
80	637	224001955	Đỗ Tiến Thành ✓	K63.KTCKDL3	5,8	07		Thành	
81	638	224031956	Nguyễn Bá Thành ✓	K63.KTCKDL2	9,5	03	2	Thành	
82	639	224031960	Nguyễn Xuân Thiêm ✓	K63.KTCKDL2	00,0	12		Thiêm	
83	640	224031962	Hoàng Đức Thịnh ✓	K63.KTCKDL2	6,8	19		Thịnh	
84	641	224031964	Phạm Quang Thịnh ✓	K63.KTCKDL2	3,8	16		Thịnh	
85	642	224001965	Hoàng Đức Thuận ✓	K63.KTCKDL3	5,0	07	2	Thuận	
86	643	224031966	Trịnh Đức Thường ✓	K63.KTCKDL1	4,3	07		Thường	
87	644	224001967	Lê Hùng Tiến ✓	K63.KTCKDL3	1,0	12	2	Tiến	
88	645	224031969	Đặng Văn Trung ✓	K63.KTCKDL1	3,8	16		Trung	
89	646	224031974	Ngô Văn Trường ✓	K63.KTCKDL2		12		Trường	Nợ HP

Ngày thi: 08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 11

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
90	647	224031973	Trần Anh Tú ✓	K63.KTCKDL2	7,3	07	2	Tú	
91	648	224031977	Lã Thành Tuấn ✓	K63.KTCKDL1	5,8	19		Tuấn	
92	649	224031978	Nguyễn Minh Tuấn ✓	K63.KTCKDL2	8,0	12		Tuấn	
93	650	224031979	Nguyễn Quang Tuấn ✓	K63.KTCKDL1	6,5	03		Tuấn	
94	651	224031980	Phạm Minh Tuấn ✓	K63.KTCKDL1	10,0	03		Tuấn	
95	652	224031981	Phạm Quốc Tuấn ✓	K63.KTCKDL1	8,8	19		Tuấn	
96	653	224031983	Dương Đình Tùng ✓	K63.KTCKDL1	1,8	16		Tùng	
97	654	224031985	Nguyễn Công Văn ✓	K63.KTCKDL1	6,3	12		Văn	
98	655	224031986	Nguyễn Văn Việt ✓	K63.KTCKDL2	5,8	19		Việt	
99	656	224031989	Phạm Đức Việt ✓	K63.KTCKDL1	2,8	16		Việt	
100	657	224031987	Phan Văn Việt ✓	K63.KTCKDL1	5,0	03		Việt	
101	658	224031988	Phí Hoàng Việt ✓	K63.KTCKDL2	5,5	19	2	Việt	
102	659	224031992	Hồ Công Vinh ✓	K63.KTCKDL2		16		Vinh	Nợ HP
103	660	224031993	Hồ Ngọc Vinh ✓	K63.KTCKDL1	8,5	12		Vinh	
104	661	224031994	Nguyễn Quang Vinh ✓	K63.KTCKDL1	7,5	07	2	Vinh	
105	662	224031996	Chu Trường Vũ ✓	K63.KTCKDL1	4,5	03		Vũ	
106	663	224031998	Nguyễn Thành Vũ ✓	K63.KTCKDL1	1,0	19		Vũ	

Tổng số bài thi : 102 bài

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ Thị Hương

Phí Thị Văn Anh

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_11BS0.102.2-1-1-22(N40) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:11

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	612	224031906	Bùi Phương Nam	K63.KTCKDL1	2,3				

Tổng số bài thi :

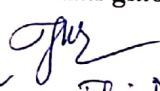
Tổng số tờ giấy thi :

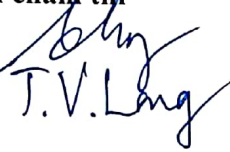
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

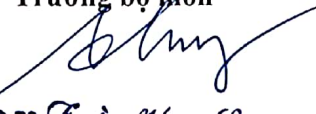
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Đặng Thị Mai


T.V. Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thủy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_11BS0.102.2-1-1-22(N40) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:11

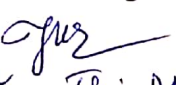
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	646	224031971	Ngô Văn Trường	K63.KTCKDL2	1,5				
2	659	224031992	Hồ Công Vinh	K63.KTCKDL2	0,8				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi


Đặng Thị Mai


T.V. Long

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Túy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

xong

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_12BS0.102.2-1-1-22(N41) Thi tại : 301-A5

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:12

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	664	224132002	X Lê Đức Anh	K63.KTOTOTN	10,0	23019		Đức Anh	
2	665	224132003	X Lê Tuấn Anh	K63.KTOTOTN	5,3	23016		Tuấn Anh	
3	666	224132004	X Lê Việt Anh	K63.KTOTOTN	9,3	23012		Việt Anh	
4	667	224132005	X Mai Tuấn Anh	K63.KTOTOTN	4,5	23019		Tuấn Anh	
5	668	224132007	X Nguyễn Đạt Tuấn Anh	K63.KTOTOTN		23013		Tuấn Anh	9,5 Nợ HP
6	669	224132013	X Trần Tiến Anh	K63.KTOTOTN	6,3	23016		Tiến Anh	
7	670	224132011	X Triệu Bảo Anh	K63.KTOTOTN	8,0	23012		Bảo Anh	
8	671	224132017	X Khổng Minh Chính	K63.KTOTOTN	6,8	23007		Minh Chính	
9	672	224132020	X Nguyễn Như Công	K63.KTOTOTN	9,0	23019		Như Công	
10	673	224132050	X Đoàn Duy Đức	K63.KTOTOTN	7,3	20019		Duy Đức	
11	674	224132054	X Nguyễn Tiến Đức	K63.KTOTOTN	4,5	23003		Tiến Đức	
12	675	224132056	X Trần Anh Đức	K63.KTOTOTN	8,0	23019		Anh Đức	
13	676	224132029	X Nguyễn Tấn Dũng	K63.KTOTOTN	6,5	23003		Tấn Dũng	
14	677	224132031	X Nguyễn Văn Dũng	K63.KTOTOTN	5,5	23019		Văn Dũng	
15	678	224132039	X Nguyễn Thái Dương	K63.KTOTOTN	10,0	23007		Thái Dương	
16	679	224132035	X Nguyễn Công Duy	K63.KTOTOTN	8,0	23016		Công Duy	
17	680	224132057	X Trần Minh Hai	K63.KTOTOTN	7,0	23012		Minh Hai	
18	681	224132067	X Đào Trung Hiếu	K63.KTOTOTN	8,8	23007		Trung Hiếu	
19	682	224132068	X Lê Quang Hiếu	K63.KTOTOTN		23016		Quang Hiếu	5,8 Nợ HP
20	683	224132089	X Nguyễn Huy Hoàng	K63.KTOTOTN		23012		Huy Hoàng	9,0 Nợ HP
24	684	224132094	X Nguyễn Văn Hoàng	K63.KTOTOTN		23016		Văn Hoàng	5,5 Nợ HP
22	685	224132109	X Hoàng Lê Hưng	K63.KTOTOTN	10,0	23007		Lê Hưng	
23	686	224132111	X Nguyễn Việt Hưng	K63.KTOTOTN	9,5	23016		Việt Hưng	
24	687	224132102	X Nguyễn Quang Huy	K63.KTOTOTN	8,8	23012		Quang Huy	
25	688	224132112	X Nguyễn Ngọc Khải	K63.KTOTOTN	8,5	23016		Ngọc Khải	
26	689	224132113	X Trần Văn Khang	K63.KTOTOTN	7,3	23003		Văn Khang	
27	690	224132114	X Nguyễn Tuấn Khanh	K63.KTOTOTN		23012		Tuấn Khanh	8,5 Nợ HP
28	691	224132129	X Mai Xuân Long	K63.KTOTOTN	3,8	23003		Mai Long	
29	692	224132143	X Nguyễn Tiến Minh	K63.KTOTOTN	3,3	23019		Tiến Minh	
30	693	224132153	X Lưu Văn Nhật	K63.KTOTOTN	3,8	23016		Văn Nhật	
31	694	224132169	X Đinh Văn Quân	K63.KTOTOTN	6,0	23016		Văn Quân	
32	695	224132168	X Đỗ Minh Quân	K63.KTOTOTN		23007		Minh Quân	7,8 Nợ HP
33	696	224132165	X Nguyễn Nhật Quang	K63.KTOTOTN	8,5	23019		Nhật Quang	
34	697	224132174	X Đào Văn Quyền	K63.KTOTOTN		23019		Văn Quyền	4,8 Nợ HP
35	698	224132180	X Nguyễn Bá Sơn	K63.KTOTOTN		23019		Bá Sơn	7,3 Nợ HP
36	699	224132184	X Nguyễn Văn Sơn	K63.KTOTOTN		23016		Văn Sơn	6,8 Nợ HP (6,8)
37	700	224132190	X Nguyễn Duy Thái	K63.KTOTOTN	10,0	23003		Duy Thái	
38	701	224132199	X Trần Văn Thắng	K63.KTOTOTN	7,5	23012		Văn Thắng	
39	702	224132210	X Phùng Văn Tiến	K63.KTOTOTN	6,3	23007		Văn Tiến	
40	703	224132216	X Ngô Xuân Trường	K63.KTOTOTN	9,0	23003		Xuân Trường	
41	704	224132219	X Đỗ Xuân Tú	K63.KTOTOTN	8,5	23012		Xuân Tú	
42	705	224132228	X Phạm Sỹ Tuấn	K63.KTOTOTN	8,8	23007		Sỹ Tuấn	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	706	224132226	Phan Văn Tuấn	K63.KTOTOTN	8,5	23003		Quản	
44	707	224132230	Vũ Văn Tuấn	K63.KTOTOTN	7,8	23016		Tuấn	
45	708	224132248	Bùi Văn Vương	K63.KTOTOTN	8,5	23012		Vương	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ Thị Hương

Phí Thị Vân Anh

PGS.TS. Nguyễn Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST: BS0.102.2_08/03/2023_2_12BS0.102.2-1-1-22(N41) Thi tại : 301-A5

Ngày thi: 08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 12

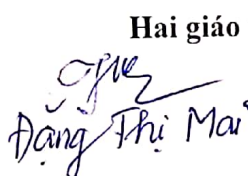
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	668	224132007	Nguyễn Đạt Tuấn Anh	K63.KTOTOTN	9,3				
2	682	224132068	Lê Quang Hiếu	K63.KTOTOTN	5,8				
3	683	224132089	Nguyễn Huy Hoàng	K63.KTOTOTN	9,0				
4	684	224132091	Nguyễn Văn Hoàng	K63.KTOTOTN	5,5				
5	690	224132114	Nguyễn Tuấn Khanh	K63.KTOTOTN	8,3				
6	695	224132168	Đỗ Minh Quân	K63.KTOTOTN	7,8				
7	697	224132174	Đào Văn Quyền	K63.KTOTOTN	4,8				
8	698	224132180	Nguyễn Bá Sơn	K63.KTOTOTN	7,3				
9	699	224132181	Nguyễn Văn Sơn	K63.KTOTOTN	6,8				

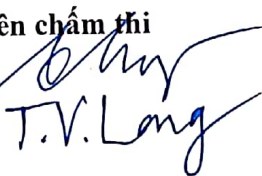
Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

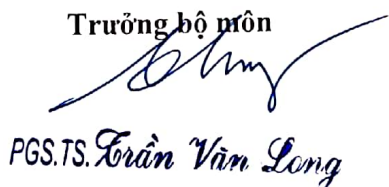
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

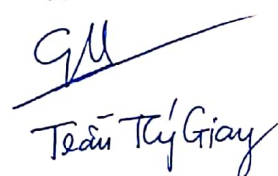

Đặng Thị Mai


T.V. Long

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Tự Giay

Ghi chú:

- Ghi đây đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_13BS0.102.2-1-1-22(N42) Thi tại : 401-A7

Ngày thi:08/03/2023				Ca thi:		Ca 2 (09:30 - 11:30)		Phòng số:13	
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	709	224132006	X Nguyễn Đức Anh	K63.KTOTO1	6.3	23019		Anh	
2	710	224132009	X Nguyễn Việt Anh	K63.KTOTO1	2.3	23016		Anh	
3	711	224132010	X Phạm Việt Anh	K63.KTOTO1	5.5	23012		Phạm	
4	712	224132012	X Trần Đức Anh	K63.KTOTO1	6.3	23007		Trần	
5	713	224132016	Quảng Văn Bình	K63.KTOTO1	00.0				Bình
6	714	224132018	X Hoàng Ngọc Chung	K63.KTOTO1	6.8	23003		Chung	
7	715	224132022	X Nguyễn Thành Công	K63.KTOTO1	9.0	23019		Công	
8	716	224132043	X Nguyễn Tiến Đạt	K63.KTOTO1	4.8	23016		Đạt	
9	717	224132044	X Trần Tiến Đạt	K63.KTOTO1	4.5	23012		Trần	
10	718	224132052	X Nguyễn Minh Đức	K63.KTOTO1	4.3	23003		Đức	
11	719	224132053	X Nguyễn Minh Đức	K63.KTOTO1	6.8	23019		Đức	
12	720	224132026	X Hoàng Đình Dũng	K63.KTOTO1		23007		Dũng	Nợ HP
13	721	224132032	X Triệu Tiến Dũng	K63.KTOTO1	5.7	23019		Dũng	
14	722	224132038	X Nguyễn Quang Dương	K63.KTOTO1	4.0	23016		Dương	
15	723	224132040	X Nguyễn Văn Dương	K63.KTOTO1	6.3	23012		Dương	
16	724	224132061	X Nguyễn Hoàng Hải	K63.KTOTO1	4.5	23017		Hải	
17	725	224132070	X Lương Trung Hiếu	K63.KTOTO1		23007		Hiếu	Nợ HP
18	726	224132071	X Ngô Ngọc Hiếu	K63.KTOTO1	10.0	23007		Hiếu	
19	727	224132081	X Phạm Trung Hiếu	K63.KTOTO1	10.0	23012		Hiếu	
20	728	224132085	X Nguyễn Huy Hoàn	K63.KTOTO1	6.5	23003		Hoàn	
21	729	224132088	X Nguyễn Duy Hoàng	K63.KTOTO1	7.0	23019		Hoàng	
22	730	224132092	X Phạm Đức Anh Hoàng	K63.KTOTO1	2.0	23012		Hoàng	
23	731	224132098	X Nguyễn Bá Hùng	K63.KTOTO1	9.3	23019		Hùng	
24	732	224132100	X Đỗ Văn Huy	K63.KTOTO1	9.3	23016		Huy	
25	733	224132107	X Trần Quang Huy	K63.KTOTO1	9.3	23003		Huy	
26	734	224132108	X Trần Văn Huy	K63.KTOTO1	9.0	23007		Huy	
27	735	882291004	X Triệu Mạnh Huy	K63.KTOTO2	3.5	23016		Huy	
28	736	224132116	X Phạm Quốc Khánh	K63.KTOTO1	8.0	23012		Khánh	Tam chân
29	737	224132121	X Ngô Minh Kiệt	K63.KTOTO1	3.5	23016		Kiệt	
30	738	224132122	X Lê Quý Kim	K63.KTOTO1	4.5	23007		Kim	
31	739	224132123	X Nguyễn Tường Lân	K63.KTOTO2	10.0	23019		Lân	
32	740	224132124	X Mai Đỗ Linh	K63.KTOTO2	2.8	23016		Linh	
33	741	224132126	X Nguyễn Trường Linh	K63.KTOTO2	5.3	23003		Linh	
34	742	224132132	X Hồ Lê Phú Lộc	K63.KTOTO1	5.3	23003		Lộc	
35	743	224132127	X Đỗ Thành Long	K63.KTOTO2	8.3	23012		Long	
36	744	224132131	X Nguyễn Hoàng Long	K63.KTOTO2	1.8	23019		Long	
37	745	224132133	X Phạm Quang Lục	K63.KTOTO1	3.0	23003		Lục	
38	746	224132135	X Trần Huy Lương	K63.KTOTO1	6.5	23012		Lương	
39	747	224132137	X Nguyễn Tử Lượng	K63.KTOTO2	4.3	23007		Lượng	
40	748	224132139	X Trần Văn Mạnh	K63.KTOTO2	7.3	23012		Mạnh	
41	749	224132141	X Đới Sỹ Minh	K63.KTOTO1	4.5	23019		Minh	
42	750	224132142	X Nguyễn Thị Minh	K63.KTOTO2	6.5	23003		Minh	

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:13

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	751	224132144	✓	Nguyễn Tuấn Minh	K63.KTOTO2	6.5	23016	Minh	
44	752	224132145	✗	Nguyễn Văn Minh	K63.KTOTO2	8.0	23016	Minh	
45	753	224132146	✗	Trịnh Quang Minh	K63.KTOTO2	2.0	23019	Minh	
46	754	882291002		Vy Văn Mừng	K63.KTOTO1	00.0			Vàng
47	755	224132147	✗	Nguyễn Hải Nam	K63.KTOTO1	9.8	23012	Nam	
48	756	221522326	✗	Nguyễn Thành Nam	K63.KTOTO1	9.5	23007	Nam	
49	757	224132148	✗	Phạm Văn Nam	K63.KTOTO2	7.5	23012	Nam	
50	758	224132150	✗	Đào Đức Nghĩa	K63.KTOTO2	7.5	23012	Nghĩa	
51	759	224132156	✗	Nguyễn Hải Phong	K63.KTOTO1	3.8	23016	Phong	
52	760	224132157	✗	Nguyễn Hoàng Phong	K63.KTOTO1	4.8	23019	Phong	
53	761	224132158	✗	Phạm Đông Phong	K63.KTOTO2	5.5	23003	Phong	
54	762	224132159	✗	Nguyễn Văn Phú	K63.KTOTO2	5.5	23003	Phú	
55	763	224132171	✗	Trần Mạnh Quân	K63.KTOTO2	8.3	23003	Quân	
56	764	224132162		Mạc Văn Quang	K63.KTOTO2	00.0			Vàng
57	765	224132163	✗	Nguyễn Đức Quang	K63.KTOTO1	6.3	23019	Quang	
58	766	224132166	✗	Phạm Thanh Quang	K63.KTOTO1	3.0	23007	Quang	
59	767	224132173	✗	Đặng Xuân Quý	K63.KTOTO1	4.3	23007	Quý	
60	768	224132175	✗	Nguyễn Duy Quyền	K63.KTOTO1	5.8	23016	Quyền	
61	769	224132176	✗	Nguyễn Trọng Sang	K63.KTOTO2	4.5	23007	Sang	
62	770	224132178	✗	Hà Minh Sáng	K63.KTOTO1	3.3	23019	Sáng	
63	771	224132179	✗	Lai Đăng Sơn	K63.KTOTO1	2.0	23016	Sơn	
64	772	224132183	✗	Phạm Ngọc Sơn	K63.KTOTO2	6.3	23003	Sơn	
65	773	224132185	✗	Vũ Văn Tài	K63.KTOTO1	8.5	23007	Tài	
66	774	224132187	✗	Đặng Xuân Tấn	K63.KTOTO1	8.0	23016	Tấn	
67	775	224132211	✗	Vũ Ngọc Toàn	K63.KTOTO1	8.5	23012	Toàn	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Đặng Thị Mai Vũ Thị Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_14BS0.102.2-1-1-22(N42) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:14

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	776	224132188	Đào Văn Thạch	K63.KTOTO1	5.5	23012		nghe 4	
2	777	224132189	Đoàn Đức Thái	K63.KTOTO4		23019		1 bài	4.5 Nợ HP
3	778	224132198	Nguyễn Hữu Thắng	K63.KTOTO2	4.5	23003		thắng	
4	779	224132200	Trịnh Quang Thắng	K63.KTOTO1	2.8	23019		thắng	
5	780	224132192	Lê Đình Thanh	K63.KTOTO1	1.5	23016		Thanh	
6	781	224132195	Lê Duy Thành	K63.KTOTO2	6.3	23019		Thành	
7	782	224132201	Phan Văn Thiện	K63.KTOTO2	3.5	23007		Thiện	
8	783	224132203	Nguyễn Tuấn Thịnh	K63.KTOTO4		23003		chết	2.3 Nợ HP
9	784	224132204	Nguyễn Văn Thọ	K63.KTOTO1	9.0	23012		tho	
10	785	224132205	Nguyễn Đức Thoan	K63.KTOTO1	1.5	23019		Thoan	
11	786	224132206	Trần Đình Thông	K63.KTOTO1	2.0	23007		Thông	
12	787	224132207	Phạm Trung Thuận	K63.KTOTO1	2.5	23016		Thuận	
13	788	224132213	Bùi Đức Trung	K63.KTOTO1	7.3	23003		Trung	
14	789	224132215	Hoàng Văn Trường	K63.KTOTO2	8.0	23007		Trường	
15	790	224132217	Nguyễn Thiên Trường	K63.KTOTO1	4.0	23003		Trường	
16	791	224132218	Cao Quang Tú	K63.KTOTO2	7.0	23012		Tú	
17	792	224132224	Trần Thanh Tú	K63.KTOTO4		23016		Tú	5.5 Nợ HP
18	793	224132223	Vũ Minh Tuấn	K63.KTOTO1	6.5	23003		Tuấn	
19	794	224132224	Bùi Hữu Tuấn	K63.KTOTO1	6.0	23007		Tuấn	
20	795	224132227	Phạm Đình Tuấn	K63.KTOTO2	4.5	23016		Tuấn	
21	796	224132229	Võ Hoàng Anh Tuấn	K63.KTOTO2	2.0	23012		Tuấn	
22	797	224132231	Vũ Việt Tuấn	K63.KTOTO2	8.0	23019		Tuấn	
23	798	224132232	Lương Ngọc Tùng	K63.KTOTO2	6.5	23016		Tùng	
24	799	224132233	Vũ Thanh Tùng	K63.KTOTO1	5.5	23019		Tùng	
25	800	224132235	Ngô Thành Văn	K63.KTOTO2	8.8	23003		Văn	
26	801	224132236	Nguyễn Viết Việt	K63.KTOTO2	9.5	23012		Việt	
27	802	224132237	Trần Hoàng Việt	K63.KTOTO2	7.0	23016		Việt	
28	803	224132238	Vũ Đức Việt	K63.KTOTO2	9.5	23003		Việt	
29	804	224132239	Hoàng Công Vinh	K63.KTOTO2	8.0	23007		Vinh	
30	805	224132240	Lê Xuân Vinh	K63.KTOTO1	2.3	23012		Vinh	
31	806	224132241	Nguyễn Văn Vĩnh	K63.KTOTO1	6.3	23007		Vĩnh	
32	807	224132244	Nguyễn Tuấn Vũ	K63.KTOTO1	6.5	23019		Vũ	

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:14

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	808	224132245	Nguyễn Văn Vũ	K63.KTOTO1	8.0	23007		Vũ	
34	809	224132246	Phạm Trường Vũ	K63.KTOTO2	4.3	23012		Vũ	
35	810	224132250	Đoàn Văn Yên	K63.KTOTO1	4.0	23016		Yên	

Tổng số bài thi : 35

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Phụ Phi Vân Anh
Đặng Mai

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_13BS0.102.2-1-1-22(N42) Thi tại : 401-A7

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:13

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	720	224132026	Hoàng Đình Dũng	K63.KTOTO1	8,5				

Tổng số bài thi :

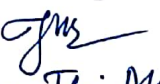
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Đặng Thị Mai


NM Hưng


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 2

Mã DST: BS0.102.2_08/03/2023_2_13 BS0.102.2-1-1-22(N42) Thi tại : 401-A7

Ngày thi: 08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 13

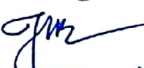
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	725	224132070	Lương Trung Hiếu	K63.KTOTO1	40				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi


Đặng Thị Mai


N M Hùng

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Túy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_14BS0.102.2-1-1-22(N42) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:14

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	777	224132189	Đoàn Đức Thái	K63.KTOTO1	4,3				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi


Đặng Thị Mai


N M Hùng

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_14BS0.102.2-1-1-22(N42) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:08/03/2023

Cà thi:

Cà 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:14

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	783	224132203	Nguyễn Tuấn Thịnh	K63.KTOTO1	2,3				

Tổng số bài thi : 01

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

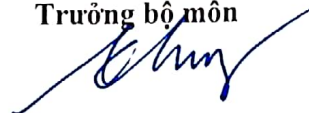
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


Nguyễn Tuấn Thịnh


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Tuấn Cường

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_14BS0.102.2-1-1-22(N42) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:14

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	792	224132221	Trần Thanh Tú	K63.KTOTO1	5,5				

Tổng số bài thi : 01

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


Nguyễn Hưng


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Tuấn Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK 1-22-23 xong

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 2

Mã DST: BS0.102.2_08/03/2023_2_15BS0.102.2-1-1-22(N43) Thi tại : 501-A7

Ngày thi: 08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 15

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	811	224131999 ✓	Nguyễn Văn An	K63.KTOTO3	9.3	23007	2	An	
2	812	224132000 ✓	Nhiếp Văn An	K63.KTOTO2	8.0	23019	1	An	
3	813	224132001 ✓	Phạm Lê An	K63.KTOTO3	9.8	23019	1	An	
4	814	224132008 ✓	Nguyễn Hữu Anh	K63.KTOTO2	7.5	23012	1	Anh	
5	815	224132014 ✓	Ngô Duy Gia Bảo	K63.KTOTO2	4.5	23007	1	Bao	
6	816	224132015 ✓	Đặng Văn Biên	K63.KTOTO3	6.8	23003	2	Biên	
7	817	224132019 ✓	Ngô Đức Chung	K63.KTOTO3	7.8	23012	1	Chung	
8	818	224132021 ✓	Nguyễn Thành Công	K63.KTOTO3	9.3	23007	2	Con	
9	819	224132023 ✓	Phạm Viết Cường	K63.KTOTO3	5.5	23003	2	Cuong	
10	820	224132041 ✓	Dương Trọng Đài	K63.KTOTO2	4.5	23012	1	Đài	
11	821	224132042 ✓	Bùi Đỗ Sỹ Đan	K63.KTOTO3	5.8	23019	2	Dan	
12	822	224132046 ✓	Nguyễn Hải Đăng	K63.KTOTO2	6.0	23016	2	Dang	
13	823	224132045 ✓	Trần Tiến Đạt	K63.KTOTO3	7.5	23019	2	Dat	
14	824	224132024 ✓	Nguyễn Minh Diễn	K63.KTOTO2	2.3	23016	2	Diễn	
15	825	224132047 ✓	Nguyễn Văn Đoàn	K63.KTOTO3	7.8	23012	1	Doan	
16	826	224132048 ✓	Phạm Văn Đoàn	K63.KTOTO3	2.5	23007	1	Doan	
17	827	224132049 ✓	Trần Thành Đoàn	K63.KTOTO3	1.5	23003	2	Doan	
18	828	224132051 ✓	Hoàng Văn Đức	K63.KTOTO2	10.0	23019	1	Đức	
19	829	224132055 ✓	Nguyễn Việt Đức	K63.KTOTO2	3.0	23007	1	Đức	
20	830	224132025 ✓	Đinh Quốc Dũng	K63.KTOTO3	6.5	23003	1	Dung	
21	831	224132027 ✓	Nguyễn Quang Dũng	K63.KTOTO3	9.5	23012	1	Dung	
22	832	224132028 ✓	Nguyễn Tiến Dũng	K63.KTOTO2	6.3	23016	2	Dung	
23	833	224132030 ✓	Nguyễn Văn Dũng	K63.KTOTO2	7.5	23012	1	Dung	
24	834	224132033 ✓	Trần Học Dũng	K63.KTOTO3	8.8	23007	1	Dung	
25	835	224132034 ✓	Trương Đức Dũng	K63.KTOTO2	7.5	23016	2	Dung	
26	836	224132036 ✓	Nguyễn Văn Duy	K63.KTOTO2	8.3	23019	1	Duy	
27	837	224132037 ✓	Vũ Mạnh Duy	K63.KTOTO2	4.0	23003	1	Duy	
28	838	224132058 ✓	Bùi Minh Hải	K63.KTOTO2	6.8	23019	1	Hai	
29	839	224132060 ✓	Đinh Xuân Hải	K63.KTOTO2	8.0	23016	2	Hai	
30	840	224132059 ✓	Đỗ Thanh Hải	K63.KTOTO2	5.8	23003	1	Hai	
31	841	224132062 ✓	Trần Văn Hải	K63.KTOTO3	2.8	23016	1	Hai	
32	842	224132064 ✓	Trần Minh Hiền	K63.KTOTO3	7.5	23007	2	Hien	
33	843	224132063 ✓	Trịnh Gia Hiền	K63.KTOTO2	5.3	23012	2	Hien	
34	844	224132065 ✓	Phạm Văn Hiệp	K63.KTOTO2	3.8	23007	1	Hiep	
35	845	224132066 ✓	Bùi Trung Hiếu	K63.KTOTO3	9.0	23003	1	Hieu	
36	846	224132069 ✓	Lê Văn Hiếu	K63.KTOTO2	3.5	23012	1	Hieu	
37	847	224132072 ✓	Nguyễn Đức Hiếu	K63.KTOTO2	1.3	23007	2	Hieu	
38	848	224132073 ✓	Nguyễn Lê Trung Hiếu	K63.KTOTO3	4.5	23012	1	Hieu	
39	849	224132074 ✓	Nguyễn Minh Hiếu	K63.KTOTO2	5.5	23019	1	Hieu	
40	850	224132075 ✓	Nguyễn Quang Hiếu	K63.KTOTO2	5.0	23016	2	Hieu	
41	851	224132076 ✓	Nguyễn Trung Hiếu	K63.KTOTO2	3.8	23019	1	Hieu	
42	852	224132077	Nguyễn Trung Hiếu	K63.KTOTO2					Vấp

Mã DST: BS0.102.2_08/03/2023_2_15BS0.102.2-1-1-22(N43) Thi tại : 501-A7

Ngày thi: 08/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 15

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	853	224132078	✓ Nguyễn Trung Hiếu	K63.KTOTO3	5.0	23003	1	Hiếu	
44	854	224132079	✓ Nguyễn Trung Hiếu	K63.KTOTO3	8.0	23007	2	Hiếu	
45	855	224132080	✓ Phạm Minh Hiếu	K63.KTOTO2	1.5	23012	1	Hiếu	
46	856	224132082	✓ Phạm Văn Hiếu	K63.KTOTO3	2.5	23019	1	Hiếu	
47	857	224132083	✓ Đỗ Văn Hình	K63.KTOTO2	4.3	23003	2	Hình	
48	858	224132084	✓ Đinh Công Hoàn	K63.KTOTO3	6.5	23003	2	Hoàn	
49	859	224132086	✓ Dương Minh Hoàng	K63.KTOTO2	8.5	23007	1	Hoàng	
50	860	224132087	✓ Ngô Việt Hoàng	K63.KTOTO3	4.3	23016	1	Hoàng	
51	861	224132090	✓ Nguyễn Văn Hoàng	K63.KTOTO3	2.5	23003	1	Hoàng	
52	862	224132093	✓ Phạm Huy Hoàng	K63.KTOTO3	3.0	23016	1	Hoàng	
53	863	224132094	✓ Phạm Văn Hoàng	K63.KTOTO2	9.5	23012	1	Hoàng	
54	864	224132095	✓ Trần Huy Hoàng	K63.KTOTO2	6.0	23007	1	Hoàng	
55	865	224132096	✓ Đỗ Khắc Học	K63.KTOTO2	6.5	23012	1	Học	
56	866	224132097	✓ Đỗ Phi Hùng	K63.KTOTO2	2.8	23019	1	Hùng	
57	867	224132099	✓ Vũ Tiến Hùng	K63.KTOTO3	3.8	23026	1	Hùng	
58	868	224132101	✓ Đặng Quang Huy	K63.KTOTO2	5.5	23016	2	Huy	
59	869	224132103	✓ Nguyễn Quang Huy	K63.KTOTO3	6.5	23007	1	Huy	
60	870	224132104	✓ Nguyễn Văn Huy	K63.KTOTO3	6.5	23019	1	Huy	
61	871	224132105	✓ Nguyễn Văn Huy	K63.KTOTO3	7.5	23003	1	Huy	
62	872	224132106	✓ Phạm Quang Huy	K63.KTOTO3	8.0	23019	1	Huy	
63	873	224132115	✓ Lê Nam Khánh	K63.KTOTO2	7.0	23012	2	Khánh	
64	874	224132117	Trần Hữu Khánh	K63.KTOTO2					Vậy
65	875	224132118	✓ Vũ Ngọc Khánh	K63.KTOTO3	7.0	23016	2	Khánh	
66	876	224132119	✓ Trần Văn Khương	K63.KTOTO2	8.0	23007	2	Khương	
67	877	224132120	✓ Dương Anh Kiệt	K63.KTOTO3	7.5	23003	2	23003	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Phạm Văn Anh
Đặng Mai

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2023_2_16BS0.102.2-1-1-22(N43) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:08/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:16

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	878	224132125	Nguyễn Bảo Linh	K63.KTOTO3	7.8	23019		Linh	
2	879	224132128	Đỗ Võ Quang Long	K63.KTOTO3	5.8	23016		Long	
3	880	224132130	Nguyễn Hoàng Long	K63.KTOTO3	6.0	23003		Long	
4	881	224132134	Hoàng Đức Lương	K63.KTOTO3	7.0	23012		Lương	
5	882	224132136	Nguyễn Đức Lương	K63.KTOTO3	7.3	23016		Lương	
6	883	224132138	Quách Duy Mạnh	K63.KTOTO3	7.5	23007		Mạnh	
7	884	224132149	Bùi Minh Nghĩa	K63.KTOTO3	8.0	23019		Nghĩa	
8	885	224132151	Phạm Khánh Nghĩa	K63.KTOTO3	5.0	23012		Nghĩa	
9	886	224132152	Nguyễn Tiến Ngữ	K63.KTOTO3	7.3	23007		Ngữ	
10	887	224132160	Cù Đức Phúc	K63.KTOTO3	5.3	23016		Phúc	
11	888	224132161	Nguyễn Xuân Phước	K63.KTOTO3	7.0	23019		Phước	
12	889	224132167	Bùi Doãn Quân	K63.KTOTO3	6.5	23007		Quân	
13	890	224132170	Thào Minh Quân	K63.KTOTO3	2.8	23012		Quân	
14	891	224132172	Trương Hồng Quân	K63.KTOTO3	9.5	23003		Quân	
15	892	224132164	Nguyễn Ngọc Quang	K63.KTOTO3	5.8	23012		Quang	
16	893	224132182	Phạm Hải Sơn	K63.KTOTO3	5.3	23019		Sơn	
17	894	224132186	Nguyễn Đức Hải Tân	K63.KTOTO3	4.3	23012		Tân	
18	895	224132191	Đặng Xuân Thanh	K63.KTOTO3	6.0	23016		Thanh	
19	896	224132193	Nguyễn Việt Thanh	K63.KTOTO3	7.5	23003		Thanh	
20	897	224132194	Hoàng Minh Thành	K63.KTOTO3	7.3	23007		Thành	
21	898	224132196	Trần Ngọc Thành	K63.KTOTO3	5.5	23016		Thành	
22	899	224132197	Vũ Quang Thao	K63.KTOTO3	7.5	23019		Thao	
23	900	224132208	Nguyễn Trần Tiến	K63.KTOTO3	9.0	23003		Tiến	
24	901	224132209	Nguyễn Việt Tiến	K63.KTOTO3	9.5	23012		Tiến	
25	902	224132212	Lê Tất Toán	K63.KTOTO3	3.8	23007		Toán	
26	903	224132214	Trần Quốc Trung	K63.KTOTO3	0.5	23019		Trung	
27	904	224132220	Nguyễn Ngọc Tú	K63.KTOTO3	4.5	23016		Tú	
28	905	224132222	Vũ Anh Tú	K63.KTOTO3	0.5	23019		Tú	
29	906	224132234	Đặng Văn Tuyển	K63.KTOTO3	6.8	23007		Tuyển	
30	907	224132242	Lê Quang Vũ	K63.KTOTO3	9.5	23003		Vũ	
31	908	224132247	Trần Đình Long Vũ	K63.KTOTO3	3.0	23016		Vũ	
32	909	224132249	Nguyễn Minh Vương	K63.KTOTO3	5.8	23003		Vương	

Tổng số bài thi : 32

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Thi Thị Vân Anh
Đặng Mai

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_17BS0.102.2-1-1-22(N44) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:17

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	910	221730116	✓ Đỗ Hoàng Anh	K63.QTKD1	7,5	23013		Anh	
2	911	223134433	✓ Nguyễn Lan Anh	K63.QTDVLLH1	6,3	23017		Anh	
3	912	221730118	✓ Nguyễn Thị Lan Anh	K63.QTKD1	4,5	23014		Anh	
4	913	223134434	✓ Trần Ngọc Anh	K63.QTDVLLH1	5,8	23009		Anh	
5	914	221730121	✓ Vũ Phương Anh	K63.QTKD1	7,5	23001		Anh	
6	915	221730123	✓ Vũ Ngọc Ánh	K63.QTKD1	4,3	23013		Anh	
7	916	223134439	✓ Chu Văn Bình	K63.QTDVLLH1	6,3	23017		Bình	
8	917	221730128	✓ Hoàng Thị Yến Chi	K63.QTKD1	4,8	13001		Chi	
9	918	221730129	✓ Dương Thị Chiên	K63.QTKD1	5,5	23014		Chiên	
10	919	221730130	✓ Bùi Mạnh Cường	K63.QTKD1	4,0	23009		Cường	
11	920	221730143	✓ Nguyễn Thành Đạt	K63.QTKD1	6,0	23013		Dat	
12	921	221730144	✓ Nguyễn Thành Đạt	K63.QTKD1	10,0	23001		Dat	
13	922	221730131	✓ Nguyễn Thị Diễm	K63.QTKD1	6,8	23017		Diễm	
14	923	221730134	✓ Nguyễn Văn Doanh	K63.QTKD1	9,0	23009		Doanh	
15	924	221730146	✓ Bùi Văn Đồng	K63.QTKD1	2,3	23017		Đồng	
16	925	223134444	✓ Đặng Đức Du	K63.QTDVLLH1	6,5	23001		Du	
17	926	223134447	✓ Phạm Bá Anh Đức	K63.QTDVLLH1	7,5	23013		Đức	
18	927	221700135	✓ Đinh Thị Hải Dung	K63.QTKD1	8,3	23001		Dung	
19	928	221730139	✓ Nguyễn Thị Ánh Dương	K63.QTKD1	6,5	23014		Dương	
20	929	221730141	✓ Trần Bình Tiến Dương	K63.QTKD1	9,8	23009		Dương	
21	930	223134449	✓ Vũ Thị Gấm	K63.QTDVLLH1	7,0	23013		Gấm	
22	931	221730147	✓ Nguyễn Trà Giang	K63.QTKD1	6,3	23017		Giang	
23	932	221730148	✓ Ngô Phương Hà	K63.QTKD1	9,5	23009		Hà	
24	933	221700149	✓ Ngô Thu Hà	K63.QTKD1	8,8	23001		Hà	
25	934	221730150	✓ Hồ Hồng Hải	K63.QTKD1	5,0	23014		Hải	
26	935	223134451	✓ Nguyễn Thị Hải	K63.QTDVLLH1	4,8	23013		Hải	
27	936	221730154	✓ Đào Duy Hân	K63.QTKD1	5,3	23017		Hân	
28	937	221730153	✓ Nguyễn Thị Thu Hằng	K63.QTKD1	6,3	23017		Hằng	
29	938	223134452	✓ Trần Mỹ Hạnh	K63.QTDVLLH1	7,0	23014		Hạnh	
30	939	223134455	✓ Phạm Ngọc Hiệp	K63.QTDVLLH1	5,0	23009		Hiệp	
31	940	223134456	✓ Nguyễn Trung Hiếu	K63.QTDVLLH1	2,5	23001		Hiếu	
32	941	221730155	✓ Vũ Minh Hiếu	K63.QTKD1					vắng
33	942	223104458	✓ Lý Ngọc Hoài	K63.QTDVLLH1	4,8	23013		Hoài	
34	943	223104459	✓ Hạ Thị Minh Hồng	K63.QTDVLLH1	2,8	23014		Hồng	
35	944	223134460	✓ Phùng Thị Thanh Hồng	K63.QTDVLLH1	5,5	23009		Hồng	
36	945	223134471	✓ Nguyễn Đức Hướng	K63.QTDVLLH1	3,0	23001		Hướng	
37	946	223104472	✓ Nguyễn Thị Hường	K63.QTDVLLH1	3,0	23017		Hường	
38	947	223134470	✓ Nguyễn Thị Thu Hường	K63.QTDVLLH1					vắng
39	948	223134464	✓ Nguyễn Văn Huy	K63.QTDVLLH1	4,5	23014		Huy	
40	949	223104465	✓ Dương Diệu Huyền	K63.QTDVLLH1	3,5	23013		Huyền	(3,5) chưa
41	950	223134466	✓ Nguyễn Thị Ngọc Huyền	K63.QTDVLLH1	2,8	23009		Huyền	
42	951	221730166	✓ Vũ Ngọc Lam	K63.QTKD1	6,0	23017		Lam	

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_17BS0.102.2-1-1-22(N44) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:17

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	952	223104476	✓ Phạm Ngọc Lan	K63.QTDVLLH1	3,8	23014		Lan	
44	953	221730168	✓ Đinh Thị Linh	K63.QTKD1	5,3	23001		Linh	
45	954	221730169	✓ Hà Thùy Linh	K63.QTKD1	5,0	23012		Linh	
46	955	223134477	✓ Hà Trần Linh	K63.QTDVLLH1	4,0	23017		Linh	
47	956	221730171	✓ Lưu Khánh Linh	K63.QTKD1	8,0	23001		Linh	
48	957	221730172	✓ Nguyễn Khánh Linh	K63.QTKD1	7,8	23013		Linh	
49	958	223134480	✓ Nguyễn Thị Khánh Linh	K63.QTDVLLH1	9,5	23013		Linh	
50	959	223134481	✓ Nguyễn Thị Khánh Linh	K63.QTDVLLH1	7,8	23009		Linh	
51	960	223134482	✓ Nguyễn Vũ Phương Linh	K63.QTDVLLH1	4,0	23017		Linh	
52	961	223134483	✓ Vũ Khánh Linh	K63.QTDVLLH1	6,5	23014		Linh	
53	962	221730175	✓ Vũ Quang Linh	K63.QTKD1	1,8 ²³⁰¹⁷	23012		Linh	
54	963	221730176	✓ Đặng Bảo Long	K63.QTKD1	6,8	23014		Long	
55	964	221730177	✓ Nguyễn Văn Long	K63.QTKD1	9,5	23001		Long	
56	965	221730178	✓ Mai Thị Lương	K63.QTKD1	9,5	23013		Lương	
57	966	223134485	✓ Nguyễn Thị Hồng Lương	K63.QTDVLLH1	5,0	23014		Lương	
58	967	221730179	✓ Khiếu Thị Hương Ly	K63.QTKD1	6,3	23017		Ly	
59	968	221730185	✓ Đồng Bích Mai	K63.QTKD1	9,3	23009		Mai	
60	969	221730188	✓ Nguyễn Tiến Minh	K63.QTKD1	8,3	23001		Minh	
61	970	221730189	✓ Phạm Khắc Cao Minh	K63.QTKD1	3,5	23009		Minh	
62	971	221730190	✓ Phạm Ngọc Minh	K63.QTKD1	5,8	23014		Minh	
63	972	221730191	✓ Lương Trà My	K63.QTKD1	1,8	23014		My	
64	973	221730192	✓ Vũ Đức Nam	K63.QTKD1	7,3	23013		Nam	
65	974	221730197	✓ Nguyễn Khôi Nguyên	K63.QTKD1	5,5	23017		Nguyên	
66	975	223134488	✓ Hoàng Thị Nguyệt	K63.QTDVLLH1	7,3	23001		Nguyệt	
67	976	223134489	✓ Nguyễn Thị Minh Nguyệt	K63.QTDVLLH1	8,8	23013		Nguyệt	
68	977	221730198	✓ Hoàng Thị Yến Nhi	K63.QTKD1	3,5	23009		Nhi	
69	978	221730199	✓ Nguyễn Thị Như	K63.QTKD1	8,5	23014		Như	
70	979	223134491	✓ Vũ Thị Quỳnh Như	K63.QTDVLLH1	5,0	23017		Như	
71	980	221730200	✓ Trần Thị Khánh Ninh	K63.QTKD1	7,8	23013		Ninh	
72	981	223134493	✓ Trần Công Phúc	K63.QTDVLLH1	6,8	23001		Phúc	
73	982	221730206	✓ Nguyễn Ngân Phương	K63.QTKD1	9,3	23017		Phương	
74	983	223134494	✓ Nguyễn Tú Phương	K63.QTDVLLH1	6,0	23014		Phương	
75	984	223134495	✓ Phạm Thị Thu Phương	K63.QTDVLLH1	9,0	23001		Phương	
76	985	221730210	✓ Trần Minh Phương	K63.QTKD1	8,8	23009		Phương	
77	986	221730218	✓ Quách Hương Quỳnh	K63.QTKD1	6,0	23017		Quỳnh	
78	987	221730219	✓ Vũ Như Quỳnh	K63.QTKD1	2,8	23013		Quỳnh	
79	988	223134503	✓ Nguyễn Nguyên Sáng	K63.QTDVLLH1	5,0	23013		Sáng	
80	989	221730220	✓ Hoàng Văn Sơn	K63.QTKD1	3,8	23009		Sơn	
81	990	221730221	✓ Vũ Thị Mỹ Tâm	K63.QTKD1	8,3	23001		Tâm	
82	991	221730225	Lê Quang Thắng	K63.QTKD1					Nợ HP
83	992	221730222	✓ Lê Huyền Thanh	K63.QTKD1	4,5	23009		Thanh	
84	993	221700223	✓ Nguyễn Phương Thanh	K63.QTKD1	7,3	23014		Thanh	
85	994	223134506	✓ Vũ Diệu Thanh	K63.QTDVLLH1	9,5	23013		Thanh	
86	995	223134507	✓ Lương Xuân Thành	K63.QTDVLLH1	0,8	23009		Thành	
87	996	223134511	✓ Lại Thị Thảo	K63.QTDVLLH1	4,5	23001		Thảo	
88	997	223134512	✓ Lương Thị Phương Thảo	K63.QTDVLLH1	6,5	23017		Thảo	
89	998	223134514	✓ Vũ Phương Thảo	K63.QTDVLLH1	6,5	23014		Thảo	

Mã DST: BS0.102.2_15/03/2023_3_17BS0.102.2-1-1-22(N44) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 15/03/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 17

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
90	999	223134515	✓ Vũ Thị Thảo	K63.QTDVLLH1	4,3	23013		Thảo	
91	1000	221730227	✓ Nguyễn Thị Thoa	K63.QTKD1	9,3	23001		Thoa	
92	1001	221730228	✓ Vũ Xuân Thông	K63.QTKD1	9,5	23013		Thông	
93	1002	223134517	✓ Đồng Thị Thu	K63.QTDVLLH1	3,5	23009		Thu	
94	1003	223134523	✓ Ngô Thị Thương	K63.QTDVLLH1	7,3	23017		Thương	
95	1004	223134525	✓ Trần Thị Thương	K63.QTDVLLH1	6,8	23014		Thương	
96	1005	223134521	✓ Nguyễn Thu Thủy	K63.QTDVLLH1	5,0	23009		Thủy	
97	1006	221700230	✓ Phạm Minh Tiến	K63.QTKD1	5,5	23014		Tiến	
98	1007	221700232	✓ Ngô Xuân Trà	K63.QTKD1	3,5	23013		Trà	
99	1008	221730233	✓ Nguyễn Hương Trà	K63.QTKD1	00,0	23001		Trà	
100	1009	221730236	✓ Nguyễn Huyền Trang	K63.QTKD1	8,3	23009		Trang	
101	1010	221730237	✓ Nguyễn Thùy Trang	K63.QTKD1	7,5	23017		Trang	
102	1011	221730238	✓ Phùng Hương Trang	K63.QTKD1	8,5	23013		Trang	
103	1012	223134533	✓ Phan Anh Tuấn	K63.QTDVLLH1	3,3	23012		Tuấn	
104	1013	223104535	✓ Phạm Huy Tùng	K63.QTDVLLH1	4,8	23009		Tùng	
105	1014	223134536	✓ Phạm Thị Tuyết	K63.QTDVLLH1	8,8	23001		Tuyết	
106	1015	221730243	✓ Trần Thị Tuyết	K63.QTKD1	6,3	23014		Tuyết	
107	1016	223134537	✓ Đỗ Tú Uyên	K63.QTDVLLH1	9,8	23001		Uyên	
108	1017	223134538	✓ Hoàng Thị Uyên	K63.QTDVLLH1	3,5	23013		Uyên	
109	1018	221730248	✓ Trịnh Bình Yên	K63.QTKD1	2,8	23014		Yên	
110	1019	221730249	✓ Phạm Thị Hải Yến	K63.QTKD1	4,8	23001		Yến	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


T.V. Long

PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST: BS0.102.2_15/03/2023_3_18BS0.102.2-1-1-22(N45) Thi tại : 108-A5

Ngày thi: 15/03/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 18

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1020	221730117	Đinh Thị Lan Anh	K63.QTKD2	8,3	23017		Anh	
2	1021	223134431	Hoàng Phương Anh	K63.QTDVLLH2	5,3	23017		Pho	
3	1022	223134432	Hoàng Thị Vân Anh	K63.QTDVLLH2	9,3	23014		Vân Anh	
4	1023	221730119	Phạm Doãn Minh Anh	K63.QTKD2	9,3	23017		M. Anh	
5	1024	221730120	Trần Phương Anh	K63.QTKD2	8,8	23017		Anh.	
6	1025	223134435	Vũ Thị Lan Anh	K63.QTDVLLH2	8,5	23009		L. Anh	
7	1026	221730122	Nguyễn Ngọc Ánh	K63.QTKD2	6,8	23017		Ánh	
8	1027	223134436	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K63.QTDVLLH2	1,0	23014		Ánh	
9	1028	221730124	Phạm Nhật Ánh Anna	K63.QTKD2	1,5	23008		Anna	
10	1029	223134437	Nguyễn Văn Bảo	K63.QTDVLLH2	8,0	23013		Bảo	
11	1030	223134438	Hoàng Ngọc Bích	K63.QTDVLLH2	4,3	23017		Bích	
12	1031	221730126	Lưu Nguyễn Minh Châu	K63.QTKD2	6,8	23001		Châu	
13	1032	221730127	Đào Thị Kim Chi	K63.QTKD2	7,5	23014		Chi	
14	1033	223134441	Vũ Ngọc Danh	K63.QTDVLLH2	5,0	23009		Danh	
15	1034	221904154	Nguyễn Công Đạt	K63.KTEXD1	4,0	23001		Dat.	
16	1035	221904155	Nguyễn Văn Đạt	K63.KTEXD1	7,0	23009		Dat	
17	1036	221730145	Trần Tiến Đạt	K63.QTKD2	10,0	23013		Tiến Đạt	
18	1037	221904156	Vũ Tiến Đạt	K63.KTEXD1	5,0	23014		Dat	
19	1038	223134442	Đặng Thị Ngọc Diệp	K63.QTDVLLH2	3,3	23001		Diệp	
20	1039	221730132	Ngô Thị Diệu	K63.QTKD2	5,3	23009		Diệu	
21	1040	221730133	Nguyễn Cảnh Dinh	K63.QTKD2	6,8	23013		Dinh	
22	1041	223134443	Nguyễn Phương Dịu	K63.QTDVLLH2	2,5	23017		Diu	
23	1042	221934157	Mai Thành Đô	K63.KTEXD1	7,5	23009		Đô	
24	1043	221730140	Phạm Nhật Dương	K63.QTKD2	6,0	23013		Dương	
25	1044	221730142	Vũ Ánh Dương	K63.QTKD2	5,8	23014		Dương	
26	1045	221730136	Hoàng Đình Duy	K63.QTKD2	9,0	23017		Duy	
27	1046	221730137	Nguyễn Phúc Duy	K63.QTKD2	4,3	23009		Duy	
28	1047	221934152	Vũ Khánh Duy	K63.KTEXD1	4,3	23009		Duy	
29	1048	223134445	Ngô Thị Duyên	K63.QTDVLLH2	8,3	23014		Duyên	
30	1049	223134448	Hoàng Thanh Gấm	K63.QTDVLLH2	6,5	23013		Gấm	
31	1050	221934163	Đầu Quỳnh Giang	K63.KTEXD1	7,0	23001		Giang	
32	1051	221934165	Phạm Thu Giang	K63.KTEXD1	6,3	23017		Giang	
33	1052	221934166	Nguyễn Ngọc Hà	K63.KTEXD1	9,5	23014		Hà	
34	1053	221934167	Phạm Thị Hải Hà	K63.KTEXD1	8,3	23017		Hà	
35	1054	221730151	Nguyễn Phú Hải	K63.QTKD2	8,3	23014		Hải	
36	1055	223134454	Nguyễn Thị Thu Hằng	K63.QTDVLLH2	7,3	23009		Hằng	
37	1056	223104453	Lê Thị Hào	K63.QTDVLLH2	10,0	23001		Hào	
38	1057	221934171	Nguyễn Thúy Hiền	K63.KTEXD1	6,3	23013		Hiền	
39	1058	221730157	Đàm Văn Hoàng	K63.QTKD2	6,5	23009		Hoàng	
40	1059	221730156	Nguyễn Việt Hoàng	K63.QTKD2	5,0	23014		Hoàng	
41	1060	223104461	Lương Thị Huệ	K63.QTDVLLH2	7,5	23001		Huê	
42	1061	221730158	Lê Đức Hùng	K63.QTKD2	7,3	23013		Hùng	

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_18BS0.102.2-1-1-22(N45) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:18

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1062	223104467	Đỗ Thị Lan Hương	K63.QTDVLLH2	4,5	23009		Hương	
44	1063	221730161	Dương Minh Hương	K63.QTKD2	8,0	23001		Minh Hương	
45	1064	223134462	Nguyễn Đỗ Huy	K63.QTDVLLH2	7,8	23019		Huy	
46	1065	223134463	Nguyễn Khắc Anh Huy	K63.QTDVLLH2	9,0	23013		anh	
47	1066	221730159	Lương Khánh Huyền	K63.QTKD2	2,5	23017		Huyền	
48	1067	221730160	Trần Thị Thu Huyền	K63.QTKD2	8,3	23014		Thy	
49	1068	221730162	Lê Văn Khanh	K63.QTKD2	2,5	23009		Khanh	
50	1069	221730164	Đào Quốc Khánh	K63.QTKD2	6,3	23001		Khanh	
51	1070	221730165	Nguyễn Quốc Khánh	K63.QTKD2	6,3	23013		Khanh	
52	1071	223134473	Trần Văn Khánh	K63.QTDVLLH2	7,8	23017		Khanh	
53	1072	223104474	Nguyễn Thanh Lam	K63.QTDVLLH2	6,0	23014		Lam	
54	1073	223134475	Lưu Thị Ngọc Lan	K63.QTDVLLH2	4,8	23009		Lan	
55	1074	221730167	Trần Thị Mỹ Lệ	K63.QTKD2	10,0	23001		Lệ	
56	1075	221700170	Lê Thị Thùy Linh	K63.QTKD2	8,8	23013		Linh	
57	1076	223134478	Mai Ngọc Linh	K63.QTDVLLH2	3,5	23017		Linh	
58	1077	223134479	Nguyễn Diệu Linh	K63.QTDVLLH2	5,5	23014		Linh	
59	1078	221730173	Nguyễn Khánh Linh	K63.QTKD2	4,3	23009		Linh	
60	1079	221730174	Trịnh Thảo Linh	K63.QTKD2	3,5	23001		Linh	
61	1080	223134484	Vương Thị Linh	K63.QTDVLLH2	5,5	23013		Linh	
62	1081	221730180	Nguyễn Mai Ly	K63.QTKD2	8,5	23017		Ly	
63	1082	221730182	Nguyễn Thảo Ly	K63.QTKD2	7,8	23013		Ly	
64	1083	221730181	Nguyễn Thị Khánh Ly	K63.QTKD2	8,3	23001		Ly	
65	1084	221730183	Đỗ Thị Hoa Lý	K63.QTKD2	1,5	23009		Ly	
66	1085	221730184	Đào Tuyết Mai	K63.QTKD2	7,5	23001		Mai	
67	1086	221730187	Đặng Nhật Minh	K63.QTKD2	2,5	23014		Minh	
68	1087	223134487	Lê Phương Nam	K63.QTDVLLH2	2,0	23014		Nam	
69	1088	221730194	Nguyễn Việt Ngọc	K63.QTKD2	5,8	23009		Ngọc	
70	1089	221730196	Trịnh Thị Bích Ngọc	K63.QTKD2	5,5	23001		Ngọc	
71	1090	221730201	Nguyễn Thị Kim Oanh	K63.QTKD2	7,8	23013		Oanh	
72	1091	223134492	Nguyễn Nghĩa Phát	K63.QTDVLLH2	4,0	23017		Phát	
73	1092	221730202	Lê Đình Phong	K63.QTKD2	00,0				vắng
74	1093	221730203	Hoàng Thanh Phú	K63.QTKD2	2,8	23009		Phu	
75	1094	221700204	Đặng Thị Minh Phương	K63.QTKD2	8,0	23014		Phuong	
76	1095	221730205	Hoàng Thị Phương	K63.QTKD2	9,3	23017		Phuong	
77	1096	221730207	Nguyễn Thị Phương	K63.QTKD2	8,8	23013		Phuong	
78	1097	221730208	Nguyễn Thị Thu Phương	K63.QTKD2	8,8	23001		Phuong	
79	1098	221730209	Nguyễn Trần Hoài Phương	K63.QTKD2	7,5	23009		Phuong	
80	1099	223134496	Trần Thị Thu Phương	K63.QTDVLLH2	6,5	23001		Phuong	
81	1100	221730211	Trần Thu Phương	K63.QTKD2	10,0	23013		Phuong	
82	1101	221700212	Chu Minh Quang	K63.QTKD2	5,0	23012		Quang	
83	1102	223134497	Hứa Mạnh Quang	K63.QTDVLLH2	5,3	23001		Quang	
84	1103	221730213	Lê Văn Quang	K63.QTKD2	10,0	23014		Quang	
85	1104	221730214	Nguyễn Kim Quý	K63.QTKD2	5,8	23009		Quy	
86	1105	223134499	Nguyễn Thị Quyên	K63.QTDVLLH2	2,8	23001		Quyên	
87	1106	223134500	Đoàn Thị Diễm Quỳnh	K63.QTDVLLH2	4,3	23013		Quynh	
88	1107	223134501	Nguyễn Như Quỳnh	K63.QTDVLLH2	7,5	23009		Quynh	
89	1108	221730217	Phạm Hương Quỳnh	K63.QTKD2	8,8	23001		Quynh	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
90	1109	223134502	Trần Thị Diễm Quỳnh	K63.QTDVDLLH2	8,8	23017		Quỳnh	
91	1110	223134505	Vũ Thị Thanh Tâm	K63.QTDVDLLH2	5,3	23014		Tâm	
92	1111	221730231	Triệu Quang Tiếp	K63.QTKD2	00,0				Vắng
93	1112	221730242	Đỗ Quang Tùng	K63.QTKD2	5,5	23013		Tùng	

Tổng số bài thi : 91

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

NH Hoàng M.P. Bình

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_19BS0.102.2-1-1-22(N45) Thi tại : 305-A5

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:19

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1113	223134508	Nguyễn Phúc Thành ✓	K63.QTDVLLH2	4,3	09		Thành	
2	1114	223134509	Cao Phương Thảo ✓	K63.QTDVLLH2	2,0	01		Thảo	
3	1115	221730224	Khuất Thị Phương Thảo ✓	K63.QTKD2	10,0	13		Phương Thảo	
4	1116	223134513	Trần Thị Thanh Thảo ✓	K63.QTDVLLH2	7,5	17		Thanh Thảo	
5	1117	223134516	Vũ Thị Thu Thơm ✓	K63.QTDVLLH2	7,8	14		Thơm	
6	1118	221730229	Đỗ Thị Thương ✓	K63.QTKD2	9,0	09		Thương	
7	1119	223134518	Nguyễn Thu Thuý ✓	K63.QTDVLLH2	4,3	02		Thuý	
8	1120	223134522	Nguyễn Thị Thuý ✓	K63.QTDVLLH2	4,3	13		Thuý	
9	1121	223104520	Nguyễn Thị Thủy ✓	K63.QTDVLLH2	7,3	17		Thủy	
10	1122	221730234	Bùi Thị Đoàn Trang ✓	K63.QTKD2	8,0	14		Trang	
11	1123	221730235	Ngô Thị Trang ✓	K63.QTKD2	8,8	09		Trang	
12	1124	223134526	Nguyễn Huyền Trang ✓	K63.QTDVLLH2	4,3	01		Trang	
13	1125	223134529	Phan Thị Trang ✓	K63.QTDVLLH2	7,3	13		Trang	
14	1126	223134530	Phú Thị Thanh Trang ✓	K63.QTDVLLH2	8,0	17		Thanh Trang	
15	1127	221700239	Uông Ngọc Trí ✓	K63.QTKD2	3,8	14		Trí	
16	1128	221730240	Hà Thị Thanh Trúc ✓	K63.QTKD2	6,0	09		Trúc	
17	1129	223134531	Đặng Thành Trung ✓	K63.QTDVLLH2	7,3	01		Trung	
18	1130	221730241	Trần Phi Trường ✓	K63.QTKD2	6,3	13		Trường	
19	1131	223134534	Nguyễn Thanh Tùng ✓	K63.QTDVLLH2	5,5	17		Tùng	
20	1132	221730244	Nguyễn Ngọc Uy ✓	K63.QTKD2	4,5	14		Uy	
21	1133	223134539	Nguyễn Thị Bích Vân ✓	K63.QTDVLLH2	2,0	09		Vân	
22	1134	221730246	Phạm Thị Vân ✓	K63.QTKD2	5,3	01		Vân	
23	1135	221700245	Trần Công Văn ✓	K63.QTKD2	5,0	13		Văn	
24	1136	221730247	Phạm Thị Xuân ✓	K63.QTKD2	8,8	17		Xuân	
25	1137	223134540	Bùi Thị Hải Yến ✓	K63.QTDVLLH2	4,3	14		Yến	
26	1138	223134541	Nguyễn Ngọc Yến ✓	K63.QTDVLLH2	4,0	09		Yến	

Tổng số bài thi : 26

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M. P. Bình

NH Hoàng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_20BS0.102.2-1-1-22(N46) Thi tại : 305-A5

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:20

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1139	222030389	Đặng Văn Anh ✓	K63.KETOAN1	5,0	13		Anh	
2	1140	222030388	Đào Thị Vân Anh ✓	K63.KETOAN1	6,8	01		Anh	
3	1141	222030386	Dương Thị Quế Anh ✓	K63.KETOAN1	5,5	09		Anh	
4	1142	222030387	Dương Thùy Anh ✓	K63.KETOAN1	8,0	13		Anh	
5	1143	222030390	Khổng Lan Anh ✓	K63.KETOAN1	8,3	13		Anh	
6	1144	222030391	Lê Thị Vân Anh ✓	K63.KETOAN2	6,5	09		Anh	
7	1145	222030392	Nguyễn Quỳnh Anh ✓	K63.KETOAN2	8,3	17		Anh	
8	1146	222030393	Nguyễn Thị Châu Anh ✓	K63.KETOAN1	3,0	13		Anh	
9	1147	222030394	Phạm Lan Anh ✓	K63.KETOAN2	10,0	01		Anh	
10	1148	222030395	Phạm Quang Anh ✓	K63.KETOAN2	4,3	14		Anh	
11	1149	222030396	Vũ Thị Kiều Anh ✓	K63.KETOAN1	6,8	14		Anh	
12	1150	222030397	Hoàng Minh Anh ✓	K63.KETOAN2	6,8	13		Anh	
13	1151	222030398	Nguyễn Ngọc Anh ✓	K63.KETOAN2	7,3	17		Anh	
14	1152	222000399	Nguyễn Thị Ngọc Anh ✓	K63.KETOAN2					vắng
15	1153	222030400	Nguyễn Thị Ngọc Bích ✓	K63.KETOAN1	8,0	09		Bích	
16	1154	222030401	Chu Thị Bình ✓	K63.KETOAN2	7,3	13		Bình	
17	1155	222030402	Đỗ Thị Linh Chi ✓	K63.KETOAN1	8,0	17		Chi	
18	1156	222030403	Phùng Thị Kim Chi ✓	K63.KETOAN2	6,0	14		Chi	
19	1157	222030404	Nguyễn Thị Thanh Diệu ✓	K63.KETOAN1	5,3	01		Diệu	
20	1158	222030413	Đặng Lê Anh Đức ✓	K63.KETOAN2	4,0	17		Đức	
21	1159	222030405	Lê Thùy Dung ✓	K63.KETOAN1	8,0	09		Dung	
22	1160	222030406	Nguyễn Thị Phương Dung ✓	K63.KETOAN1	6,8	17		Dung	
23	1161	222030407	Nguyễn Thị Thuý Dung ✓	K63.KETOAN1	8,5	09		Dung	
24	1162	222030408	Nguyễn Thùy Dung ✓	K63.KETOAN2	5,8	13		Dung	
25	1163	222030409	Vi Anh Duyệt ✓	K63.KETOAN2					vắng
26	1164	222030410	Lương Thị Mỹ Duyên ✓	K63.KETOAN1	6,5	17		Duyệt	
27	1165	222030411	Nguyễn Thị Duyên ✓	K63.KETOAN2	7,5	14		Duyên	
28	1166	222030414	Dương Thị Hương Giang ✓	K63.KETOAN1	10,0	13		Giang	
29	1167	222030415	Hoàng Đức Giang ✓	K63.KETOAN1	4,5	17		Giang	
30	1168	222030416	Nguyễn Hương Giang ✓	K63.KETOAN1	6,3	14		Giang	
31	1169	222030417	Nguyễn Thị Giang ✓	K63.KETOAN1	6,5	13		Giang	
32	1170	222030418	Nguyễn Thị Thu Giang ✓	K63.KETOAN2	3,3	01		Giang	
33	1171	222030419	Nguyễn Thị Trà Giang ✓	K63.KETOAN1	8,5	17		Giang	
34	1172	222030420	Nguyễn Thị Trà Giang ✓	K63.KETOAN1	3,0	09		Giang	
35	1173	222030421	Phạm Thị Giang ✓	K63.KETOAN2	5,8	17		Giang	
36	1174	222030422	Nguyễn Thị Hà ✓	K63.KETOAN1	10,0	14		Hà	
37	1175	222030423	Trần Thị Mỹ Hà ✓	K63.KETOAN1	4,5	01		Hà	
38	1176	222030425	Lê Minh Hằng ✓	K63.KETOAN2	3,8	14		Hằng	
39	1177	222030424	Nguyễn Mai Hạnh ✓	K63.KETOAN2	7,8	01		Hạnh	
40	1178	222030426	Vũ Thị Hiền ✓	K63.KETOAN2	8,3	14		Hiền	
41	1179	222030427	Điền Thị Thu Hiền ✓	K63.KETOAN2	9,5	17		Hiền	
42	1180	222030428	Trần Thị Hiền ✓	K63.KETOAN2	8,0	01		Hiền	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1181	222030429	Trần Thị Thanh Hiền ✓	K63.KETOAN1	6,0	09		Huê	
44	1182	222030430	Mai Phúc Hiếu ✓	K63.KETOAN1	9,5	09		Huê	
45	1183	222030431	Nguyễn Thị Hoài ✓	K63.KETOAN1	2,3	01		Huê	
46	1184	222030432	Đoàn Huy Hoàng ✓	K63.KETOAN1	8,3	01		Huê	
47	1185	222030433	Ngô Kim Huệ ✓	K63.KETOAN2	8,5	17		Huê	
48	1186	222030434	Trần Minh Huệ ✓	K63.KETOAN1	7,5	01		Huê	
49	1187	222030435	Vũ Thị Kim Huệ ✓	K63.KETOAN2	3,5	14		Huê	
50	1188	222030436	Nguyễn Thu Hương ✓	K63.KETOAN2	6,8	13		Huê	
51	1189	222030437	Nguyễn Thu Hương ✓	K63.KETOAN2	8,5	01		Huê	
52	1190	222030438	Đỗ Minh Khuê ✓	K63.KETOAN2	3,5	09		Huê	
53	1191	222030439	Nguyễn Minh Kỳ ✓	K63.KETOAN1	1,3	13		Huê	
54	1192	222030440	Đinh Thúy Ngọc Lan ✓	K63.KETOAN2	9,0	13		Huê	
55	1193	222030441	Lê Thị Diệp Lan ✓	K63.KETOAN2	7,8	09		Huê	
56	1194	222030442	Lương Thị Lan ✓	K63.KETOAN2	5,5	01		Huê	
57	1195	222030443	Đinh Thị Thảo Liên ✓	K63.KETOAN1	3,5	01		Huê	
58	1196	222030444	Nguyễn Cẩm Liên ✓	K63.KETOAN1	4,3	014		Huê	
59	1197	222030445	Đỗ Thị Kiều Linh ✓	K63.KETOAN1	3,5	09		Huê	
60	1198	222030446	Lâm Thị Linh ✓	K63.KETOAN1	5,8	14		Huê	
61	1199	222030447	Lê Thị Thảo Linh ✓	K63.KETOAN2				Huê	Vắng
62	1200	222030448	Nguyễn Phương Linh ✓	K63.KETOAN2	6,8	13		Huê	
63	1201	222030449	Nguyễn Thị Thủy Linh ✓	K63.KETOAN2	8,3	17		Huê	
64	1202	222030450	Trần Khánh Linh ✓	K63.KETOAN2	7,0	17		Huê	
65	1203	222030451	Trần Thị Phương Linh ✓	K63.KETOAN1	9,5	14		Huê	

Tổng số bài thi : 62

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M. P. Bình
N. H. Hoàng

PGS. TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

song

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_21BS0.102.2-1-1-22(N46) Thi tại : 605-A2

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:21

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1204	222030452	Trần Thùy Linh	K63.KETOAN1	8.8	23001		Linh	
2	1205	222030453	Vũ Thị Khánh Linh	K63.KETOAN2	6.5	23013		Linh	
3	1206	222030454	Phạm Thị Hồng Mỹ	K63.KETOAN1	7.8	23013		Mỹ	
4	1207	222030455	Khúc Thị Quỳnh Nga	K63.KETOAN2	7.5	23017		Nga	
5	1208	222000456	Nguyễn Hiếu Ngân	K63.KETOAN1	10.0	23001		Ngân	
6	1209	222000457	Bùi Thị Ngân	K63.KETOAN1	6.8	23009		Ngân	
7	1210	222030458	Đặng Thị Minh Ngọc	K63.KETOAN1	10.0	23001		Ngọc	
8	1211	222030459	Ngô Thị Ngọc	K63.KETOAN2	4.0	23019		Ngọc	
9	1212	222030460	Nguyễn Bích Ngọc	K63.KETOAN2	6.5	23017		Ngọc	
10	1213	222030461	Nguyễn Thị Ngọc	K63.KETOAN2	9.0	23017		Ngọc	
11	1214	222030462	Nguyễn Thị Thanh Nhân	K63.KETOAN1	6.5	23014		Nhân	
12	1215	222030463	Trần Thị Thanh Nhân	K63.KETOAN1	6.8	23013		Nhân	
13	1216	222030464	Trịnh Yến Nhi	K63.KETOAN2	5.0	23009		Nhi	
14	1217	222000467	Đặng Thị Hồng Nhung	K63.KETOAN2	6.3	23001		Nhung	
15	1218	222030466	Đào Thị Hồng Nhung	K63.KETOAN1	10.0	23017		Nhung	
16	1219	222030465	Đỗ Thị Hương Nhung	K63.KETOAN1	9.0	23014		Nhung	
17	1220	222030468	Nguyễn Thị Khánh Ninh	K63.KETOAN2	5.5	23009		Ninh	
18	1221	222030469	Nguyễn Thị Kim Oanh	K63.KETOAN2	10.0	23001		Oanh	
19	1222	222030470	Nguyễn Thị Tú Oanh	K63.KETOAN2	9.8	23013		Oanh	
20	1223	222030471	Nguyễn Tuấn Phát	K63.KETOAN2	4.8	23017		Phát	
21	1224	222030472	Mai Hoàng Phúc	K63.KETOAN1	2.5	23014		Phúc	
22	1225	222030473	Cao Thị Thu Phương	K63.KETOAN1	6.8	23014		Phương	
23	1226	222000474	Lương Thị Phương	K63.KETOAN2	9.0	23009		Phương	
24	1227	222030475	Nguyễn Minh Phương	K63.KETOAN1	5.5	23001		Phương	
25	1228	222030476	Trần Thị Thảo Phương	K63.KETOAN1					Vắng
26	1229	222030477	Trương Thị Linh Phương	K63.KETOAN2	5.8	23013		Phương	
27	1230	222030478	Vũ Mai Phương	K63.KETOAN2	9.0	23017		Phương	
28	1231	222000481	Phạm Thị Như Quỳnh	K63.KETOAN2	8.5	23014		Quỳnh	
29	1232	222000483	Nguyễn Trung Sơn	K63.KETOAN2	5.8	23001		Sơn	
30	1233	222030491	Trần Thị Thắm	K63.KETOAN1	10.0	23013		Thắm	
31	1234	222030487	Nguyễn Phương Thanh	K63.KETOAN2	10.0	23017		Thanh	
32	1235	222030488	Bùi Chí Thành	K63.KETOAN2	4.0	23014		Thành	
33	1236	222030492	Lê Thị Thu	K63.KETOAN2	9.0	23009		Thu	
34	1237	222030499	Đào Thị Minh Thư	K63.KETOAN2	5.8	23013		Thư	
35	1238	222030500	Nguyễn Thị Anh Thư	K63.KETOAN2	10.0	23013		Thư	
36	1239	222030501	Đặng Thị Thương	K63.KETOAN1	4.3	23017		Thương	
37	1240	222000498	Trần Thị Thúy	K63.KETOAN1	5.5	23014		Thúy	
38	1241	222030494	Nguyễn Minh Thùy	K63.KETOAN2	9.3	23001		Thúy	
39	1242	222030495	Nguyễn Thị Thùy	K63.KETOAN2	7.5	23009		Thúy	
40	1243	222000496	Bùi Thu Thủy	K63.KETOAN2	7.0	23014		Thúy	
41	1244	222030493	Hoàng Thanh Thủy	K63.KETOAN2	8.3	23013		Thúy	
42	1245	222030497	Nguyễn Thu Thủy	K63.KETOAN1	8.0	23017		Thúy	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1246	222030502	X Lường Thị Tình	K63.KETOAN2	6.3	23009		Tình	
44	1247	222000503	X Bạch Thanh Trà	K63.KETOAN2	7.5	23001		Trà	
45	1248	222030504	X Đặng Huyền Trang	K63.KETOAN2	4.0	23013		Trang	
46	1249	222030505	X Lê Thị Thùy Trang	K63.KETOAN2	10.0	23017		Trang	
47	1250	222030506	X Nguyễn Thị Minh Trang	K63.KETOAN1	5.5	23009		Trang	
48	1251	222030507	X Nguyễn Thùy Trang	K63.KETOAN1	9.0	23014		Trang	
49	1252	222030510	X Phạm Thị Vân	K63.KETOAN2	8.8	23001		Vân	
50	1253	222030509	X Phan Thị Thu Vân	K63.KETOAN2	6.0	23009		Vân	
51	1254	222030511	X Tô Tiến Việt	K63.KETOAN1	4.0	23013		Việt	
52	1255	222030512	X Nguyễn Thị Tường Vy	K63.KETOAN2	5.0	23014		Vy	
53	1256	222030513	X Phạm Thảo Vy	K63.KETOAN1	9.5	23009		Vy	
54	1257	222000514	X Lê Thị Yến	K63.KETOAN1	10.0	23017		Yến	

Tổng số bài thi : 53

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

T.V. Long
Nguyễn Thị Minh Hiền

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP



DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

xong

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 2

Mã DST: BS0.102.2_16/03/2023_2_22BS0.102.2-1-1-22(N47) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1258	222234739	✓ Đỗ Quê An	K63.KTVT1	6.3	23010			
2	1259	222104542	✓ Nguyễn Hoài An	K63.KHAITHACVT1	5.0	23007			
3	1260	222134545	✓ Nguyễn Kim Anh	K63.KHAITHACVT1	9.5	23020			
4	1261	222104546	✓ Nguyễn Ngọc Diệp Anh	K63.KHAITHACVT1	7.8	23001			
5	1262	222234747	✓ Nguyễn Thanh Nam Anh	K63.KTVT1	1.0	23001			
6	1263	222104548	✓ Nguyễn Thị Ngọc Anh	K63.KHAITHACVT1	6.8	23007			
7	1264	222134550	✓ Nguyễn Thị Phương Anh	K63.KHAITHACVT1	8.0	23020			
8	1265	222234746	✓ Nguyễn Thị Thúy Anh	K63.KTVT1	7.5	23001			
9	1266	222234748	✓ Phạm Ngọc Anh	K63.KTVT1	5.0	23024			
10	1267	221133470	✓ Phạm Tuấn Anh	K63.KTVT1	3.5	23020			
11	1268	222134554	✓ Hồ Thị Kim Ánh	K63.KHAITHACVT1	9.5	24010			
12	1269	222134555	✓ Lê Thị Ngọc Ánh	K63.KHAITHACVT1	9.8	23007			
13	1270	222134557	✓ Trần Hồng Ánh	K63.KHAITHACVT1	7.5	23014			
14	1271	222104558	✓ Trần Xuân Bách	K63.KHAITHACVT1	4.3	23020			
15	1272	222104561	✓ Phạm Hải Bằng	K63.KHAITHACVT1	7.3	23014			
16	1273	222234764	✓ Đinh Thanh Bình	K63.KTVT1	5.8	23010			
17	1274	222104563	✓ Hoàng Thị Hà Chi	K63.KHAITHACVT1	8.8	23007			
18	1275	222234765	✓ Nguyễn Đoàn Chi	K63.KTVT1	3.0	23020			
19	1276	222234768	✓ Phan Bảo Chi	K63.KTVT1	6.3	23001			
20	1277	222104567	✓ Đỗ Thị Cúc	K63.KHAITHACVT1	7.8	23020			
21	1278	222234782	✓ Đinh Hoàng Đại	K63.KTVT1	8.0	23007			
22	1279	222134582	✓ Nguyễn Đức Đại	K63.KHAITHACVT1	8.5	23001			
23	1280	222134584	✓ Vũ Hải Đăng	K63.KHAITHACVT1	6.5	23001			
24	1281	222234783	✓ Lâm Thị Đào	K63.KTVT1	6.8	23014			
25	1282	222104572	✓ Nguyễn Mỹ Diệu	K63.KHAITHACVT1	7.3	23010			
26	1283	222204773	✓ Vũ Huyền Diệu	K63.KTVT1	8.3	23001			
27	1284	V222032483	Lê Minh Đức	K63.KTVT1					vắng
28	1285	222234788	✓ Phan Giang Minh Đức	K63.KTVT1	6.3	23014			
29	1286	222234781	✓ Nguyễn Thị Ánh Dương	K63.KTVT1	7.0	23020			
30	1287	222234776	✓ Nguyễn Hải Duy	K63.KTVT1	8.0	23007			
31	1288	222204778	✓ Trần Thị Duyên	K63.KTVT1	1.8	23010			
32	1289	222234789	✓ Cù Thị Trà Giang	K63.KTVT1	4.0	23001			
33	1290	222234790	✓ Lại Bá Trường Giang	K63.KTVT1	7.3	23014			
34	1291	222134587	✓ Phan Thị Quỳnh Giang	K63.KHAITHACVT1	3.8	23014			
35	1292	222234795	✓ Lê Thu Hà	K63.KTVT1	8.5	23007			
36	1293	222104590	✓ Nguyễn Thị Thanh Hà	K63.KHAITHACVT1	3.0	23010			
37	1294	222134591	✓ Vi Thị Thu Hà	K63.KHAITHACVT1	3.3	23020			
38	1295	222234797	✓ Vũ Thị Hà	K63.KTVT1	10.0	23001			
39	1296	222134597	✓ Nguyễn Thị Hân	K63.KHAITHACVT1	8.5	23020			
40	1297	222134595	✓ Lò Thái Hằng	K63.KHAITHACVT1	8.3	23020			
41	1298	222134596	✓ Nguyễn Thị Thu Hằng	K63.KHAITHACVT1	6.8	23007			
42	1299	222234802	✓ Trần Thị Hằng	K63.KTVT1	10.0	23001			

Mã DST: BS0.102.2_16/03/2023_2_22BS0.102.2-1-1-22(N47) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1300	222134593	✓ Vũ Quang Hào	K63.KHAITHACVT1	6.8	23014		Hào	
44	1301	222104600	✓ Nguyễn Thị Thu Hiền	K63.KHAITHACVT1	8.5	23010		Hiền	
45	1302	222104603	✓ Phan Viết Hiếu	K63.KHAITHACVT1	8.0	23007		Hiếu	
46	1303	222234814	✓ Phạm Thị Khánh Hòa	K63.KTVT1	7.3	23014		Hòa	
47	1304	222204815	✓ Hoàng Thị Hoài	K63.KTVT1	5.0	23020		Hoài	
48	1305	222134607	✓ Lò Thị Hồng	K63.KHAITHACVT1	00.0	23004		Hồng	
49	1306	222134608	✓ Nguyễn Ánh Hồng	K63.KHAITHACVT1	7.3	23001		Hồng	
50	1307	222104609	✓ Nguyễn Thị Minh Huệ	K63.KHAITHACVT1	6.3	23014		Huệ	
51	1308	222104610	✓ Đỗ Thị Kim Huệ	K63.KHAITHACVT1	6.8	23010		Huệ	
52	1309	222104613	✓ Nguyễn Phi Hùng	K63.KHAITHACVT1	3.5	23007		Hùng	
53	1310	222204827	✓ Đỗ Văn Hương	K63.KTVT1	4.3	23014		Hương	
54	1311	222234829	✓ Lê Thị Hương	K63.KTVT1	9.5	23020		Hương	
55	1312	222234830	✓ Nguyễn Minh Hương	K63.KTVT1	2.0	23007		Hương	
56	1313	222234820	✓ Hà Quang Huy	K63.KTVT1		23001		Huy	50 Nợ HP
57	1314	222234821	✓ Nguyễn Quang Huy	K63.KTVT1	6.0	23002		Huy	
58	1315	222204823	✓ Trần Quang Huy	K63.KTVT1	6.5	23014		Huy	
59	1316	222134618	✓ Nguyễn Thị Ngọc Huyền	K63.KHAITHACVT1	9.0	23001		Huyền	
60	1317	222134620	✓ Trần Thị Huyền	K63.KHAITHACVT1	8.8	23014		Huyền	
61	1318	222134624	✓ Hoàng Văn Kha	K63.KHAITHACVT1	8.8	23010		Kha	
62	1319	222104625	✓ Hồ Quang Khải	K63.KHAITHACVT1	9.0	23007		Khai	
63	1320	222234833	✓ Đoàn Văn Khiêm	K63.KTVT1	7.5	23020		Khiêm	
64	1321	222134632	✓ Nguyễn Trung Kiên	K63.KHAITHACVT1	7.8	23020		Kiên	
65	1322	222104633	✓ Phạm Trung Kiên	K63.KHAITHACVT1	5.0	23007		Kiên	
66	1323	882260004	✓ Ekalak Kongmany	K63.KTVT1		23010		Kongmany	25 Nợ HP
67	1324	222104635	✓ Dư Thùy Linh	K63.KHAITHACVT1	4.0	23010		Linh	
68	1325	222104642	✓ Nguyễn Hải Long	K63.KHAITHACVT1	5.8	23014		Long	
69	1326	222134644	✓ Nguyễn Văn Luân	K63.KHAITHACVT1	8.0	23010		Luân	
70	1327	222104646	✓ Bùi Thị Mai	K63.KHAITHACVT1	4.3	23007		Mai	
71	1328	222234853	✓ Đinh Ngọc Minh	K63.KTVT1	6.5	23020		Minh	
72	1329	222234859	✓ Trần Thị Trà My	K63.KTVT1	9.0	23014		My	
73	1330	222234862	✓ Nguyễn Thị Hồng Ngân	K63.KTVT1	4.3	23007		Ngân	
74	1331	222104660	✓ Nguyễn Văn Nghĩa	K63.KHAITHACVT1	3.8	23010		Nghĩa	
75	1332	222134662	✓ Đặng Thị Minh Ngọc	K63.KHAITHACVT1	8.0	23010		Ngọc	
76	1333	222134661	✓ Dương Thị Hồng Ngọc	K63.KHAITHACVT1	7.8	23014		Ngọc	
77	1334	222234866	✓ Vũ Quốc Ngọc	K63.KTVT1	1.3	23007		Ngọc	
78	1335	222134670	✓ Trần Linh Nhi	K63.KHAITHACVT1	10.0	23001		Nhi	
79	1336	222234873	✓ Bùi Thị Hồng Nhung	K63.KTVT1	9.0	23007		Nhung	
80	1337	222134672	✓ Vũ Thị Hồng Nhung	K63.KHAITHACVT1	5.5	23010		Nhung	
81	1338	222234878	✓ Vũ Xuân Phong	K63.KTVT1	4.5	23020		Phong	
82	1339	222134677	✓ Nguyễn Thị Quỳnh Phương	K63.KHAITHACVT1	1.8	23001		Phương	
83	1340	222234881	✓ Phạm Thị Bích Phương	K63.KTVT1	7.8	23014		Phương	
84	1341	222134678	✓ Trần Thu Phương	K63.KHAITHACVT1	6.0	23014		Phương	
85	1342	222234884	✓ Hà Minh Quân	K63.KTVT1				Quân	Nợ HP
86	1343	222234885	✓ Ngô Quang Quân	K63.KTVT1	8.0	23001		Quân	
87	1344	222104683	✓ Vũ Ngọc Tú Quỳnh	K63.KHAITHACVT1	0.5	23010		Quỳnh	
88	1345	222134703	✓ Kiều Văn Thắng	K63.KHAITHACVT1	7.8	23014		Thắng	
89	1346	222104687	✓ Bùi Thanh Thanh	K63.KHAITHACVT1	6.0	23014		Thanh	

Mã DST: BS0.102.2_16/03/2023_2_22BS0.102.2-1-1-22(N47) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
90	1347	222104689	Mai Thị Thanh	K63.KHAITHACVT1	6.0	23010		Thanh	
91	1348	222204895	Đặng Tuấn Thành	K63.KTVT1	7.0	23014		Thành	
92	1349	222234896	Đặng Thu Thảo	K63.KTVT1	1.5	23007		Thảo	
93	1350	222234897	Hà Thị Thảo	K63.KTVT1	10.0	23010		Thảo	
94	1351	222134694	Lê Phương Thảo	K63.KHAITHACVT1	6.5	23010		Thảo	
95	1352	222134695	Lê Thị Phương Thảo	K63.KHAITHACVT1	8.8	23009		Thảo	
96	1353	222134699	Phan Thu Thảo	K63.KHAITHACVT1	4.5	23014		Thảo	
97	1354	222204898	Vũ Phương Thảo	K63.KTVT1	9.3	23001		Thảo	
98	1355	222134704	Trương Ngọc Thiện	K63.KHAITHACVT1	4.5	23001		Thiện	
99	1356	222234901	Lương Thị Hoài Thu	K63.KTVT1	6.8	23020		Thu	
100	1357	222234906	Lê Thị Thanh Thư	K63.KTVT1	6.3	23007		Thư	
101	1358	222204905	Quang Thị Thủy	K63.KTVT1	7.3	23010		Thủy	
102	1359	222134708	Vũ Thanh Thủy	K63.KHAITHACVT1	9.5	23007		Thủy	
103	1360	222234903	Trần Thị Phương Thùy	K63.KTVT1	7.0	23010		Thùy	
104	1361	222234904	Trịnh Thị Thu Thủy	K63.KTVT1	7.8	23014		Thủy	
105	1362	222204910	Phạm Thu Trà	K63.KTVT1	10.0	23020	1	Trà	
106	1363	222104713	Ngô Thị Trang	K63.KHAITHACVT1	5.5	23014		Trang	
107	1364	222134714	Nguyễn Quỳnh Trang	K63.KHAITHACVT1	9.8	23001		Trang	
108	1365	222134716	Phạm Thị Thu Trang	K63.KHAITHACVT1	4.3	23020		Trang	
109	1366	222104718	Vũ Thị Thu Trang	K63.KHAITHACVT1	2.5	23020		Trang	
110	1367	222134723	Nguyễn Thế Trung	K63.KHAITHACVT1	2.0	23007		Trung	
111	1368	222234916	Hồ Thị Trường	K63.KTVT1	8.8	23010		Trường	
112	1369	222234917	Nghiêm Minh Tú	K63.KTVT1	9.5	23001		Tú	
113	1370	222234918	Đỗ Minh Tuấn	K63.KTVT1	3.8	23001		Tuấn	
114	1371	222234919	Nguyễn Trọng Hoàng Tuyên	K63.KTVT1	9.3	23014		Tuyên	
115	1372	222134732	Phạm Thị Vân	K63.KHAITHACVT1	8.0	23020		Vân	
116	1373	222134731	Phạm Thị Thanh Vân	K63.KHAITHACVT1	10.0	23007		Vân	
117	1374	882260002	Huelao Vaporhao	K63.KTVT1		23010		Huelao	30 Nợ HP
118	1375	222134734	Nguyễn Đăng Quốc Việt	K63.KHAITHACVT1	4.5	23020		Việt	
119	1376	222214924	Trần Quốc Vượng	K63.KTVT1	5.0	23010		Vượng	
120	1377	222204925	Lê Tường Vy	K63.KTVT1	2.5	23007		Vy	
121	1378	222234927	Trần Thị Hương Xuân	K63.KTVT1	10.0	23001		Xuân	
122	1379	222234928	Trần Thị Thanh Xuân	K63.KTVT1					Xuân
123	1380	222204929	Đỗ Thị Yên	K63.KTVT1	3.0	23020		Yên	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Phí Phụng Văn Anh
Đặng Mai

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_22BS0.102.2-1-1-22(N47) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
66	1323	882260001	Ekalack Kongmany	K63.KTVT1	2,3				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

V. Anh
Phú Thị Vân Anh T.V. Long

Trưởng bộ môn

PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng

Người lập bảng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_22BS0.102.2-1-1-22(N47) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1374	882260002	Huelao Vaporhao	K63.KTVT1	3,0				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

V. Anh
Phí Thị V. Anh
T. Long

Trưởng bộ môn

PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng

Trần Thủy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_22BS0.102.2-1-1-22(N47) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1313	222234820	Hà Quang Huy	K63.KTVT1	5,0				

Tổng số bài thi :

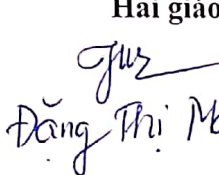
Tổng số tờ giấy thi :

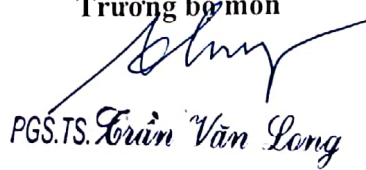
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Đặng Thị Mai


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_23BS0.102.2-1-1-22(N48) Thi tại : 104-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:23

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1381	222234741	Hoàng Hùng Anh ✓	K63.KTVT2	5.0	01		Anh	
2	1382	222134549	Nguyễn Thị Phương Anh ✓	K63.KHAITHACVT2	7.3	14		Anh	
3	1383	222134551	Nguyễn Thị Quỳnh Anh ✓	K63.KHAITHACVT2	9.0	10		Anh	
4	1384	222234750	Trần Mai Anh ✓	K63.KTVT2	9.5	07		Anh	
5	1385	222234751	Trần Quốc Anh ✓	K63.KTVT2	3.8	20		Anh	Ba phẩy hai 21
6	1386	222234752	Trần Thị Lam Anh ✓	K63.KTVT2	6.5	20		Anh	
7	1387	222234754	Trịnh Việt Anh ✓	K63.KTVT2	5.3	14		Anh	
8	1388	222234755	Vũ Nguyễn Ngọc Anh ✓	K63.KTVT2	4.0	01		Anh	
9	1389	222134553	Vũ Thị Ngọc Anh ✓	K63.KHAITHACVT2	6.3	10		Anh	
10	1390	222204756	Đặng Ngọc Ánh ✓	K63.KTVT2	10.0	07		Anh	
11	1391	222234757	Đồng Thị Ngọc Ánh ✓	K63.KTVT2	9.0	20		Anh	
12	1392	222134556	Nguyễn Thị Ngọc Ánh ✓	K63.KHAITHACVT2	6.0	14		Anh	
13	1393	222234763	Nguyễn Thị Ngọc Bích ✓	K63.KTVT2	9.5	01		Anh	
14	1394	222134564	Lã Thảo Chi ✓	K63.KHAITHACVT2	4.8	14		Anh	
15	1395	222234767	Nguyễn Thị Linh Chi ✓	K63.KTVT2	2.5	10		Anh	
16	1396	222134565	Phạm Thị Thùy Chi ✓	K63.KHAITHACVT2	9.0	07		Anh	
17	1397	222204769	Tổng Quỳnh Chi ✓	K63.KTVT2	7.5	20		Anh	
18	1398	222234770	Nguyễn Đình Chí ✓	K63.KTVT2	10.0	07		Anh	
19	1399	222104568	Nguyễn Ngọc Cường ✓	K63.KHAITHACVT2	6.8	20		Anh	
20	1400	222104569	Nguyễn Mạnh Cường ✓	K63.KHAITHACVT2	2.0	01		Anh	
21	1401	222234772	Trần Văn Cường ✓	K63.KTVT2	3.3	10		Anh	
22	1402	222134583	Ngô Thành Đạt ✓	K63.KHAITHACVT2	9.0	07		Anh	
23	1403	222234784	Nguyễn Tiến Đạt ✓	K63.KTVT2	5.3	20		Anh	
24	1404	222134570	Bùi Thị Diễm ✓	K63.KHAITHACVT2	10.0	01		Anh	
25	1405	222104571	Phạm Thị Ngọc Diệp ✓	K63.KHAITHACVT2	6.5	14		Anh	
26	1406	222134585	Nguyễn Thành Đô ✓	K63.KHAITHACVT2	8.5	10		Anh	
27	1407	222114586	Đỗ Trung Đức ✓	K63.KHAITHACVT2	2.8	07		Anh	
28	1408	222234787	Hà Trọng Đức ✓	K63.KTVT2	1.3	20		Anh	
29	1409	222104573	Lê Thị Hoàng Dung ✓	K63.KHAITHACVT2	6.0	01		Anh	
30	1410	222104576	Nguyễn Thị Thùy Dung ✓	K63.KHAITHACVT2	6.3	14		Anh	
31	1411	222104579	Bùi Văn Dương ✓	K63.KHAITHACVT2	4.0	10		Anh	
32	1412	222234780	Đặng Thị Thùy Dương ✓	K63.KTVT2	7.0	07		Anh	
33	1413	222134580	Long Thùy Dương ✓	K63.KHAITHACVT2	7.8	01		Anh	
34	1414	222104578	Nguyễn Lê Duy ✓	K63.KHAITHACVT2	2.8	14		Anh	
35	1415	222234792	Nguyễn Hữu Giang ✓	K63.KTVT2	6.3	10		Anh	
36	1416	222234794	Hoàng Thị Thu Hà ✓	K63.KTVT2	6.8	07		Anh	
37	1417	222234796	Nguyễn Thị Hà ✓	K63.KTVT2	10.0	20		Anh	
38	1418	222234799	Nguyễn Thị Mỹ Hào ✓	K63.KTVT2	5.0	01		Anh	
39	1419	222234804	Trần Thúy Hậu ✓	K63.KTVT2	9.3	14		Anh	
40	1420	222234805	Mai Phùng Thúy Hiền ✓	K63.KTVT2	7.5	10		Anh	
41	1421	222234807	Nguyễn Thị Thúy Hiền ✓	K63.KTVT2	8.0	07		Anh	
42	1422	222234809	Phạm Minh Hiệp ✓	K63.KTVT2	9.0	20		Anh	

Ngày thi: 16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 23

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1423	222134601	Đặng Nhân Hiếu ✓	K63.KHAITHACVT2	9.3	01		Hiếu	
44	1424	222104602	Lê Quang Hiếu ✓	K63.KHAITHACVT2	3.0	14		Hiếu	
45	1425	222234810	Nguyễn Đăng Hiếu ✓	K63.KTVT2	3.0	10		Hiếu	
46	1426	222134606	Nguyễn Huy Hoàng ✓	K63.KHAITHACVT2	5.8	07		Huỳnh	
47	1427	222234817	Nguyễn Việt Hoàng ✓	K63.KTVT2	10.0	20		Hoàng	
48	1428	222234818	Đào Lê Hùng ✓	K63.KTVT2	8.5	01		Hùng	
49	1429	222134612	Nguyễn Mạnh Hùng ✓	K63.KHAITHACVT2	6.8	14		Hùng	
50	1430	222234828	Hoàng Thùy Hương ✓	K63.KTVT2	6.5	10		Huỳnh	
51	1431	222104622	Lưu Thị Thu Hương ✓	K63.KHAITHACVT2	6.3	07		Huỳnh	
52	1432	222134623	Phạm Thu Hương ✓	K63.KHAITHACVT2	7.5	20		Huỳnh	
53	1433	222234822	Nguyễn Tường Huy ✓	K63.KTVT2	6.5	01		Huy	
54	1434	222134615	Đào Khánh Huyền ✓	K63.KHAITHACVT2	5.3	14		Khánh	
55	1435	222134619	Tạ Thu Huyền ✓	K63.KHAITHACVT2	6.5	10		Huỳnh	
56	1436	222234831	Tô Xuân Khang ✓	K63.KTVT2	5.8	07		Khang	
57	1437	222134628	Lương Thị Khánh ✓	K63.KHAITHACVT2	8.0	20		Khánh	
58	1438	222134629	Nguyễn Phương Khánh ✓	K63.KHAITHACVT2	3.0	01		Khánh	
59	1439	222134630	Nguyễn Tấn Khánh ✓	K63.KHAITHACVT2	1.5	14		Khánh	
60	1440	222134640	Nguyễn Phương Linh ✓	K63.KHAITHACVT2	6.5	10		Linh	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Đặng Thị Mai
Vũ Thị Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_24BS0.102.2-1-1-22(N48) Thi tại : 202-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:24

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1441	222104641	X Nguyễn Thùy Linh	K63.KHAITHACVT2	6,8	23007		Linh	
2	1442	222134645	X Nguyễn Thị Lương	K63.KHAITHACVT2	2,3	23020		Lương	
3	1443	222134648	X Nguyễn Thị Mai	K63.KHAITHACVT2	5,0	23020		Mai	
4	1444	222134649	X Phan Thị Mai	K63.KHAITHACVT2	6,8	23007		Mai	
5	1445	222234850	X Trần Thị Hồng Mến	K63.KTVT2	8,8	23001		Mến	
6	1446	222104650	X Khúc Gia Minh	K63.KHAITHACVT2	3,5	23014		Minh	
7	1447	222234854	X Nguyễn Đức Minh	K63.KTVT2	8,5	23014		Minh	
8	1448	222104651	X Nguyễn Trí Minh	K63.KHAITHACVT2	4,0	23010		Minh	
9	1449	222234858	X Phạm Trần Quốc Minh	K63.KTVT2	3,8	23010		Minh	
10	1450	222134652	X Phạm Trường Minh	K63.KHAITHACVT2	3,5	23001		Minh	
11	1451	222134653	X Vũ Công Minh	K63.KHAITHACVT2	6,8	23001		Minh	
12	1452	222134654	X Vũ Hoàng Minh	K63.KHAITHACVT2	7,3	23007		Minh	
13	1453	222134657	X Nguyễn Thị Trà My	K63.KHAITHACVT2	7,5	23007		My	
14	1454	222234864	X Đỗ Thị Thảo Ngọc	K63.KTVT2	10,0	23020		Ngọc	
15	1455	222234865	X Nguyễn Thị Bích Ngọc	K63.KTVT2	9,0	23001		Ngọc	
16	1456	222204868	X Nguyễn Vũ Nguyên	K63.KTVT2	4,5	23014		Nguyên	
17	1457	222204869	X Lý Thị Nguyệt	K63.KTVT2	6,5	23010		Nguyệt	
18	1458	222234871	X Hoàng Thị Yến Nhi	K63.KTVT2	8,3	23007		Nhi	
19	1459	222234872	X Lê Yến Nhi	K63.KTVT2	6,3	23020		Nhi	
20	1460	222104669	X Nguyễn Yến Nhi	K63.KHAITHACVT2	8,3	23010		Nhi	
21	1461	222204874	X Đỗ Hoài Nhung	K63.KTVT2	7,5	23014		Nhung	
22	1462	222104673	X Nguyễn Hải Ninh	K63.KHAITHACVT2	3,3	23011		Ninh	
23	1463	222104674	X Nguyễn Thịnh Phát	K63.KHAITHACVT2	5,0	23001		Phát	
24	1464	222114877	X Trần Thế Phong	K63.KTVT2	5,8	23020		Phong	
25	1465	222234879	X Nguyễn Hà Phương	K63.KTVT2	6,8	23007		Phương	
26	1466	222204880	X Nguyễn Thị Phương	K63.KTVT2	5,0	23014		Phương	
27	1467	222134681	X Hoàng Anh Quân	K63.KHAITHACVT2	8,3	23010		Quân	
28	1468	222234886	X Trần Anh Quân	K63.KTVT2	6,8	23001		Quân	
29	1469	222234889	X Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	K63.KTVT2	7,5	23014		Quỳnh	
30	1470	222204890	X Ngô Linh Sương	K63.KTVT2	7,3	23010		Sương	
31	1471	222134685	X Phạm Minh Tâm	K63.KHAITHACVT2	4,0	23020		Tâm	
32	1472	222104692	X Phan Trung Thành	K63.KHAITHACVT2	5,0	23007		Thành	
33	1473	222104693	X Đỗ Phương Thảo	K63.KHAITHACVT2	10,0	23011		Thảo	
34	1474	222104698	X Nguyễn Thanh Thảo	K63.KHAITHACVT2	6,3	23020		Thảo	
35	1475	222134700	X Phạm Ngọc Thảo	K63.KHAITHACVT2	8,3	23007		Thảo	
36	1476	222104701	X Trần Thị Thảo	K63.KHAITHACVT2	9,0	23001		Thảo	
37	1477	222134702	X Võ Phương Thảo	K63.KHAITHACVT2	5,5	23014		Thảo	
38	1478	222234900	X Nguyễn Thị Hương Thơm	K63.KTVT2	7,8	23010		Thơm	
39	1479	222134705	X Nguyễn Hoài Thu	K63.KHAITHACVT2	9,5	23010		Thu	
40	1480	222134709	X Nguyễn Thị Minh Thư	K63.KHAITHACVT2	9,8	23020		Thư	
41	1481	222234902	X Nguyễn Quang Thuận	K63.KTVT2	3,3	23001		Thuận	
42	1482	222104711	X Lê Sĩ Toàn	K63.KHAITHACVT2	8,0	23014		Toàn	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1483	222234911	Triệu Phương Trà	K63.KTVT2	8,5	23001		Trà	
44	1484	222234915	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	K63.KTVT2	9,8	23020		Trâm	
45	1485	222104712	Đoàn Thị Minh Trang	K63.KHAITHACVT2	10,0	23007		Trang	
46	1486	222234912	Nguyễn Thị Huyền Trang	K63.KTVT2	9,3	23010		Trang	
47	1487	222134715	Nguyễn Thị Ngọc Trang	K63.KHAITHACVT2	4,3	23014		Trang	
48	1488	222134717	Võ Kiều Trang	K63.KHAITHACVT2	7,0	23007		Trang	
49	1489	222234914	Vũ Thị Quỳnh Trang	K63.KTVT2	5,5	23012		Trang	
50	1490	222104722	Lương Văn Trung	K63.KHAITHACVT2	8,3	23001		Bung	
51	1491	222134724	Nguyễn Xuân Trung	K63.KHAITHACVT2	4,3	23014		Trung	(4,3)
52	1492	222104725	Vũ Thành Trung	K63.KHAITHACVT2	6,3	23007		Trung	
53	1493	222134726	Trần Văn Trường	K63.KHAITHACVT2	7,8	23020		Trường	
54	1494	222104727	Phạm Minh Tuấn	K63.KHAITHACVT2	6,0	23010		Tuấn	
55	1495	222134729	Bùi Trần Khánh Vân	K63.KHAITHACVT2	8,5	23010		Loan	
56	1496	222234921	Ngô Thị Vân	K63.KTVT2	5,5	23020		Vân	
57	1497	222234926	Vũ Lê Tường Vy	K63.KTVT2	9,0	23014		Vy	
58	1498	222234930	Bùi Hải Yến	K63.KTVT2	7,0	23010		Yến	
59	1499	222234932	Trương Ngọc Yến	K63.KTVT2	9,0	2307		Yến	
60	1500	222134738	Vũ Thị Thu Yến	K63.KHAITHACVT2	8,0	23014		Yến	

Tổng số bài thi : 60

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Ưt Thị Phương

Phú Thị Văn Anh

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_25BS0.102.2-1-1-22(N49) Thi tại : 106-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:25

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1501	222204740	X Nguyễn Ngọc Khánh An	K63.KTVT3	3,0	23001		Anh	
2	1502	222134544	X Nguyễn Đức Anh	K63.KHAITHACVT3	5,0	23014		Anh	
3	1503	222234742	X Nguyễn Đức Anh	K63.KTVT3	2,5	23010		Anh	
4	1504	222234743	X Nguyễn Thị Lan Anh	K63.KTVT3	7,5	23007		Anh	
5	1505	222234744	X Nguyễn Thị Mai Anh	K63.KTVT3	10,0	23020		Anh	
6	1506	222134547	X Nguyễn Thị Minh Anh	K63.KHAITHACVT3	7,0	23001		Anh	
7	1507	222234745	X Nguyễn Thị Phương Anh	K63.KTVT3	6,5	23014		Anh	
8	1508	222134552	X Phạm Đỗ Minh Anh	K63.KHAITHACVT3	6,8	23010		Anh	
9	1509	222234753	X Trịnh Tuấn Anh	K63.KTVT3	5,8	23007		Anh	
10	1510	222204760	X Phạm Thị Ánh	K63.KTVT3	9,5	23020		Anh	
11	1511	222134559	X Đặng Gia Bảo	K63.KHAITHACVT3	5,0	23001		Bảo	
12	1512	222104560	X Nguyễn Gia Bảo	K63.KHAITHACVT3	2,8	23014		Bảo	
13	1513	222134562	X Vũ Hà Châu	K63.KHAITHACVT3	3,0	23010		Châu	
14	1514	222204766	X Nguyễn Linh Chi	K63.KTVT3	9,3	23007		Chi	
15	1515	222104566	X Đào Sỹ Chiến	K63.KHAITHACVT3	4,3	23020		Chiến	
16	1516	222204771	X Lê Mạnh Chín	K63.KTVT3	2,3	23010		Chín	
17	1517	222234785	X Nguyễn Hải Đăng	K63.KTVT3	9,3	23007		Đăng	
18	1518	222234774	X Dương Thùy Dung	K63.KTVT3	2,8	23020		Dung	
19	1519	222104574	X Lê Trần Mỹ Dung	K63.KHAITHACVT3	2,5	23020		Dung	
20	1520	222134575	X Nguyễn Mỹ Dung	K63.KHAITHACVT3	9,5	23001		Dung	
21	1521	222234775	X Phạm Thanh Dung	K63.KTVT3	6,3	23014		Dung	
22	1522	222134577	X Nguyễn Duy Việt Dũng	K63.KHAITHACVT3	00,0	23014		Dũng	
23	1523	222104581	X Lương Vũ Thuý Dương	K63.KHAITHACVT3	6,8	23010		Dương	
24	1524	222234777	X Bùi Thị Duyên	K63.KTVT3	7,0	23007		Duyên	
25	1525	222204779	X Vũ Nhật Duyên	K63.KTVT3	5,5	23007		Duyên	
26	1526	222234791	X Lý Trường Giang	K63.KTVT3	6,8	23020		Giang	
27	1527	222234793	X Tạ Thị Hậu Giang	K63.KTVT3	8,8	23001		Giang	
28	1528	222104588	X Tô Ngọc Giang	K63.KHAITHACVT3	2,5	23001		Giang	
29	1529	222134589	X Nguyễn Tiến Giáp	K63.KHAITHACVT3	6,5	23014		Giáp	
30	1530	222134592	X Nguyễn Minh Hải	K63.KHAITHACVT3	7,8	23010		Hải	

Tổng số bài thi : 30

Tổng số tờ giấy thi : 42

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ Thị Hương
Hương Thủy Linh

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_26BS0.102.2-1-1-22(N49) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:26

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1531	222234800	Ngô Thị Thanh Hằng	K63.KTVT3	8,3	23001		Hằng	
2	1532	222234801	Phạm Thị Thu Hằng	K63.KTVT3	4,8	01		Hằng	
3	1533	222134594	Trịnh Phương Hào	K63.KHAITHACVT3	8,8	14		Hào	
4	1534	222134598	Bùi Thị Thành Hậu	K63.KHAITHACVT3	00,0				Vắng
5	1535	222204803	Nguyễn Văn Hậu	K63.KTVT3	7,0	10		Hậu	
6	1536	222134599	Vương Thị Hậu	K63.KHAITHACVT3	9,3	23007		Hậu	
7	1537	222234806	Nguyễn Minh Hiền	K63.KTVT3	8,0	23001		Hiền	
8	1538	222234808	Nguyễn Thu Hiền	K63.KTVT3	5,3	23014		Hiền	
9	1539	222234811	Nguyễn Đức Hiếu	K63.KTVT3	8,0	23007		Hiếu	
10	1540	222234812	Nguyễn Trọng Hiếu	K63.KTVT3	9,5	23010		Hiếu	
11	1541	222104604	Đào Thị Hoa	K63.KHAITHACVT3	6,0	23010		Hoa	
12	1542	222234813	Ngô Thị Hoa	K63.KTVT3	9,5	23014		Hoa	
13	1543	222134605	Nguyễn Thị Hằng Hoa	K63.KHAITHACVT3	8,3	23001		Hoa	
14	1544	222234816	Nguyễn Thu Hoài	K63.KTVT3	7,0	23014		Hoài	
15	1545	222134611	Nguyễn Đức Hùng	K63.KHAITHACVT3	5,8	23020		Hùng	
16	1546	222204819	Phạm Minh Hùng	K63.KTVT3	4,8	23014		Hùng	
17	1547	222104621	Đào Trọng Hưng	K63.KHAITHACVT3	5,0	23010		Hưng	
18	1548	222204824	Đinh Thị Thanh Huyền	K63.KTVT3	8,5	23007		Huyền	
19	1549	222104616	Lê Thanh Huyền	K63.KHAITHACVT3	3,5	23001		Huyền	
20	1550	222134617	Nguyễn Ngọc Huyền	K63.KHAITHACVT3	9,3	23020		Huyền	
21	1551	222204825	Nguyễn Thị Thanh Huyền	K63.KTVT3	5,5	23020		Huyền	
22	1552	222234826	Nguyễn Thu Huyền	K63.KTVT3	9,8	23001		Huyền	
23	1553	222104626	Nguyễn Quang Khải	K63.KHAITHACVT3	9,8	23014		Khải	
24	1554	222104627	Nguyễn Đình Khang	K63.KHAITHACVT3	6,5	23007		Khang	
25	1555	222134631	Trần Đăng Khoa	K63.KHAITHACVT3	7,3	23001		Khoa	
26	1556	222234834	Trịnh Trung Kiên	K63.KTVT3	4,0	23020		Kiên	
27	1557	222104634	Đỗ Hoài Lam	K63.KHAITHACVT3	8,8	23014		Lam	
28	1558	222234835	Lê Thị Lan	K63.KTVT3	9,8	23001		Lan	
29	1559	222234836	Trịnh Mi Lan	K63.KTVT3	6,0	23020		Mi Lan	
30	1560	222134637	Đinh Diệu Linh	K63.KHAITHACVT3	5,0	23007		Linh	
31	1561	222104636	Đỗ Thị Thùy Linh	K63.KHAITHACVT3	8,0	23010		Linh	
32	1562	222134638	Hoàng Thảo Linh	K63.KHAITHACVT3	7,3	23001		Linh	
33	1563	222104639	Lương Thùy Linh	K63.KHAITHACVT3	6,5	23020		Linh	
34	1564	222134643	Quản Xuân Long	K63.KHAITHACVT3	4,9	23007		Long	(4,3)
35	1565	222134647	Lê Thị Tuyết Mai	K63.KHAITHACVT3	5,3	23010		Mai	
36	1566	222234851	Trần Thị Mến	K63.KTVT3	6,5	23014		Mến	
37	1567	222234856	Nguyễn Phan Nhật Minh	K63.KTVT3	5,8	23010		Minh	

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_26BS0.102.2-1-1-22(N49) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:26

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	1568	222104655	Đỗ Thị Trà My	K63.KHAITHACVT3	7,8	23007		My	
39	1569	222134656	Đỗ Trà My	K63.KHAITHACVT3	10,0	23020		My	
40	1570	222104658	Đỗ Thanh Nam	K63.KHAITHACVT3	7,5	23010		Nam	
41	1571	222234860	Nguyễn Thành Nam	K63.KTVT3	5,3	23007		Nam	
42	1572	222104659	Lê Thị Nga	K63.KHAITHACVT3	6,8	23014		Nga	
43	1573	222234861	Lê Thị Ngân	K63.KTVT3	8,0	23020		Ngân	
44	1574	222234863	Nguyễn Thị Thu Ngân	K63.KTVT3	9,3	23007		Ngân	
45	1575	222134663	Nguyễn Minh Ngọc	K63.KHAITHACVT3	5,3	23010		Ngọc	
46	1576	222104664	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K63.KHAITHACVT3	1,0	23014		Ngọc	
47	1577	222234867	Nguyễn Thảo Nguyên	K63.KTVT3	4,8	23001		Nguyễn	
48	1578	222234870	Phùng Thị Nguyệt	K63.KTVT3	6,3	23007		Phùng	
49	1579	222134667	Đặng Yến Nhi	K63.KHAITHACVT3	5,3	23010		Nhi	
50	1580	222104668	Lê Thị Yến Nhi	K63.KHAITHACVT3	7,0	23014		Nhi	
51	1581	222234875	Phạm Thị Nhung	K63.KTVT3	7,8	23001		Nhung	
52	1582	222134671	Phạm Thị Tuyết Nhung	K63.KHAITHACVT3	9,5	23020		Nhung	
53	1583	222234876	Phạm Văn Phong	K63.KTVT3	4,3	23001		Phong	
54	1584	222104675	Hoàng Gia Phúc	K63.KHAITHACVT3	7,0	23014		Phúc	
55	1585	222134676	Nguyễn Kiêm Phương	K63.KHAITHACVT3	7,3	23010		Phương	
56	1586	222204882	Phạm Thu Phương	K63.KTVT3	3,0	23020		Phong	
57	1587	222234883	Văn Thị Hồng Phương	K63.KTVT3	5,0	23001		Phương	
58	1588	222134682	Nguyễn Anh Quân	K63.KHAITHACVT3	6,0	23014		Quân	
59	1589	222114679	Hoàng Minh Quang	K63.KHAITHACVT3	00,0				Vắng
60	1590	222134680	Lương Gia Việt Quang	K63.KHAITHACVT3	4,3	23010		Quang	
61	1591	222234887	Hà Thị Lâm Quỳnh	K63.KTVT3	8,8	23001		Quỳnh	
62	1592	222234891	Đỗ Thị Phương Tâm	K63.KTVT3	3,8	23020		Tâm	
63	1593	222234892	Phạm Thị Thanh Tâm	K63.KTVT3	5,0	23007		Tâm	
64	1594	222134686	Trần Thị Minh Tâm	K63.KHAITHACVT3	9,5	23014		Tâm	
65	1595	222234893	Nguyễn Quốc Thái	K63.KTVT3	9,0	23001		Thái	
66	1596	222234899	Trần Việt Thắng	K63.KTVT3	5,8	23020		Thắng	
67	1597	222104688	Hoàng Thị Yến Thanh	K63.KHAITHACVT3	6,5	23007		Thanh	
68	1598	222234894	Nguyễn Thị Hà Thanh	K63.KTVT3	1,3	23010		Thanh	
69	1599	222134690	Đoàn Tấn Thành	K63.KHAITHACVT3	9,5	23007		Thành	
70	1600	222104691	Lê Vương Thành	K63.KHAITHACVT3	3,0	23020		Thành	
71	1601	222134696	Mai Phương Thảo	K63.KHAITHACVT3	9,3	23001		Thảo	
72	1602	222104697	Nguyễn Phương Thảo	K63.KHAITHACVT3	6,0	23010		Thảo	
73	1603	222234907	Ninh Thị Thương	K63.KTVT3	4,5	23007		Thương	
74	1604	222134707	Phạm Thị Thúy	K63.KHAITHACVT3	3,5	23020		Thúy	
75	1605	222104706	Phạm Thị Ngọc Thúy	K63.KHAITHACVT3	7,0	23007		Thúy	
76	1606	222234908	Dương Minh Tiến	K63.KTVT3	9,0	23020		Tiến	
77	1607	222234909	Mai Nhân Tiến	K63.KTVT3	8,5	23007		Tiến	
78	1608	222134710	Nguyễn Văn Tiến	K63.KHAITHACVT3	8,5	23010		Tiến	
79	1609	222104719	Phùng Lê Ngọc Trâm	K63.KHAITHACVT3	4,8	23014		Trâm	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
80	1610	222134720	Vũ Phương Trinh	K63.KHAITHACVT3	9,0	23007		Trinh	
81	1611	222134728	Nghiêm Văn Tường	K63.KHAITHACVT3	7,8	230124		Tường	
82	1612	222204920	Nguyễn Thị Minh Tuyết	K63.KTVT3	8,0	23010		Tuyết	
83	1613	222214922	Nguyễn Thị Thủy Vân	K63.KTVT3	8,3	23014		Vân	
84	1614	222134730	Phạm Chu Hải Vân	K63.KHAITHACVT3	8,0	23020		Vân	
85	1615	222134733	Hà Văn Việt	K63.KHAITHACVT3	5,0	23001		Việt	
86	1616	222234923	Vàng Quốc Việt	K63.KTVT3	4,8	20314		Việt	
87	1617	222134735	Nguyễn Thị Xuân	K63.KHAITHACVT3	4,0	23010		Xuân	
88	1618	222134737	Lê Bình Yên	K63.KHAITHACVT3	3,8	23010		Yên	
89	1619	222234931	Phạm Hải Yên	K63.KTVT3	10,0	23007		Yên	

Tổng số bài thi : 87

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Hoàng Thuý Linh

Phí Thu Văn Anh

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_27BS0.102.2-1-1-22(N50) Thi tại : 302-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:27

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1620	223430309	Chu Văn An	K63.TCNH1	7,8	23010		An	
2	1621	223430310	Nguyễn Thị Thùy An	K63.TCNH1	7,3	23014		An	
3	1622	223430313	Nguyễn Thị Tuyết Anh	K63.TCNH1	5,3	23001		Anh	
4	1623	223430314	Nguyễn Tuấn Anh	K63.TCNH1	10,0	23002		Anh	
5	1624	222234749	Phạm Thị Phương Anh	K63.KTVT1	9,8	23007		Anh	
6	1625	223430315	Trần Thị Ngọc Anh	K63.TCNH1	5,8	23020		Anh	
7	1626	223430316	Vũ Nguyễn Hoàng Anh	K63.TCNH1	5,8	23019		Anh	
8	1627	223430317	Nguyễn Ngọc Ánh	K63.TCNH1	7,8	23010		Anh	
9	1628	222204758	Phạm Minh Ánh	K63.KTVT1	5,3	23017		Anh	
10	1629	222234759	Phạm Ngọc Ánh	K63.KTVT1	10,0	23020		Anh	
11	1630	222234761	Hoàng Gia Bảo	K63.KTVT1		23010		B	2,5 Nợ HP
12	1631	222234762	Phạm Gia Bảo	K63.KTVT1	5,8	23001		Bảo	
13	1632	223430318	Trần Văn Bình	K63.TCNH1	5,3	23014		Bình	
14	1633	223430319	Nguyễn Khánh Chi	K63.TCNH1	5,3	23020		Chi	
15	1634	223430320	Đặng Thị Chúc	K63.TCNH1	10,0	2307		Chúc	
16	1635	223430321	Mạc Liên Cường	K63.TCNH1	6,8	23010		Cường	
17	1636	223430324	Nguyễn Thùy Dương	K63.TCNH1	4,3	23001		Dương	
18	1637	223430322	Đỗ Thị Mỹ Duyên	K63.TCNH1	7,5	23014		Duyên	
19	1638	223430323	Phạm Thị Thu Duyên	K63.TCNH1	8,8	23010		Duyên	
20	1639	223430325	Lưu Ngọc Giang	K63.TCNH1	8,0	23007		Giang	
21	1640	223430326	Dương Ngân Hà	K63.TCNH1	9,8	23020		Hà	
22	1641	223430327	Nguyễn Duy Hà	K63.TCNH1	10,0	23001		Hà	
23	1642	223430328	Trần Hoàng Hà	K63.TCNH1	9,0	23007		Hà	
24	1643	223430329	Phạm Thị Phương Hoa	K63.TCNH1	6,0	23014		Hoa	
25	1644	223430330	Nguyễn Thị Hòa	K63.TCNH1	3,8	23010		Hòa	
26	1645	223430332	Nguyễn Thanh Hùng	K63.TCNH1	5,5	23010		Hùng	
27	1646	223430335	Nguyễn Thị Lan Hương	K63.TCNH1	9,0	23014		Hương	
28	1647	223430336	Phí Thị Thu Hương	K63.TCNH1	8,0	23001		Hương	
29	1648	223430333	Trần Nguyễn Gia Huy	K63.TCNH1	8,8	23007		Huy	
30	1649	223430334	Cần Thị Minh Huyền	K63.TCNH1	5,3	23020		Huyền	
31	1650	222234837	Nguyễn Quang Lân	K63.KTVT1	5,3	23020		Lân	
32	1651	223430337	Ngô Thị Thanh Liễu	K63.TCNH1	7,3	23014		Liễu	
33	1652	223430339	Dương Thị Hoài Linh	K63.TCNH1	7,3	20314		Linh	

Tổng số bài thi : 23

Tổng số tờ giấy thi : 54

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Phí Thị Văn Anh Hoàng Thuý Linh

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_28BS0.102.2-1-1-22(N50) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:28

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1653	223430340	Đỗ Khánh Linh	K63.TCNH1	9,5	23001	02	Linh	
2	1654	223430341	Mai Thùy Linh	K63.TCNH1	5,5	23007	02	Linh	
3	1655	223430343	Nguyễn Thị Linh	K63.TCNH1	7,5	23001	02	Linh	
4	1656	223430342	Nguyễn Thị Hải Linh	K63.TCNH1	8,8	23010	01	Linh	
5	1657	222234838	Nguyễn Thị Thu Linh	K63.KTVT2	0,5	23014	01	Linh	
6	1658	222234839	Nguyễn Thùy Linh	K63.KTVT3	5,0	23010	01	Linh	
7	1659	222204840	Thắm Hoa Linh	K63.KTVT2	8,5	23007	01	Thắm	
8	1660	223430344	Trần Thùy Linh	K63.TCNH1	7,8	23020	01	Linh	
9	1661	223430345	Vũ Diệu Linh	K63.TCNH1	00,0				Vắng
10	1662	222204841	Lê Thanh Loan	K63.KTVT2	7,8	23010	02	Loan	
11	1663	222234843	Nguyễn Đức Long	K63.KTVT3	5,3	23011	01	Long	
12	1664	222234844	Vũ Trọng Lực	K63.KTVT3	8,8	23014	01	Lực	
13	1665	222234845	Đặng Thị Cẩm Ly	K63.KTVT3	6,5	23007	02	Ly	
14	1666	222234846	Tường Thị Ngọc Ly	K63.KTVT3	7,3	23000	02	Ng H.	
15	1667	223430346	Bạch Huỳnh Mai	K63.TCNH1	00,0				Vắng
16	1668	223430347	Bùi Thị Mai	K63.TCNH1	5,5	23014	01	Mai	
17	1669	222204847	Đỗ Thị Phương Mai	K63.KTVT3	5,5	23020	02	Mai	
18	1670	222234848	Hoàng Thị Ngọc Mai	K63.KTVT1	4,8	23001	01	Mai	
19	1671	223430348	Lê Thị Mai	K63.TCNH1	8,8	23014	02	Mai	
20	1672	222234849	Phạm Thị Hoa Mai	K63.KTVT1	3,0	23007	01	Mai	
21	1673	223430349	Đỗ Thị Ngọc Mên	K63.TCNH1	8,3	23010	02	Mên	
22	1674	222204852	Bùi Tuấn Minh	K63.KTVT2	8,5	23001	01	Minh	
23	1675	223430350	Đỗ Quang Minh	K63.TCNH1	5,0	23007	02	Minh	
24	1676	223430351	Nguyễn Ngọc Diệu Minh	K63.TCNH1	5,0	23020	02	Minh	
25	1677	222234855	Nguyễn Nhật Minh	K63.KTVT2	2,5	23010	01	Minh	
26	1678	222234857	Nguyễn Tuấn Minh	K63.KTVT2		23001	01	Minh	2,5 Nợ HP
27	1679	223430352	Vũ Hà My	K63.TCNH1	00,0	23007	01	My	
28	1680	223430353	Vũ Thị Thúy Nga	K63.TCNH1	2,8	23014	02	Nga	
29	1681	223430355	Phạm Thu Ngân	K63.TCNH1	6,8	23007	01	Ngân	
30	1682	223430357	Phùng Viêt Hạnh Nguyên	K63.TCNH1	4,5	23010	01	Nguyên	
31	1683	223430359	Lê Thị Nhung	K63.TCNH1	5,0	23001	02	Nhung	
32	1684	223430360	Nguyễn Hồng Nhung	K63.TCNH1	4,0	23020	01	Nhung	
33	1685	223430361	Vũ Thị Ngọc Oanh	K63.TCNH1	9,8	23010	02	Oanh	
34	1686	223430362	Quyền Thế Phong	K63.TCNH1	2,5	23014	01	Phong	
35	1687	223430363	Lê Thanh Phương	K63.TCNH1	9,0	23007	01	Phương	
36	1688	223430364	Ngô Thị Quỳnh Phương	K63.TCNH1	7,8	23020	02	Phương	
37	1689	222030479	Nguyễn Thị Phương	K63.KETOAN1	9,0	23014	01	Phương	
38	1690	223430365	Nguyễn Huy Quang	K63.TCNH1	6,3	23001	01	Quang	
39	1691	223430366	Vũ Thị Quý	K63.TCNH1	3,8	23007	01	Quý	
40	1692	222030480	Nguyễn Thị Ngọc Quyền	K63.KETOAN1	8,8	23007	01	Quyền	
41	1693	223430367	Đào Diễm Quỳnh	K63.TCNH1	9,8	23001	01	Quỳnh	
42	1694	222000482	Hoàng Như Quỳnh	K63.KETOAN1	1,8	23014	01	Quỳnh	

Mã DST: BS0.102.2_16/03/2023_2_28BS0.102.2-1-22(N50) Thi tại : 403-A7

Ngày thi: 16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 28

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1695	222204888	Lê Thị Thúy Quỳnh	C K63.KTVT2	0,5	23020	01	Quỳnh	
44	1696	222030484	Hoàng Minh Tâm	C K63.KETOAN1	5,8	23014	01	Tâm	
45	1697	222030485	Vũ Thị Tâm	C K63.KETOAN1	1,8	23001	01	Tâm	
46	1698	223430368	Dương Thị Hồng Thắm	C K63.TCNH1	9,0	23001	02	Thắm	
47	1699	222030486	Nguyễn Hà Thanh	C K63.KETOAN1	10,0	23020	02	Thanh	
48	1700	222030489	Phan Thị Phương Thảo	C K63.KETOAN1	7,0	23010	01	Thảo	
49	1701	222000490	Phùng Phương Thảo	C K63.KETOAN1	8,3	23014	01	Thảo	
50	1702	223430369	Nguyễn Thị Thu	C K63.TCNH1	5,0	23020	01	Thu	
51	1703	223430370	Lê Thị Minh Thư	C K63.TCNH1	9,3	23007	01	Thư	
52	1704	223430371	Vũ Đình Tiến	C K63.TCNH1	3,8	23014	01	Tiến	
53	1705	223430372	Dương Thị Thu Trang	C K63.TCNH1	7,0	23001	01	Trang	
54	1706	223430373	Nguyễn Thu Trang	C K63.TCNH1	8,0	23007	01	Trang	
55	1707	223430374	Cao Thị Cẩm Tú	C K63.TCNH1	9,5	23010	01	Tú	
56	1708	223430375	Đào Quốc Tuấn	C K63.TCNH1	10,0	23020	02	Tuấn	
57	1709	223430376	Nguyễn Ngọc Tuấn	C K63.TCNH1	9,8	23001	01	Tuấn	
58	1710	223430377	Dương Văn Tùng	C K63.TCNH1	5,3	23010	02	Tùng	
59	1711	223430378	Phạm Thanh Tùng	C K63.TCNH1	6,8	23014	02	Tùng	
60	1712	223430379	Đặng Thị Ánh Tuyết	C K63.TCNH1	6,3	23010	02	Tuyết	
61	1713	223430382	Trần Ngọc Ước	C K63.TCNH1	8,8	23020	01	Ước	
62	1714	223430380	Hoàng Phương Uyên	C K63.TCNH1	6,5	23014	02	Uyên	
63	1715	223430381	Lê Thị Nhã Uyên	C K63.TCNH1	4,0	23020	01	Uyên	
64	1716	223430383	Võ Thị Thu Vân	C K63.TCNH1	8,3	23010	01	Vân	
65	1717	223430385	Doãn Khánh Vy	C K63.TCNH1	4,8	23010	01	Vy	

Tổng số bài thi : 63

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ Thị Hương

Phạm Thị Văn Anh

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_28BS0.102.2-1-1-22(N50) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:28

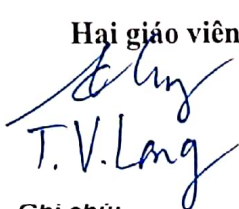
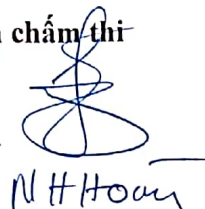
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1678	222234857	Nguyễn Tuấn Minh	K63.KTVT2	2,5				

Tổng số bài thi :

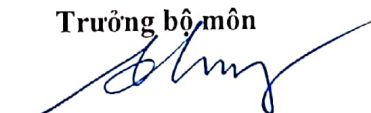
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi


T.V. Long

N.H. Hoang

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Tuấn Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_13/03/2023_2_29BS0.102.2-1-1-22(N51) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:13/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:29

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1718	221934132	Đỗ Hồng Anh ✓	K63.KTEXD2	5,5	18		Anh	
2	1719	221904131	Dương Quang Anh ✓	K63.KTEXD1	6,0	02		Quang	
3	1720	221904133	Hoàng Thị Vân Anh ✓	K63.KTEXD1	6,5	08		Anh	
4	1721	221934134	Nguyễn Huy Anh ✓	K63.KTEXD2	5,5	10		Huy	
5	1722	221934136	Nguyễn Thị Vân Anh ✓	K63.KTEXD1	6,0	18		Anh	
6	1723	221934137	Nguyễn Việt Anh ✓	K63.KTEXD2	1,3	08		Anh	
7	1724	221904139	Phạm Lan Anh ✓	K63.KTEXD1	7,5	02		Anh	
8	1725	221904138	Phan Thị Lan Anh ✓	K63.KTEXD2	5,0	08		Anh	
9	1726	221904140	Bùi Ngọc Ánh ✓	K63.KTEXD1	5,5	10		Anh	
10	1727	221934141	Nguyễn Ngọc Ánh ✓	K63.KTEXD2	8,8	15		Anh	
11	1728	221934142	Nguyễn Xuân Bách ✓	K63.KTEXD1	4,0	18		Bách	
12	1729	221934143	Hoàng Bảo Châu ✓	K63.KTEXD2	8,8	02		Châu	
13	1730	221934144	An Minh Chi ✓	K63.KTEXD2	4,8	08		Chi	
14	1731	221934145	Đỗ Đức Chuân ✓	K63.KTEXD2	6,5	08		Chuân	
15	1732	221904146	Đào Thị Mai Chúc ✓	K63.KTEXD1	8,0	10		Chúc	
16	1733	221934147	Lê Minh Cường ✓	K63.KTEXD1	00,0			Cường	Vắng
17	1734	221904148	Lê Văn Cường ✓	K63.KTEXD2	3,0	15		Cường	
18	1735	221934153	Lê Xuân Đạo ✓	K63.KTEXD2	9,0	15		Đạo	
19	1736	221904158	Lê Anh Đức ✓	K63.KTEXD2	8,3	19		Đức	
20	1737	221934159	Mai Văn Đức ✓	K63.KTEXD2	5,0	02		Đức	
21	1738	221934160	Phạm Minh Đức ✓	K63.KTEXD2	7,3	15		Đức	
22	1739	221934161	Trần Minh Đức ✓	K63.KTEXD2	00,0	08		Đức	
23	1740	221934162	Trịnh Phúc Đức ✓	K63.KTEXD2	4,0	15		Đức	
24	1741	221934149	Nguyễn Thùy Dung ✓	K63.KTEXD1	8,0			Dung	
25	1742	221934150	Phạm Tiến Dũng ✓	K63.KTEXD2	4,0	15		Dũng	
26	1743	221904151	Nguyễn Danh Khánh Duy ✓	K63.KTEXD1	9,8	18		Duy	
27	1744	221934164	Nguyễn Thị Hương Giang ✓	K63.KTEXD2	1,0	02		Giang	
28	1745	221934168	Đinh Hoàng Hải ✓	K63.KTEXD2	2,8	08		Hải	
29	1746	221904169	Lý Sáng Hềnh ✓	K63.KTEXD2	5,5	10		Hềnh	
30	1747	221934170	Lương Thị Hiền ✓	K63.KTEXD2	3,3	15		Hiền	
31	1748	221934173	Trần Văn Hiền ✓	K63.KTEXD1	1,0	02		Hiền	
32	1749	221934172	Nguyễn Mạnh Hiền ✓	K63.KTEXD2	5,5	18		Hiền	
33	1750	221934174	Lê Hoàng Hiệp ✓	K63.KTEXD1	5,5	02		Hiệp	
34	1751	221934176	Lại Ngọc Hiếu ✓	K63.KTEXD2	6,3	08		Hiếu	
35	1752	221904175	Lê Minh Hiếu ✓	K63.KTEXD2	1,8	10		Hiếu	
36	1753	221934177	Nguyễn Minh Hiếu ✓	K63.KTEXD1	4,8	15		Hiếu	
37	1754	221934178	Nguyễn Quang Hiếu ✓	K63.KTEXD1	0,5	18		Hiếu	
38	1755	221934179	Hà Huy Hiệu ✓	K63.KTEXD1	0,3	18		Hiệu	
39	1756	221934180	Nguyễn Thị Hoa ✓	K63.KTEXD2	8,8	02		Hoa	
40	1757	221934181	Bùi Nam Hoàng ✓	K63.KTEXD1	0,3	08		Hoàng	
41	1758	221904182	Lại Thế Hoàng ✓	K63.KTEXD1	2,3	10		Hoàng	
42	1759	221934183	Phạm Mạnh Hùng ✓	K63.KTEXD1	4,3	18		Hùng	

Ngày thi: 13/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 29

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1760	221934191	Hoàng Đình Hưng ✓	K63.KTEXD2	8,3	10		Hưng	
44	1761	221934192	Nguyễn Trung Hưng ✓	K63.KTEXD2	5,0	08		Hưng	
45	1762	221904193	Nghiêm Thu Hương ✓	K63.KTEXD1	7,6	02		Hương	
46	1763	221934194	Nguyễn Thị Thu Hường ✓	K63.KTEXD2	2,5	15		Hường	
47	1764	221904184	Đỗ Quốc Huy ✓	K63.KTEXD1	8,3	18		Huy	
48	1765	221934185	Nguyễn Mạnh Huy ✓	K63.KTEXD2	4,0	10		Huy	
49	1766	221934187	Triệu Quốc Huy ✓	K63.KTEXD1	4,5	02		Huy	
50	1767	V221910515	Vũ Quốc Huy ✓	K63.KTEXD1	00,0	08		Huy	
51	1768	221934188	Bùi Thị Thanh Huyền ✓	K63.KTEXD1	8,8	15		Huyền	
52	1769	221934189	Đỗ Thu Huyền ✓	K63.KTEXD1	8,0	18		Huyền	
53	1770	221934190	Nguyễn Thị Khánh Huyền ✓	K63.KTEXD1	1,5	15		Huyền	
54	1771	221934195	Lê Đức Khánh ✓	K63.KTEXD2	1,8	02		Khánh	
55	1772	221934196	Nguyễn Bảo Khánh ✓	K63.KTEXD2	0,3	08		Khánh	
56	1773	221934197	Nguyễn Văn Khánh ✓	K63.KTEXD1	00,0			Khánh	Vắng
57	1774	221934198	Tô Quốc Khánh ✓	K63.KTEXD1	3,8	10		Khánh	
58	1775	221934199	Lương Văn Khôi ✓	K63.KTEXD1	2,3	15		Khôi	
59	1776	221934200	Nguyễn Danh Kiên ✓	K63.KTEXD2	1,5	18		Kiên	
60	1777	221934202	Lê Trần Lam ✓	K63.KTEXD2	2,8	10		Lam	
61	1778	221904203	Nguyễn Thị Lê ✓	K63.KTEXD1	9,5	02		Lê	
62	1779	221934204	Bùi Thị Khánh Linh ✓	K63.KTEXD1	5,0	08		Linh	
63	1780	221904205	Hà Khánh Linh ✓	K63.KTEXD2	5,5	10		Linh	
64	1781	221934208	Nguyễn Thành Linh ✓	K63.KTEXD1	00,0	10		Linh	
65	1782	221934207	Nguyễn Thị Linh ✓	K63.KTEXD1	1,3	15		Linh	
66	1783	221934206	Nguyễn Thị Diệu Linh ✓	K63.KTEXD1	5,0	08		Linh	
67	1784	221934209	Trần Phương Linh ✓	K63.KTEXD1	2,3	02		Linh	
68	1785	221934210	Vũ Quang Linh ✓	K63.KTEXD2	9,8	18		Linh	
69	1786	221934211	Phạm Ngọc Minh Long ✓	K63.KTEXD2	2,0	08		Long	
70	1787	221934212	Phùng Ngọc Long ✓	K63.KTEXD1	0,3	02		Long	
71	1788	221934213	Dương Ngọc Mai ✓	K63.KTEXD1	6,0	18		Mai	
72	1789	221934214	Nguyễn Hoàng Minh ✓	K63.KTEXD1	2,5	15		Minh	
73	1790	221934215	Nguyễn Thị Kim Ngân ✓	K63.KTEXD2	5,0	10		Ngân	
74	1791	221934216	Trần Thị Ngọc ✓	K63.KTEXD1	5,0	08		Ngọc	
75	1792	221934217	Nguyễn Minh Nguyệt ✓	K63.KTEXD1	2,3	10		Nguyệt	
76	1793	221904218	Lưu Yến Nhi ✓	K63.KTEXD2	5,3	15		Nhi	
77	1794	221904219	Phạm Trần Tuyết Nhi ✓	K63.KTEXD2	9,8	18		Nhi	
78	1795	221934220	Đào Thị Trang Nhung ✓	K63.KTEXD2	3,5	02		Nhung	
79	1796	221934221	Mai Thị Tuyết Nhung ✓	K63.KTEXD2	1,5	08		Nhung	
80	1797	221904222	Vũ Thị Ninh ✓	K63.KTEXD1	9,5	10		Ninh	
81	1798	221934223	Trịnh Hoàng Phúc ✓	K63.KTEXD2	7,5	15		Phúc	
82	1799	221934224	Hoàng Thị Hoài Phương ✓	K63.KTEXD2	0,8	15		Phương	
83	1800	221934226	Đặng Minh Quân ✓	K63.KTEXD1	4,3	18		Quân	
84	1801	221904225	Nguyễn Đình Quang ✓	K63.KTEXD2	3,5	02		Quang	
85	1802	221904227	Trịnh Thị Diễm Quỳnh ✓	K63.KTEXD2	0,3	08		Quỳnh	
86	1803	221934228	Vũ Mai Như Quỳnh ✓	K63.KTEXD1	5,8	10		Quỳnh	
87	1804	221934229	Phạm Đức Sang ✓	K63.KTEXD2	3,5	15		Sang	
88	1805	221934230	Phí Thị Sinh ✓	K63.KTEXD2	5,8	18		Sinh	
89	1806	221934231	Đinh Vũ Minh Sơn ✓	K63.KTEXD2	1,3	02		Sơn	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
90	1807	221934232	Nguyễn Xuân Sơn ✓	K63.KTEXD1	00,0	08		Sơn	
91	1808	221934233	Trần Gia Sơn ✓	K63.KTEXD1	5,8	10		Sơn	
92	1809	221934234	Trần Lê Thế Sơn ✓	K63.KTEXD2	3,3	15		Sơn	
93	1810	221934235	Trần Tuấn Tài ✓	K63.KTEXD1	9,8	10		Tài	
94	1811	221934236	Nguyễn Bằng Tâm ✓	K63.KTEXD1	6,8	18		Tâm	
95	1812	221934242	Đặng Vũ Thắng ✓	K63.KTEXD1	0,8	02		Thắng	
96	1813	221934237	Trần Thị Hoài Thanh ✓	K63.KTEXD2	8,0	08		Thanh	
97	1814	221934238	Phạm Quang Thành ✓	K63.KTEXD1	1,0	10		Thành	
98	1815	221934239	Nguyễn Thị Thảo ✓	K63.KTEXD2	7,0	15		Thảo	
99	1816	221934240	Phạm Thị Phương Thảo ✓	K63.KTEXD2	5,0	18		Thảo	
100	1817	221904241	Vũ Phương Thảo ✓	K63.KTEXD1	1,5	02		Thảo	
101	1818	221934243	Võ Thị Thu Thảo ✓	K63.KTEXD2	8,0	02		Thảo	
102	1819	221934244	Vũ Văn Thuận ✓	K63.KTEXD2	4,0	18		Thuận	
103	1820	221904245	Nguyễn Thị Huyền Trang ✓	K63.KTEXD2	4,0	15		Trang	
104	1821	221934246	Lê Đình Trung ✓	K63.KTEXD1	3,0	10		Trung	
105	1822	221904247	Nguyễn Minh Trung ✓	K63.KTEXD2	6,5	08		Trung	
106	1823	221904248	Đinh Khắc Trường ✓	K63.KTEXD2	7,3	08		Trường	
107	1824	221934249	Nguyễn Thanh Trường ✓	K63.KTEXD2	4,0	10		Trường	
108	1825	221904250	Nguyễn Anh Tuấn ✓	K63.KTEXD2	2,0	15		Tuấn	
109	1826	221934251	Nguyễn Anh Tuấn ✓	K63.KTEXD1	4,8	18		Tuấn	
110	1827	221934252	Phan Mạnh Tuấn ✓	K63.KTEXD2	2,0	10		Tuấn	
111	1828	221934253	Nguyễn Thanh Tùng ✓	K63.KTEXD2	00,0	02		Tùng	
112	1829	221904254	Phạm Văn Tùng ✓	K63.KTEXD2	4,5	08		Tùng	
113	1830	221934255	Hoàng Hồng Văn ✓	K63.KTEXD1	2,3	15		Văn	
114	1831	221934256	Bùi Hữu Việt ✓	K63.KTEXD1	5,3	18		Việt	
115	1832	221934257	Hồ Đức Việt ✓	K63.KTEXD1	6,3	02		Việt	
116	1833	221934258	Nguyễn Khánh Vinh	K63.KTEXD2				Vinh	Vinh HP
117	1834	221934259	Nguyễn Trần Quang Vinh ✓	K63.KTEXD1	3,8	18		Vinh	
118	1835	221934260	Hoàng Thế Vinh ✓	K63.KTEXD2	9,5	02		Vinh	
119	1836	221934261	Lưu Quang Trần Vũ ✓	K63.KTEXD2	4,8	08		Vũ	
120	1837	221934262	Lê Thị Thúy Vy ✓	K63.KTEXD1	5,8	10		Vy	
121	1838	221934263	Trần Thảo Vy ✓	K63.KTEXD1	6,3	15		Vy	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Bùi Hoàng
NM Hùng

PGS.TS. Trần Văn Lung

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST: BS0.102.2_16/03/2023_2_30BS0.102.2-1-1-22(N52) Thi tại : 305-A5

Ngày thi: 16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 30

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1839	221830001	Bùi Ngô Quỳnh Anh	K63.KTE 1	7.0	23007	01	Anh	
2	1840	221830002	Lê Doãn Tuấn Anh	K63.KTE 1	2.8	23010	01	Anh	
3	1841	221830003	Nguyễn Thị Hồng Anh	K63.KTE 1	2.3	23014	01	Anh	
4	1842	221830004	Nguyễn Thị Mai Anh	K63.KTE 2	8.5	23001	01	Anh	
5	1843	221830005	Nguyễn Thị Phương Anh	K63.KTE 1	4.8	23001	01	Anh	
6	1844	221830006	Trịnh Tuấn Anh	K63.KTE 2	5.0	23014	01	Anh	
7	1845	221800007	Hứa Thị Minh Ánh	K63.KTE 1	8.0	23010	01	Anh	
8	1846	221830008	Ngô Thế Bình	K63.KTE 1	6.0	23020	01	Bình	
9	1847	221830009	Lê Thị Linh Chi	K63.KTE 2	8.5	2307	02	Chi	
10	1848	221830010	Bùi Minh Chiến	K63.KTE 1	3.8	23007	01	Chiến	
11	1849	221830011	Đỗ Minh Chính	K63.KTE 1	5.0	23001	01	Chính	
12	1850	221830012	Trần Văn Cường	K63.KTE 2	4.8	23014	02	Cường	
13	1851	221830013	Nguyễn Thị Diễm	K63.KTE 1	8.5	23010	02	Diễm	
14	1852	221830016	Nguyễn Ngọc Đức	K63.KTE 2	6.0	23020	01	Đức	
15	1853	221830015	Trần Đức Dương	K63.KTE 2	3.3	23001	01	Dương	
16	1854	221830014	Nguyễn Đức Duy	K63.KTE 2	8.0	23010	02	Duy	
17	1855	221800017	Ngô Hồng Hải	K63.KTE 1	8.0	23014	02	Hải	
18	1856	221830022	Bùi Ngọc Hân	K63.KTE 2	8.0	23010	01	Hân	
19	1857	221830021	Đoàn Thị Thanh Hằng	K63.KTE 2	6.0	23020	01	Hằng	
20	1858	221830019	Lại Thị Hạnh	K63.KTE 1	7.8	23001	01	Hạnh	
21	1859	221830018	Lê Thị Hồng Hạnh	K63.KTE 1	5.0	23007	01	Hạnh	
22	1860	221830020	Nguyễn Hồng Hạnh	K63.KTE 1	9.0	23001	02	Hạnh	
23	1861	221830023	Kiều Văn Hiên	K63.KTE 1	8.8	23020	02	Hiên	
24	1862	221830024	Hoàng Chí Hiếu	K63.KTE 1	4.5	23014	01	Hiếu	
25	1863	221830025	Nguyễn Đức Hiếu	K63.KTE 1	4.0	23007	01	Hiếu	
26	1864	221830026	Nguyễn Văn Hiếu	K63.KTE 2	2.0	23010	01	Hiếu	
27	1865	221830027	Trần Việt Hoàng	K63.KTE 2	3.3	23007	02	Hoàng	
28	1866	221830028	Phạm Thị Huệ	K63.KTE 2	2.8	23014	01	Huệ	
29	1867	221830038	Ngô Quốc Hưng	K63.KTE 2	7.5	23020	02	Hưng	
30	1868	221830029	Nguyễn Gia Huy	K63.KTE 2	1.8	23001	01	Huy	
31	1869	221830030	Nguyễn Quốc Huy	K63.KTE 1	9.5	23010	02	Huy	
32	1870	221800031	Phạm Quang Huy	K63.KTE 2	6.5	23020	01	Huy	
33	1871	221830032	Phạm Quang Huy	K63.KTE 1	7.5	23007	01	Huy	
34	1872	221830033	Phạm Quốc Huy	K63.KTE 1	2.8	23014	01	Huy	
35	1873	221830034	Đào Thị Huyền	K63.KTE 2	7.5	23014	01	Huyền	
36	1874	221830035	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	K63.KTE 2	6.8	23010	02	Huyền	
37	1875	221830036	Nguyễn Thị Thanh Huyền	K63.KTE 1	7.0	23001	02	Huyền	
38	1876	221830037	Vũ Thị Minh Huyền	K63.KTE 1	5.5	23020	01	Huyền	
39	1877	221830039	Phan Trọng Khánh	K63.KTE 2	4.0	23001	02	Khánh	
40	1878	221830040	Nguyễn Văn Kiên	K63.KTE 1	7.0	23014	02	Kiên	
41	1879	221800041	Nông Đức Kiên	K63.KTE 2	3.5	23001	01	Kiên	
42	1880	221830042	Từ Cảnh Kỳ	K63.KTE 2	00.0				

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_30BS0.102.2-1-1-22(N52) Thi tại : 305-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:30

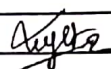
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1881	221830043	Nguyễn Phúc Lâm	K63.KTE 2	5.0	23020	02	Lâm	
44	1882	221830044	Nguyễn Thu Lê	K63.KTE 2	6.0	23007	01	Lê	
45	1883	221800045	Bùi Phương Linh	K63.CNTTVA2(QT)	4.0	23004	02	Ph	Nợ HP
46	1884	221830046	Lê Thị Linh	K63.KTE 2	9.3	23001	01	Linh	
47	1885	221830047	Nguyễn Thị Thùy Linh	K63.KTE 1	6.3	23001	02	Linh	
48	1886	221830048	Phan Thị Thuỳ Linh	K63.KTE 1	8.0	23014	01	Đinh	
49	1887	221830049	Trần Thùy Linh	K63.KTE 1	3.8	23020	01	Lect	
50	1888	221830051	Vũ Thị Linh	K63.KTE 1	9.5	23010	01	Linh	
51	1889	221830050	Vũ Thị Diệu Linh	K63.KTE 2	8.0	23007	02	Linh	
52	1890	221830052	Nguyễn Thị Kim Loan	K63.KTE 1	8.3	23007	02	Loan	
53	1891	221830053	Nguyễn Thành Lộc	K63.KTE 1	6.8	23020	01	Lộc	
54	1892	221830054	Dương Khánh Ly	K63.KTE 2	6.8	23001	02	Ly	
55	1893	221830055	Lưu Thị Ly	K63.KTE 2	9.3	23010	02	Ly	
56	1894	221830056	Phan Thị Hương Ly	K63.KTE 2	7.0	23014	02	Ly	
57	1895	221830057	Vũ Hương Ly	K63.KTE 2	8.0	23007	01	Ly	
58	1896	221830058	Đinh Thị Thu Mai	K63.KTE 1	2.5	23020	01	Mai	
59	1897	221800059	Lê Thị Mai	K63.KTE 1	8.0	23007	02	Mai	
60	1898	221830060	Nguyễn Thị Mai	K63.KTE 1	6.0	23014	02	Mai	
61	1899	221830061	Trần Thị Sao Mai	K63.KTE 1	9.3	23010	01	Mai	
62	1900	221830062	Trần Thị Thanh Mai	K63.KTE 1	7.0	23010	02	Mai	
63	1901	221800063	Phan Tiến Mạnh	K63.KTE 2	6.5	23010	02	Mạnh	
64	1902	221830064	Nguyễn Nhật Minh	K63.KTE 1	1.5	23014	01	Minh	
65	1903	221830065	Nguyễn Thị Na	K63.KTE 2	6.0	23020	02	Na	
66	1904	221830067	Đặng Thị Nga	K63.KTE 2	6.5	23007	02	Nga	
67	1905	221830066	Đào Thúy Nga	K63.KTE 2	6.8	23010	02	Nga	
68	1906	221830068	Nguyễn Phương Nga	K63.KTE 2	5.0	23010	01	Ph	
69	1907	221830069	Đỗ Thị Kim Ngân	K63.KTE 1	6.3	23014	02	Ngân	
70	1908	221830070	Trần Thị Kim Ngân	K63.KTE 1	0.5	23001	02	Ngân	
71	1909	221830071	✗ Lê Thị Bé Ngọc ✗	K63.KTE 2	2.3	23020	01	Ngoc	
72	1910	221830072	Phạm Mai Ngọc	K63.KTE 2	2.8	23014	01	Ngoc	
73	1911	221830073	Nguyễn Quý Nhân	K63.KTE 1	6.3	23001	02	Nhân	
74	1912	221830074	Đào Thị Yến Nhi	K63.KTE 2	3.3	23020	02	Nhi	
75	1913	221830075	Ý Nhi	K63.KTE 2	3.8	23001	01	Nhi	
76	1914	221830076	Đinh Thị Kim Oanh	K63.KTE 2	9.3	23007	02	Oanh	
77	1915	221830077	Nguyễn Thanh Phương	K63.KTE 2	4.3	23020	01	Phu	
78	1916	221830078	Nguyễn Thu Phương	K63.KTE 1	6.3	23014	02	Phuong	
79	1917	221830079	Nguyễn Việt Quang	K63.KTE 1	7.0	23014	02	Quang	
80	1918	221830080	Trịnh Hồng Quỳn	K63.KTE 1	7.5	23010	01	Quyn	
81	1919	221830081	Bùi Thị Như Quỳnh	K63.KTE 1	4.3	23020	01	Quynh	
82	1920	221800082	Đặng Thị Thúy Quỳnh	K63.KTE 1	10.0	23001	02	Quynh	
83	1921	221830083	Nguyễn Triệu Quỳnh	K63.KTE 1	4.3	23007	01	Quynh	
84	1922	221830084	Nguyễn Thị Kim Sơn	K63.KTE 2	3.5	23007	01	Son	
85	1923	221830085	Nguyễn Duy Tân	K63.KTE 1	4.0	23020	01	Tan	
86	1924	221830092	Hoàng Minh Tiến	K63.KTE 2	3.8	23010	02	Tien	
87	1925	221830099	Trần Anh Tú	K63.KTE 2	1.3	23020	01	Tu	
88	1926	221830100	Nguyễn Thanh Tùng	K63.KTE 2	8.3	23010	02	Tung	
89	1927	221830101	Phạm Thanh Tùng	K63.KTE 2	2.0	23007	01	Tung	

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:30

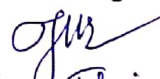
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
90	1928	221830102	Đào Ánh Tuyết	K63.KTE 2	5.5	23014	01		

Tổng số bài thi : 89

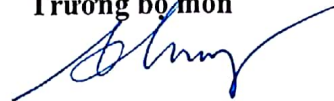
Tổng số tờ giấy thi : 126

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi


Đặng Thị Mai
Vũ Thị Hương

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Nguyễn Thị Minh Hiền**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_31BS0.102.2-1-1-22(N52) Thi tại : 302-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:31

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1929	221830086 ✓	Nguyễn Phương Thảo	K63.KTE 2	6.8	23007		Thảo	
2	1930	221830087 ✓	Trần Thị Phương Thảo	K63.KTE 1	5.0	23014		Thảo	
3	1931	221800088 ✓	Phạm Văn Thiện	K63.KTE 2	2.3	23010		Thiện	
4	1932	221800089 ✓	Lê Thị Thoa	K63.KTE 1	7.8	23010		Thoa	
5	1933	221830091 ✓	Bàn Thị Minh Thư	K63.KTE 1	8.0	23007		Thư	
6	1934	221830090 ✓	Bùi Quang Thuận	K63.KTE 1	4.5	23020		Thuận	
7	1935	221800093 ✓	Nguyễn Thị Kiều Trang	K63.KTE 2	4.8	23001		Trang	
8	1936	221800094 ✓	Nguyễn Thị Thu Trang	K63.KTE 1	8.8	23014		Trang	
9	1937	221830095 ✓	Vũ Hà Trang	K63.KTE 1	9.3	23010		Trang	
10	1938	221830096 ✓	Nguyễn Thị Phương Trinh	K63.KTE 1	7.0	2307		Trinh	
11	1939	221830097 ✓	Vũ Văn Trọng	K63.KTE 2	4.5	23001		Trọng	
12	1940	221830098 ✓	Nguyễn Việt Trung	K63.KTE 2	3.3	23020		Trung	
13	1941	221830103 ✓	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	K63.KTE 1	7.0	23007		Tuyết	
14	1942	221830104 ✓	Bùi Thị Thảo Vân	K63.KTE 2	6.0	23014		Vân	
15	1943	221830105 ✓	Vũ Thị Hà Vi	K63.KTE 1	1.0	23001		Vi	
16	1944	221830106 ✓	Nguyễn Quốc Việt	K63.KTE 1	7.0	23020		Việt	
17	1945	221830107 ✓	Tăng Hoàng Việt	K63.KTE 2	4.3	23001		Việt	
18	1946	221830108 ✓	Hoàng Hiền Vinh	K63.KTE 1	2.3	23010		Vinh	
19	1947	221830109 ✓	Nguyễn Quang Vinh	K63.KTE 1	5.3	23014		Vinh	
20	1948	221830110 ✓	Mai Thị Hà Vy	K63.KTE 2	8.8	23007		Vy	
21	1949	221830111 ✓	Nguyễn Hà Vy	K63.KTE 1	10.0	23020		Vy	
22	1950	221830112 ✓	Nguyễn Thị Thanh Xuân	K63.KTE 2	8.8	23001		Xuân	
23	1951	221830113 ✓	Lê Thị Yến	K63.KTE 2	5.8	23014		Yến	
24	1952	221830114 ✓	Nguyễn Thị Hải Yến	K63.KTE 2	7.5	23010		Yến	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

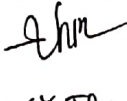
Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

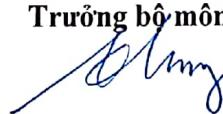
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Hoàng Thuý Linh


Vũ Thị Hương


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_16/03/2023_2_30BS0.102.2-1-1-22(N52) Thi tại : 305-A5

Ngày thi:16/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:30

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
45	1883	221800045	Bùi Phương Linh	K63 CNTTVA2(QT)	40				HP 18/11

Tổng số bài thi :

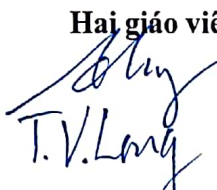
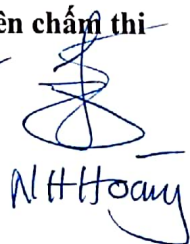
Tổng số tờ giấy thi :

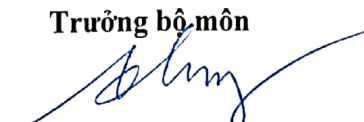
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


T.V. Long

N.H. Hoàng


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_32BS0.102.2-1-1-22(N53) Thi tại : 504-A2

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:32

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1953	223211227	Trần Đức An	C K63.LOGIQLCU2	2,5	23013		An	
2	1954	223231228	Lê Hà Anh	C K63.LOGIQLCU2	6,8	23013		Anh	
3	1955	223231229	Lê Thị Phương Anh	C K63.LOGIQLCU2	9,8	23013		Anh	
4	1956	223231230	Nguyễn Tuấn Anh	C K63.LOGIQLCU1	4,3	23009		Anh	
5	1957	223231231	Phạm Thị Kiều Anh	C K63.LOGIQLCU2	10,0	23001		Anh	
6	1958	223211232	Phạm Tuấn Anh	C K63.LOGIQLCU2	3,5	23009		Anh	
7	1959	223231233	Trần Thế Anh	C K63.LOGIQLCU2	2,0	23014		Anh	
8	1960	223231234	Nguyễn Thị Ngọc Bích	C K63.LOGIQLCU1	8,8	23017		Bích	
9	1961	223231235	Hoàng Thanh Bình	C K63.LOGIQLCU2	9,8	23017		Bình	
10	1962	223221245	Nguyễn Tiến Đạt	C K63.LOGIQLCU2	6,0	23001		Dat	
11	1963	223231236	Nông Thị Bích Diệu	C K63.LOGIQLCU1	9,8	23013		Diu	
12	1964	223231237	Trần Minh Doanh	C K63.LOGIQLCU2	7,8	23009		Doanh	
13	1965	223231246	Trần Hữu Hoàng Đông	C K63.LOGIQLCU1	8,0	23014		Đông	
14	1966	223231247	Hồ Thành Đức	C K63.LOGIQLCU2	8,0	23001		Đức	
15	1967	223231248	Trương Minh Đức	C K63.LOGIQLCU1	5,5	23014		Đức	
16	1968	223231238	Phạm Thị Dung	C K63.LOGIQLCU2	9,0	23013		Dung	
17	1969	223231243	Lê Hải Dương	C K63.LOGIQLCU2	10,0	23017		Dương	
18	1970	882291009	Lục Đình Dương	C K63.LOGIQLCU1	6,0	23014		Dương	
19	1971	223231244	Trần Thị Thùy Dương	C K63.LOGIQLCU1	9,3	23031		Dương	
20	1972	223231239	Đào Đức Duy	C K63.LOGIQLCU1	7,8	23013		Duy	
21	1973	223231240	Đoàn Mạnh Duy	C K63.LOGIQLCU2	7,5	23009		Duy	
22	1974	223221241	Nguyễn Khánh Duy	C K63.LOGIQLCU1	10,0	23001		Duy	
23	1975	223231242	Trần Sách Duy	C K63.LOGIQLCU1	9,3	23014		Duy	
24	1976	223211249	Khuất Hương Giang	C K63.LOGIQLCU1	7,8	23014		Giang	
25	1977	223231250	Lê Thị Hương Giang	C K63.LOGIQLCU2	8,8	23009		Giang	
26	1978	223231251	Nguyễn Thị Hương Giang	C K63.LOGIQLCU2	9,5	23014		Giang	
27	1979	223231252	Lê Thị Thu Hà	C K63.LOGIQLCU1	8,3	23014		Hà	
28	1980	223231253	Hồ Thị Thanh Hải	C K63.LOGIQLCU2	7,5	23017		Hải	
29	1981	223231254	Hồ Vĩnh Hải	C K63.LOGIQLCU2	8,3	23009		Hải?	
30	1982	223221255	Nguyễn Quang Hải	C K63.LOGIQLCU2	7,3	23001		Hải	
31	1983	223231256	Nguyễn Trần Hoàng Hải	C K63.LOGIQLCU2	3,0	23013		Hải	
32	1984	223231258	Phạm Ngọc Hân	C K63.LOGIQLCU1	5,0	23009		Hân	

Mã DST: BS0.102.2_15/03/2023_3_32BS0.102.2-1-1-22(N53) Thi tại : 504-A2

Ngày thi: 15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 32

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	1985	223231259	Đỗ Quang Hiếu	K63.LOGIQLCU2	9,0	23013		Hiếu	
34	1986	223211260	Lê Thị Phương Hoa	K63.LOGIQLCU2	10,0	23017		Hoa	
35	1987	223231261	Vũ Thị Hoa	K63.LOGIQLCU2	8,5	23001		H	
36	1988	223231262	Phạm Thị Hoài	K63.LOGIQLCU1	5,0	23019		Hoài	
37	1989	223231263	Nguyễn Huy Hoàng	K63.LOGIQLCU1	9,5	23001		Hoàng	
38	1990	223221264	Trần Đình Hoàng	K63.LOGIQLCU1	2,0	23009		Hoàng	
39	1991	223231265	Nguyễn Thị Hồng	K63.LOGIQLCU1	9,3	23017		Hồng	

Tổng số bài thi : 39

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M.P. Binh

N.H. Hoang

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_33BS0.102.2-1-1-22(N53) Thi tại : 505-A2

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:33

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1992	223231266	✓ Đặng Kim Huệ	K63.LOGIQLCU2	9,3	23017		Huệ	
2	1993	223231267	✓ Lê Nguyên Hùng	K63.LOGIQLCU2	8,8	23013		Hùng	
3	1994	223231268	✓ Nguyễn Văn Hùng	K63.LOGIQLCU1	10,0	23001		Hùng	
4	1995	223231275	✓ Nguyễn Thúy Hường	K63.LOGIQLCU2	6,0	23014		Hường	
5	1996	223231269	✓ Nguyễn Gia Huy	K63.LOGIQLCU2	7,5	23069		Huy	
6	1997	223231270	✓ Nguyễn Quang Huy	K63.LOGIQLCU2	7,0	23001		Huy	
7	1998	223231271	✓ Nguyễn Quang Huy	K63.LOGIQLCU1	9,8	23017		Huy	
8	1999	223231272	✓ Trần Quang Huy	K63.LOGIQLCU2	7,0	23014		Huy	
9	2000	223231273	✓ Đặng Thị Huyền	K63.LOGIQLCU1	9,8	23013		Huyền	
10	2001	223231274	✓ Nguyễn Thị Huyền	K63.LOGIQLCU1	9,5	23001		Huyền	
11	2002	223231276	✓ Nguyễn Hữu Kiên	K63.LOGIQLCU2	8,5	23013		Kiên	
12	2003	223231277	✓ Hoàng Võ Tuấn Kiệt	K63.LOGIQLCU2	4,5	23009		Kiệt	
13	2004	223231278	✓ Nguyễn Thị Hương Lan	K63.LOGIQLCU2	5,8	23014		Lan	
14	2005	223231279	✓ Phạm Thị Lê	K63.LOGIQLCU2	8,0	23009		Lê	
15	2006	223231280	✓ Lương Vũ Nhu Liêm	K63.LOGIQLCU1	10,0	23017		Liêm	
16	2007	223231281	✓ Lê Phan Thuỳ Linh	K63.LOGIQLCU1	9,8	23013		Linh	
17	2008	223231282	✓ Phạm Thế Linh	K63.LOGIQLCU2	5,3	23001		Linh	
18	2009	223231283	✓ Vũ Ngọc Linh	K63.LOGIQLCU1	9,5	23009		Linh	
19	2010	882291007	✓ Trương Đình Lộc	K63.LOGIQLCU1	4,8	23013		Lộc	
20	2011	223231284	✓ Nguyễn Thế Long	K63.LOGIQLCU1	6,8	23001		Long	
21	2012	223231285	✓ Trần Thị Lua	K63.LOGIQLCU1	5,3	23009		Lua	
22	2013	223231286	✓ Nguyễn Đăng Mạnh	K63.LOGIQLCU2	8,5	23013		Mạnh	
23	2014	223231287	✓ Vũ Thị Mây	K63.LOGIQLCU2	8,3	23001		Mây	
24	2015	223231288	✓ Ngô Thị Mến	K63.LOGIQLCU1	9,3	23009		Mến	
25	2016	223231289	✓ Đặng Hải Minh	K63.LOGIQLCU2	4,0	23014		Minh	
26	2017	223231290	✓ Tô Hoàng Quý Minh	K63.LOGIQLCU1	8,0	23017		Minh	
27	2018	223231291	✓ Trần Tuấn Minh	K63.LOGIQLCU1	6,0	23013		Minh	
28	2019	223231292	✓ Trần Thị Mơ	K63.LOGIQLCU2	10,0	23014		Mơ	
29	2020	223211293	✓ Nguyễn Lê Hà My	K63.LÖGIQLCU2	8,5	23017		My	
30	2021	223231294	✓ Phùng Sơn Nam	K63.LOGIQLCU1	8,0	23013		Nam	
31	2022	223231295	✓ Hoàng Thủy Ngân	K63.LOGIQLCU2	9,3	23001		Ngân	
32	2023	223231296	✓ Vũ Thị Hoàng Ngân	K63.LOGIQLCU2	7,3	23009		Ngân	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	2024	223231297	✓ Nguyễn Thị Ngọc	K63.LOGIQLCU1	9,5	23014		Ngọc	
34	2025	223231298	✓ Tô Viết Ngọc	K63.LOGIQLCU1	7,8	23014		Ngọc	
35	2026	223231300	✓ Lê Thị Hồng Nhật	K63.LOGIQLCU2	8,3	23017		Thị Nhật	
36	2027	223231301	✓ Hoàng Thị Yến Nhi	K63.LOGIQLCU1	8,8	23014		Nhi	
37	2028	223231302	✓ Lương Thị Nhung	K63.LOGIQLCU1	4,8	23017		Nhung	
38	2029	223231303	✓ Hoàng Thị Ninh	K63.LOGIQLCU2	8,8	23014		Ninh	
39	2030	223231304	✓ Lương Kim Oanh	K63.LOGIQLCU2	6,5	23017		Oanh	

Tổng số bài thi : 39

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

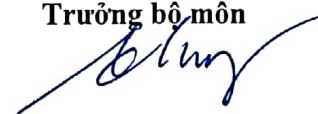
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


 N.H. Hoàng


 M.P. Bình


 PGS.TS. Trần Văn Long


 Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_15/03/2023_3_34BS0.102.2-1-1-22(N53) Thi tại : 705-A2

Ngày thi:15/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:34

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	2031	223231305	Nguyễn Kiều Oanh	K63.LOGIQLCU2	8.0	23013	02	Oanh	
2	2032	223231307	Nguyễn Thị Hồng Phong	K63.LOGIQLCU2	9.3	23017	02	Phong	
3	2033	223211308	Đào Đức Phúc	K63.LOGIQLCU1	3.5	23014	02	Phúc	
4	2034	882291008	Trương Đình Phúc	K63.LOGIQLCU1	1.0	17	61		
5	2035	223211309	Nguyễn Thị Hoài Phương	K63.LOGIQLCU2	5.5	23001	01	Phương	
6	2036	223231310	Phạm Thị Phương	K63.LOGIQLCU2	8.0	23009	02	Phương	
7	2037	223211311	Vũ Thị Thủy Phương	K63.LOGIQLCU1	7.0	23001	01	Thủy	
8	2038	223231312	Hoàng Khổng Minh Quân	K63.LOGIQLCU2	2.8	23009	01	Quân	
9	2039	223231313	Lê Mạnh Quân	K63.LOGIQLCU2	4.0	23013	01	Quân	
10	2040	223231314	Nguyễn Minh Quân	K63.LOGIQLCU1	4.8	23017	01	Quân	
11	2041	223231315	Trương Anh Quân	K63.LOGIQLCU2	9.5	23013	01	Quân	
12	2042	223231316	Nhữ Thị Quyên	K63.LOGIQLCU1	9.3	23017	02	Quyên	
13	2043	223231317	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K63.LOGIQLCU2	7.0	23019	01	Quỳnh	
14	2044	223231318	Trần Thị Sáu	K63.LOGIQLCU1	10.0	23013	02	Sáu	
15	2045	223231319	Lê Thị Thanh	K63.LOGIQLCU1	8.3	23009	01	Thanh	
16	2046	223231320	Nguyễn Chí Thanh	K63.LOGIQLCU1	3.5	23014	02	Thanh	
17	2047	223231321	Nguyễn Tất Thành	K63.LOGIQLCU2	6.0	23013	02	Thành	
18	2048	223231323	Phạm Hữu Thành	K63.LOGIQLCU1	7.5	23009	01	Thành	
19	2049	223231322	Phan Công Thành	K63.LOGIQLCU1	9.3	23001	01	Thành	
20	2050	223231324	Bùi Phương Thảo	K63.LOGIQLCU2	7.8	23001	2	Thảo	
21	2051	223231325	Bùi Thanh Thảo	K63.LOGIQLCU1	00.0	23014	02	Thảo	
22	2052	223211326	Nguyễn Phương Thảo	K63.LOGIQLCU1	8.8	23017	02	Thảo	
23	2053	223231327	Nguyễn Hữu Thấu	K63.LOGIQLCU2	7.0	23013	01	Thấu	
24	2054	223231328	Đỗ Đức Thuận	K63.LOGIQLCU1	0.5	23001	01	Thuận	
25	2055	223231330	Hoàng Thị Thương	K63.LOGIQLCU2	7.5	23017	01	Thương	
26	2056	223231331	Phạm Thị Mai Thương	K63.LOGIQLCU1	7.0	23009	01	Thương	
27	2057	223231329	Phạm Thị Thanh Thủy	K63.LOGIQLCU1	9.8	23009	2	Thủy	
28	2058	223231332	Nguyễn Hương Trà	K63.LOGIQLCU1	10.0	23013	1	Trà	
29	2059	223231333	Vũ Thị Huyền Trang	K63.LOGIQLCU2	8.0	23001	02	Trang	
30	2060	223231334	Thạch Quang Triều	K63.LOGIQLCU2	5.3	23017	01	Triều	
31	2061	223231335	Phạm Thị Việt Trinh	K63.LOGIQLCU1	7.5	23014	02	Trinh	
32	2062	223231336	Nguyễn Sơn Trường	K63.LOGIQLCU1	6.3	23014	02	Trường	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	2063	223231337	Đoàn Anh Tú	K63.LOGIQLCU2	5.8	23014	02	Bú	
34	2064	223231338	Phan Thanh Tùng	K63.LOGIQLCU1	4.8	23014	2	Đun	
35	2065	223231339	Đỗ Ngọc Uyên	K63.LOGIQLCU1					Nợ HP
36	2066	223231341	Phạm Thị Hồng Vân	K63.LOGIQLCU1	9.5	23009	02	Vân	
37	2067	223221340	Nguyễn Quốc Văn	K63.LOGIQLCU1	5.0	73013	02	Vân	
38	2068	223231342	Nguyễn Phan Tường Vi	K63.LOGIQLCU2	9.3	23001	02	Vi	
39	2069	223231343	Trịnh Công Vinh	K63.LOGIQLCU1	4.0	23009	01	Vinh	
40	2070	223231344	Nguyễn Hà Vy	K63.LOGIQLCU1	7.5	23014	02	Vy	

Tổng số bài thi : ~~40 bài~~ 39 bài

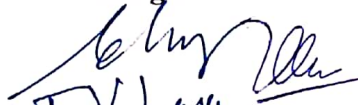
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


T.V. Long


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_13/03/2023_2_35BS0.102.2-1-1-22(N54) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:13/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:35

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	2071	222704317 ✓	Đặng Hoàng Trung Anh	K63.QLXD	1.3	23 002		Anh	
2	2072	222734315 ✓	Đỗ Thị Diệu Anh	K63.QLXD	3.8	23018		Anh	
3	2073	222704316 ✓	Đỗ Vũ Hoàng Anh	K63.QLXD	2.0	23015		Anh	
4	2074	222734318 ✓	Nguyễn Đức Anh	K63.QLXD	7.5	23010		Anh	
5	2075	222704319 ✓	Nguyễn Việt Anh	K63.QLXD	4.0	23008		Anh	
6	2076	222704320 ✓	Trần Vũ Văn Anh	K63.QLXD	7.0	23 010		Anh	
7	2077	222734322 ✓	Nguyễn Thái Bình	K63.QLXD	2.3	23016		Bình	
8	2078	222734323 ✓	Vũ Thị Kim Chi	K63.QLXD	6.0	23018		Chi	
9	2079	222734324 ✓	Dương Khánh Cường	K63.QLXD	4.8	23008		Cường	
10	2080	222734325	Nguyễn Mạnh Cường	K63.QLXD	\				
11	2081	222734334 ✓	Phan Trí Tuấn Đăng	K63.QLXD	4.3	23002		Đăng	
12	2082	222734333 ✓	Nguyễn Tiến Đạt	K63.QLXD	4.5	23018		Dat	
13	2083	222734326 ✓	Nguyễn Thủy Diệu	K63.QLXD	5.8	23018		Diệu	
14	2084	222734335 ✓	Đinh Thành Đông	K63.QLXD	0.8	23008		Đông	(ko mang thẻ sv)
15	2085	222734336 ✓	Hoàng Văn Đức	K63.QLXD	7.5	23015		Đức	
16	2086	222734337 ✓	Lê Minh Đức	K63.QLXD	7.0	23018		Đức	
17	2087	222734338 ✓	Phùng Minh Đức	K63.QLXD	3.5	23010		Đức	
18	2088	222734327 ✓	Nguyễn Chí Dũng	K63.QLXD	0.5	23008		Dũng	
19	2089	222734328 ✓	Nguyễn Tiến Dũng	K63.QLXD	00.0	23002		Dũng	
20	2090	222704329 ✓	Nguyễn Việt Dũng	K63.QLXD	1.5	2090		Dũng	
21	2091	222734330 ✓	Phan Văn Dũng	K63.QLXD	4.0	23019		Dũng	
22	2092	222734331 ✓	Nguyễn Khả Tùng Dương	K63.QLXD	7.5	23010		Dương	
23	2093	222734332 ✓	Phan Thùy Dương	K63.QLXD	3.0	23015		Dương	
24	2094	222704339	Nguyễn Đức Minh Đường	K63.QLXD	\				
25	2095	222734340 ✓	Lô Trường Giang	K63.QLXD	5.5	23008		Giang	
26	2096	222734341 ✓	Trần Trung Hải	K63.QLXD	4.0	23002		Hải	
27	2097	222734342 ✓	Vũ Đức Hải	K63.QLXD	3.3	23008		Hải	
28	2098	222734343 ✓	Lê Hữu Hạnh	K63.QLXD	6.5	23010		Hạnh	
29	2099	222734344 ✓	Đàm Cảnh Hiếu	K63.QLXD	2.0	23015		Hiếu	
30	2100	222734345 ✓	Lưu Xuân Hiếu	K63.QLXD	0.5	23002		Hiếu	
31	2101	222734346 ✓	Nguyễn Huy Hoàng	K63.QLXD	2.3	23015		Hoàng	
32	2102	222734347 ✓	Nguyễn Việt Hoàng	K63.QLXD	2.8	23010		Hoàng	
33	2103	222734354 ✓	Đỗ Cao Hoàng Hưng	K63.QLXD	8.8	23018		Hưng	
34	2104	222704355 ✓	Nguyễn Đức Hưng	K63.QLXD	5.0	23018		Hưng	
35	2105	222704356 ✓	Trần Thị Mai Hương	K63.QLXD	8.0	23002		Hương	
36	2106	222704349 ✓	Ngô Đình Huy	K63.QLXD	4.0	23015		Huy	
37	2107	222734350 ✓	Nguyễn Ngọc Huy	K63.QLXD	3.5	23008		Huy	
38	2108	222704351 ✓	Đào Minh Huyền	K63.QLXD	1.0	23015		Huyền	
39	2109	222704352 ✓	Lê Thị Huyền	K63.QLXD	6.8	23010		Huyền	
40	2110	222734353	Nguyễn Thị Huyền	K63.QLXD	\				
41	2111	222734357 ✓	Đặng Đình Khang	K63.QLXD	7.8	23008		Khang	
42	2112	222734358 ✓	Trần Huy Khánh	K63.QLXD	8.8	23002		Khánh	
43	2113	222734359 ✓	Trần Văn Khiết	K63.QLXD	7.0	23018		Khiết	
44	2114	222704361 ✓	Trương Hải Lâm	K63.QLXD	2.5	23002		Lâm	
45	2115	222734360 ✓	Phạm Thị Lâm	K63.QLXD	2.5	23008		Lâm	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
46	2116	222734362 ✓	Bùi Hà Linh	K63.QLXD	6.5	23010		Hà Linh	
47	2117	222734363 ✓	Đỗ Thị Ngọc Linh	K63.QLXD	6.0	23018		Linh	
48	2118	222704364 ✓	Hoàng Nhật Linh	K63.QLXD	7.0	23015		Linh	
49	2119	222734365 ✓	Nguyễn Khánh Linh	K63.QLXD	6.5	23010		Linh	
50	2120	222734367 ✓	Hoàng Đức Long	K63.QLXD	3.3	23008		Song	
51	2121	222734368 ✓	Ngô Đức Long	K63.QLXD	5.3	230010		Long	
52	2122	222734369 ✓	Nguyễn Đình Long	K63.QLXD	2.3	23015		Long	
53	2123	222734370 ✓	Trần Thị Khánh Ly	K63.QLXD	5.5	23018		Ly	
54	2124	222734372 ✓	Nguyễn Văn Mạnh	K63.QLXD	5.0	23002		Mạnh	
55	2125	222704373 ✓	Phạm Văn Mạnh	K63.QLXD	7.0	23010		Mạnh	
56	2126	222734374 ✓	Bùi Hải Nam	K63.QLXD	5.3	23008		Nam	
57	2127	222704375 ✓	Nguyễn Gia Nam	K63.QLXD	2.5	23007		Nam	
58	2128	222734376 ✓	Nguyễn Văn Ngọc	K63.QLXD	5.8	23018		Ngoc	
59	2129	222734377 ✓	Phạm Bảo Ngọc	K63.QLXD	6.0	23015		Ngoc	
60	2130	222734378 ✓	Nguyễn Đức Nguyên	K63.QLXD	3.5	23018		Nguyên	
61	2131	222734379 ✓	Phạm Thị Thảo Nguyên	K63.QLXD	1.5	23002		Nguyên	
62	2132	222734380 ✓	Võ Trung Nguyên	K63.QLXD	6.0	23008		Nguyên	
63	2133	222734381 ✓	Hồ Đức Nhật	K63.QLXD	3.0	23008		Nhat	
64	2134	222704382 ✓	Đinh Yến Nhi	K63.QLXD	3.3	23015		Nhi	
65	2135	222734383 ✓	Nguyễn Quang Phú	K63.QLXD	3.3	23010		Phu	
66	2136	222704384 ✓	Nguyễn Thị Phương	K63.QLXD	0.5	23008		Phu	
67	2137	222734385 ✓	Nguyễn Thị Thu Phương	K63.QLXD	6.3	23002		Phu	
68	2138	222734386 ✓	Phạm Hà Phương	K63.QLXD	6.0	23010		Phu	
69	2139	222734387 ✓	Trịnh Đình Phương	K63.QLXD	3.5	23015		Phu	
70	2140	222734388 ✓	Lê Đức Tâm	K63.QLXD	2.0	23018		Tam	
71	2141	222734392	Dương Hoàng Thắng	K63.QLXD					
72	2142	222734389 ✓	Lê Bá Thanh	K63.QLXD	0.5	23022		Thanh	Ko mang thẻ SV
73	2143	222734390 ✓	Bùi Phương Thảo	K63.QLXD	7.0	23008		Thao	
74	2144	222734391 ✓	Nguyễn Phương Thảo	K63.QLXD	4.0	23002		Thao	
75	2145	222734393 ✓	Nguyễn Thị Thêu	K63.QLXD	5.5	23018		Thao	
76	2146	222734394 ✓	Tạ Trung Thuận	K63.QLXD	4.8	23002		Thuan	
77	2147	222734395 ✓	Trần Anh Tú	K63.QLXD	2.5	23015		Tu	
78	2148	222704396 ✓	Hoàng Mạnh Tuấn	K63.QLXD	4.3	23010		Tuan	
79	2149	222734397 ✓	Ngô Hoàng Thảo Văn	K63.QLXD	4.8	23015		Van	
80	2150	222734399 ✓	Hoàng Văn Vinh	K63.QLXD	4.3	23018		Vinh	Ko mang thẻ SV
81	2151	222734400 ✓	Triệu Bảo Vũ	K63.QLXD	3.5	23018		Vu	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

(Chữ ký)
NM Hùng Bùi Hương

(Chữ ký)
PGS.TS. Trần Văn Long

(Chữ ký)
Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi kỳ chính (đợt 1) khóa 63 - HK I 22-23

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_13/03/2023_2_36BS0.102.2-1-1-22(N55) Thi tại : 401-A8

Ngày thi:13/03/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:36

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	2152	223532946	Phạm Quang Anh	K63.QLDTCT	1,0	18			
2	2153	223502947	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K63.QLDTCT	6,3	15			
3	2154	223532948	Nguyễn Danh Bảo	K63.QLDTCT	3,0	23010			
4	2155	223532949	Nguyễn Đình Quân Bảo	K63.QLDTCT	0,5	23008			
5	2156	223532950	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	K63.QLDTCT	0,3	23002			
6	2157	223532951	Lê Mạnh Cường	K63.QLDTCT					Vắng
7	2158	223532955	Nguyễn Ngọc Đào	K63.QLDTCT	00,0	18			
8	2159	223532952	Trần Đăng Doanh	K63.QLDTCT	0,5	08			
9	2160	223502954	Phạm Tùng Dương	K63.QLDTCT	0,8	15			
10	2161	223532958	Vũ Đức Hải	K63.QLDTCT	2,0	10			
11	2162	223532959	Trần Văn Hiệu	K63.QLDTCT	00,0	08			
12	2163	223532960	Nguyễn Đức Hùng	K63.QLDTCT	6,5	23002			
13	2164	223532962	Lưu Đình Huy	K63.QLDTCT					Vắng Nợ HP
14	2165	223532963	Nguyễn Anh Huy	K63.QLDTCT	6,8	18			
15	2166	223532964	Phạm Quang Huy	K63.QLDTCT					Vắng
16	2167	223532965	Vũ Đức Huy	K63.QLDTCT	1,3	23015			
17	2168	223532966	Nguyễn Nam Khánh	K63.QLDTCT	2,0	23015			
18	2169	223532967	Phạm Đỗ Quang Khánh	K63.QLDTCT	1,0	23010			
19	2170	223502968	Nguyễn Vũ Bảo Linh	K63.QLDTCT	1,0	23008			
20	2171	223532969	Phạm Ngọc Khánh Linh	K63.QLDTCT	2,3	23002			
21	2172	223532970	Tô Thành Lộc	K63.QLDTCT	00,0	23018			
22	2173	223502971	Đinh Hà Cẩm Ly	K63.QLDTCT	3,5	23015			
23	2174	223532972	Nguyễn Thị Ánh Ly	K63.QLDTCT	6,3	23010			
24	2175	223502974	Phạm Tô Đức Mạnh	K63.QLDTCT	00,0	23008			
25	2176	223532973	Phan Đức Mạnh	K63.QLDTCT	3,5	23002			
26	2177	223502975	Hoàng Đức Minh	K63.QLDTCT	6,0	23018			
27	2178	223532976	Nguyễn Đăng Nhật Minh	K63.QLDTCT	00,0	23015			
28	2179	223532977	Trương Lê Minh	K63.QLDTCT					Vắng Nợ HP
29	2180	223532978	Lê Thanh Nam	K63.QLDTCT	5,8	23010			
30	2181	223532979	Nguyễn Minh Nam	K63.QLDTCT	2,5	23008			
31	2182	223532980	Phạm Hoài Nam	K63.QLDTCT	4,0	23002			
32	2183	223532981	Nguyễn Tiến Phát	K63.QLDTCT	0,8	23002			
33	2184	223502983	Đỗ Đình Hoàng Sơn	K63.QLDTCT	4,5	23018			
34	2185	223532984	Phan Thế Sơn	K63.QLDTCT	5,0	23015			
35	2186	223532986	Đỗ Toàn Thắng	K63.QLDTCT	0,5	23010			
36	2187	223502985	Phạm Thị Huyền Thanh	K63.QLDTCT	2,0	23008			
37	2188	223502987	Nguyễn Quang Thu	K63.QLDTCT	8,8	23018			
38	2189	223532988	Trần Quốc Toàn	K63.QLDTCT	3,0	23015			
39	2190	223532989	Lê Quý Trọng	K63.QLDTCT	0,8	23008			
40	2191	223532990	Nguyễn Thành Trung	K63.QLDTCT	5,0	23002			
41	2192	223502991	Lê Nam Trường	K63.QLDTCT	5,8	23010			
42	2193	223532992	Nguyễn Đình Tuấn	K63.QLDTCT	3,0	23015			

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	2194	223532993	Đình Hoàng Tuấn	K63.QLDTCT	1,5	23002		Tuấn	
44	2195	223502994	Mai Quốc Tuấn	K63.QLDTCT	5,5	23010		Tuấn	
45	2196	223532995	Nguyễn Duy Tuấn	K63.QLDTCT	3,0	23018		Tuấn	
46	2197	223502996	Hoàng Thanh Tùng	K63.QLDTCT	5,5	23008		Tùng	
47	2198	223532997	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	K63.QLDTCT	3,3	23010		Vân	
48	2199	223532998	Đỗ Quốc Việt	K63.QLDTCT	1,0	23015		Việt	
49	2200	223502999	Hoàng Quốc Việt	K63.QLDTCT	2,8	23015		Việt	

Tổng số bài thi : 45

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2023

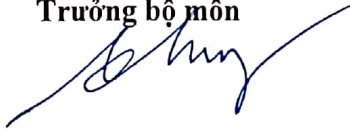
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


 NM Hùng


 Bùi Hương


 PGS.TS. Trần Văn Long


 Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : ĐTQT đợt 1 chính khóa K63 (6/02-26/03/2022)

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST: BS0.102.2_09/03/2023_1_1BS0.102.2-1-1-22(QT16) Thi tại : 504-A8

Ngày thi: 09/03/2023

Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	222630516	✓ Mai Thị Mỹ Anh	K63.KTTHVA(QT)1	8,0	27		Anh	
2	2	222630521	✓ Trần Doanh Anh	K63.KTTHVA(QT)1	7,0	30		Anh	
3	3	222600522	✓ Trần Phương Anh	K63.KTTHVA(QT)1	8,5	27		As	
4	4	222630523	✓ Nguyễn Ngọc Ánh	K63.KTTHVA(QT)1	4,5	30		Anh	
5	5	222630525	✓ Đỗ Dương Quỳnh Chi	K63.KTTHVA(QT)1	7,8	30		Chi.	
6	6	222630526	✓ Đỗ Ngọc Duy	K63.KTTHVA(QT)1	10,0	29		ngoc	
7	7	222630529	✓ Lại Quỳnh Giang	K63.KTTHVA(QT)1	3,5	27		Quang	
8	8	222630530	✓ Trần Thị Phương Giang	K63.KTTHVA(QT)1	6,0	29		Giang	
9	9	222630531	✓ Dương Thu Hà	K63.KTTHVA(QT)1	4,0	27		Hà	
10	10	222630533	✓ Phạm Minh Hằng	K63.KTTHVA(QT)1	10,0	27		hằng	
11	11	222630534	✓ Đỗ Thị Thu Hiền	K63.KTTHVA(QT)1	6,5	27		hiền	
12	12	222630535	✓ Nguyễn Thị Hiền	K63.KTTHVA(QT)1	2,5	30		hiền	
13	13	222630538	✓ Nguyễn Mạnh Hòa	K63.KTTHVA(QT)1	1,5	29		Hoa	
14	14	222630542	✓ Phan Thị Ngọc Huyền	K63.KTTHVA(QT)1	6,0	27		Huyền	
15	15	222630543	✓ Tống Khánh Huyền	K63.KTTHVA(QT)1	5,0	30		Huyền	
16	16	222610545	✓ Trần Thu Huyền	K63.KTTHVA(QT)1	9,0	30		Huyền	
17	17	222630546	✓ Lưu Thị Ngọc Khánh	K63.KTTHVA(QT)1	10,0	29		khánh	
18	18	222600549	✓ Vũ Tùng Lâm	K63.KTTHVA(QT)1	1,5	27		lâm	
19	19	222630552	✓ Đoàn Mai Linh	K63.KTTHVA(QT)1	8,5	27		Linh	
20	20	222630553	✓ Hoàng Khánh Linh	K63.KTTHVA(QT)1	7,5	30		linh	
21	21	222630554	✓ Nguyễn Phương Bảo Linh	K63.KTTHVA(QT)1	8,8	30		Linh	
22	22	222630559	✓ Dương Phương Loan	K63.KTTHVA(QT)1	6,5	29		Loan	
23	23	222630561	✓ Nguyễn Thị Mai	K63.KTTHVA(QT)1	8,0	27		Mai	
24	24	222630563	✓ Nguyễn Đức Mạnh	K63.KTTHVA(QT)1	2,0	30		ph	
25	25	222630564	✓ Trần Ngọc Minh	K63.KTTHVA(QT)1	4,0	27		Minh	
26	26	222630566	✓ Nguyễn Thành Nam	K63.KTTHVA(QT)1	3,5	27		Nam	
27	27	222630572	✓ Nguyễn Khánh Phương	K63.KTTHVA(QT)1	8,0	30		Phương	
28	28	222630573	✓ Trần Thị Thu Phương	K63.KTTHVA(QT)1	10,0	30		Phương	
29	29	222630576	✓ Phan Hoàng Hương Quỳnh	K63.KTTHVA(QT)1	7,5	30		Quỳnh	
30	30	222630583	✓ Đỗ Hồng Thắm	K63.KTTHVA(QT)1	9,3	27		Thắm	
31	31	222630581	✓ Nguyễn Tiến Thành	K63.KTTHVA(QT)1	2,8	30		Thành	
32	32	222600584	✓ Nguyễn Thị Lệ Thu	K63.KTTHVA(QT)1	7,3	27		Thu	
33	33	222630588	✓ Nguyễn Thị Huyền Thương	K63.KTTHVA(QT)1	7,5	30		Thương	
34	34	222630585	✓ Ngô Thị Minh Thúy	K63.KTTHVA(QT)1	8,0	27		thủy	
35	35	222630586	✓ Nguyễn Thị Thúy	K63.KTTHVA(QT)1	7,5	30		Thủy	
36	36	222630589	✓ Nguyễn Thị Tính	K63.KTTHVA(QT)1	9,5	29		Tính	
37	37	222630592	✓ Nguyễn Phương Trang	K63.KTTHVA(QT)1	10,0	30		Trang	
38	38	222630594	✓ Nguyễn Cẩm Tú	K63.KTTHVA(QT)1	7,3	30		Tú	
39	39	222630598	✓ Nguyễn Thảo Vy	K63.KTTHVA(QT)1	3,8	27		Vy	

Tổng số bài thi : **39**

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Mã học phần: BS0.102.2

Tên học phần: Đại số tuyến tính

Số TC : 2

Mã DST: BS0.102.2_09/03/2023_1_1BS0.102.2-1-1-22(QT16) Thi tại : 504-A8

Ngày thi: 09/03/2023

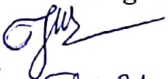
Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
-----	-----	-------	-----------	-----	------	-------	-------	--------	---------

Hai giáo viên chấm thi

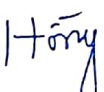

Đặng Thị Mai


Bùi Hương

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thị Thu Hồng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : ĐTQT đợt 1 chính khóa K63 (6/02-26/03/2022)

Mã học phần BS0 102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0 102.2_09/03/2023_2_2BS0.102.2-1-1-22(QT17) Thi tại : 510-A8

Ngày thi:09/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	40	222630515	✓ Đỗ Kiều Anh	K63 KTTHVA(QT)2	6.5	19079		Anh	
2	41	222630517	✓ Nguyễn Nam Anh	K63 KTTHVA(QT)2	8.3	19025		N.Anh	
3	42	222630518	✓ Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	K63 KTTHVA(QT)2	8.3	19025		Anh	
4	43	222630520	✓ Nguyễn Thị Phương Anh	K63 KTTHVA(QT)2	8.3	19026		Phương Anh	
5	44	222630524	✓ Nguyễn Thanh Bình	K63 KTTHVA(QT)2	6.5	19029		Bình	
6	45	222630532	✓ Nguyễn Hoàng Hải	K63 KTTHVA(QT)2	4.8	19025		Hải	
7	46	222610536	✓ Nguyễn Thị Minh Hiền	K63 KTTHVA(QT)2	6.5	19026		Minh Hiền	
8	47	222630537	✓ Nguyễn Minh Hiếu	K63 KTTHVA(QT)2	5.3	19029		Hiếu	
9	48	222630540	✓ Lê Thị Khánh Huyền	K63 KTTHVA(QT)2	6.5	19025		Huyền	
10	49	222630541	✓ Lưu Thị Lương Huyền	K63 KTTHVA(QT)2	3.5	19026		Lương Huyền	
11	50	222630544	✓ Trần Thanh Huyền	K63 KTTHVA(QT)2	9.5	19029		Huyền	
12	51	222630547	✓ Nguyễn Trung Kiên	K63 KTTHVA(QT)2	2.5	19025		Kiên	
13	52	222630548	✓ Lê Xuân Lanh	K63 KTTHVA(QT)2	4.0	19026		Lanh	
14	53	222630550	✓ Bành Thị Diệu Linh	K63 KTTHVA(QT)2	4.5	19029		Linh	
15	54	222630555	✓ Nguyễn Thị Diệu Linh	K63 KTTHVA(QT)2	9.0	19025		Linh	
16	55	222630556	✓ Nhâm Mai Linh	K63 KTTHVA(QT)2	6.0	19025		Linh	
17	56	222630558	✓ Trương Thị Khánh Linh	K63 KTTHVA(QT)2	3.5	19025		Linh	
18	57	222630560	✓ Nguyễn Văn Ly	K63 KTTHVA(QT)2	8.0	19026		Ly	
19	58	222610562	✓ Nguyễn Thanh Mai	K63 KTTHVA(QT)2	4.0	19029		Mai	
20	59	222630565	✓ Lê Trà My	K63 KTTHVA(QT)2	6.0	19026		My	
21	60	222630567	✓ Nguyễn Kim Ngân	K63 KTTHVA(QT)2	7.8	19025		Ngân	
22	61	222630568	✓ Hoàng Thị Ngọc	K63 KTTHVA(QT)2	6.0	19029		Ngọc	
23	62	222600569	✓ Trương Thị Bình Nhi	K63 KTTHVA(QT)2	00.0	19029		Nhi	
24	63	222630570	✓ Nguyễn Thị Kim Oanh	K63 KTTHVA(QT)2	7.5	19029		Oanh	
25	64	222630571	✓ Đinh Thị Thanh Phương	K63 KTTHVA(QT)2	5.5	19026		Phương	
26	65	222630575	✓ Đoàn Như Quỳnh	K63 KTTHVA(QT)2	2.3	19029		Quỳnh	
27	66	222630577	✓ Trần Như Quỳnh	K63 KTTHVA(QT)2	4.0	19025		Quỳnh	
28	67	222630578	✓ Trần Minh Sơn	K63 KTTHVA(QT)2	7.8	19026		Sơn	
29	68	222630579	✓ Nguyễn Thị Mỹ Tâm	K63 KTTHVA(QT)2	7.5	19026		Mỹ Tâm	
30	69	222630580	✓ Trần Thị Minh Tâm	K63 KTTHVA(QT)2	1.0	19025		Minh Tâm	
31	70	222630582	✓ Lương Thu Thảo	K63 KTTHVA(QT)2	5.0	19025		Thảo	
32	71	222630587	✓ Nguyễn Việt Anh Thư	K63 KTTHVA(QT)2	7.5	19026		Anh Thư	
33	72	222630590	✓ Phạm Văn Toàn	K63 KTTHVA(QT)2	4.0	19029		Toàn	
34	73	222630591	✓ Mai Trinh Huyền Trang	K63 KTTHVA(QT)2	6.5	19029		Trang	
35	74	222600593	✓ Khuất Thị Kiều Trinh	K63 KTTHVA(QT)2	4.0	19025		Trinh	
36	75	222600595	✓ Nguyễn Ngọc Hà Vi	K63 KTTHVA(QT)2	6.5	19026		Vi	
37	76	222630596	✓ Đặng Hoàng Việt	K63 KTTHVA(QT)2	5.5	19026		Việt	
38	77	222630597	✓ Bùi Thị Vy	K63 KTTHVA(QT)2	5.0	19025		Vy	
39	78	222630599	✓ Trần Thị Thanh Xuân	K63 KTTHVA(QT)2	5.5	19029		Xuân	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_09/03/2023_2_2BS0.102.2-1-1-22(QT17) Thi tại : 510-A8

Ngày thi:09/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

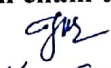
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
-----	-----	-------	-----------	-----	------	-------	-------	--------	---------

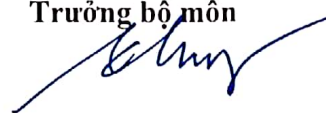
Hai giáo viên chấm thi

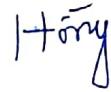
Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


Đặng Thị Mai


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thị Thu Hồng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : ĐTQT đợt 1 chính khóa K63 (6/02-26/03/2022)

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_09/03/2023_3_3BS0.102.2-1-1-22(QT18) Thi tại : 402-A8

Ngày thi:09/03/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	79	222631529	✓ Đỗ Thế Anh	K63 CKOTOVA(QT)	5.3	21018		T Anh	
2	80	222631530	✗ Hồ Quang Anh	K63 CKOTOVA(QT)	1.5	21018		Anh	
3	81	222631531	✗ Khuất Hoàng Anh	K63 CKOTOVA(QT)	2.8	21019		Anh	
4	82	222631532	✗ Lê Đức Anh	K63 CKOTOVA(QT)	5.0	21015		Anh	
5	83	222631533	✗ Phạm Việt Anh	K63 CKOTOVA(QT)	3.5	21017		Anh	
6	84	222631534	✗ Trần Nam Anh	K63 CKOTOVA(QT)	10.0	21015		Anh	
7	85	222631535	✗ Đỗ Quốc Bảo	K63 CKOTOVA(QT)	1.8	21015		Bao	
8	86	222631536	✗ Mai Quang Chiến	K63 CKOTOVA(QT)	3.3	21015		Chiến	
9	87	222631537	✗ Nguyễn Đức Cường	K63 CKOTOVA(QT)	5.3	21015		Cường	
10	88	222631544	✗ Đặng Hải Đăng	K63 CKOTOVA(QT)	5.5	21018		Đăng	
11	89	222631543	✗ Đặng Quốc Đạt	K63 CKOTOVA(QT)	6.5	21015		Đạt	
12	90	222631542	✗ Dương Mạnh Đạt	K63 CKOTOVA(QT)	00.0	21015		Đạt	
13	91	222631545	✗ Nguyễn Minh Đức	K63 CKOTOVA(QT)	6.0	21018		Đức	
14	92	222631546	✗ Vũ Minh Đức	K63 CKOTOVA(QT)	7.5	21018		Đức	
15	93	222631547	✗ Vũ Quang Đức	K63 CKOTOVA(QT)	0.5	21019		Đức	
16	94	222631539	✗ Hà Trọng Dương	K63 CKOTOVA(QT)	6.5	21017		Dương	
17	95	222631540	✗ Mai Đặng Tùng Dương	K63 CKOTOVA(QT)	1.0	21017		Dương	
18	96	222631541	✗ Nguyễn An Dương	K63 CKOTOVA(QT)	3.5	21017		Anh	
19	97	222601549	✗ Nguyễn Trường Giang	K63 CKOTOVA(QT)	7.0	21015		Giang	
20	98	222631548	✗ Nguyễn Trường Giang	K63 CKOTOVA(QT)	4.3	21015		Giang	
21	99	222631550	✗ Đỗ Văn Nhật Hào	K63 CKOTOVA(QT)	6.0	21019		Hào	
22	100	222611551	✗ Đồng Quang Hiệp	K63 CKOTOVA(QT)	0.5	21018		Hiệp	
23	101	222601552	✗ Nguyễn Hoàng Hiệp	K63 CKOTOVA(QT)	6.0	21019		Hiệp	
24	102	222631553	✗ Trần Minh Hiếu	K63 CKOTOVA(QT)	27.0	21019		Hiếu	
25	103	222631554	✗ Lê Việt Hòa	K63 CKOTOVA(QT)	1.3	21019		Hòa	
26	104	222601555	✗ Phan Anh Hoàng	K63 CKOTOVA(QT)	00.0	21019		Hoàng	
27	105	222631556	✗ Trần Việt Hoàng	K63 CKOTOVA(QT)	9.0	21015		Hoàng	
28	106	222631557	✗ Trương Lê Hoàng	K63 CKOTOVA(QT)	1.8	21019		Hoàng	
29	107	222631558	✗ Vũ Việt Hoàng	K63 CKOTOVA(QT)					vắng
30	108	222631559	✗ Bùi Bá Hùng	K63 CKOTOVA(QT)	4.3	21019		Hùng	
31	109	222631560	✗ Đỗ Mạnh Hùng	K63 CKOTOVA(QT)	9.0	21018		Hùng	
32	110	222631561	✗ Nguyễn Tử Hùng	K63 CKOTOVA(QT)	3.5	21015		Hùng	
33	111	222631563	✗ Đào Tuấn Hưng	K63 CKOTOVA(QT)	2.8	21017		Hưng	
34	112	222631562	✗ Đỗ Nhật Huy	K63 CKOTOVA(QT)	3.8	21019		Huy	
35	113	222631564	✗ Ngô Văn Khải	K63 CKOTOVA(QT)	7.5	21015		Khai	
36	114	222631565	✗ Vũ Duy Khánh	K63 CKOTOVA(QT)	1.0	21019		Khánh	
37	115	222631566	✗ Bùi Đỗ Sông Lam	K63 CKOTOVA(QT)	1.8	21017		Lam	
38	116	222611567	✗ Nguyễn Bá Hải Long	K63 CKOTOVA(QT)	2.8	21015		Long	
39	117	222611568	✗ Mai Trương Quang Minh	K63 CKOTOVA(QT)	4.3	21018		Minh	
40	118	222631569	✗ Nguyễn Hữu Minh	K63 CKOTOVA(QT)	2.8	21018		Minh	
41	119	222631570	✗ Nguyễn Tuấn Minh	K63 CKOTOVA(QT)	2.0	21018		Minh	
42	120	222631572	✗ Đinh Đức Ngọc	K63 CKOTOVA(QT)	5.0	21019		Ngọc	
43	121	222631573	✗ Nguyễn Minh Nhật	K63 CKOTOVA(QT)	3.5	21015		Ngọc	
44	122	222601574	✗ Nguyễn Tuấn Phan	K63 CKOTOVA(QT)	1.3	21015		Phan	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
45	123	222631575	Ngô Thanh Phong	K63 CKOTOVA(QT)	4.5	21019		Phong	
46	124	222631576	Nguyễn Hồng Phú	K63 CKOTOVA(QT)	7.3	21018		Phu	
47	125	222631577	Nguyễn Văn Phú	K63 CKOTOVA(QT)	2.0	21018		Phu	
48	126	222631578	Nguyễn Hồng Phúc	K63 CKOTOVA(QT)	9.5	21019		Phuc	
49	127	222601579	Nguyễn Huy Quang	K63-CKOTOVA(QT)					Nợ HP
50	128	224001941	Lê Hoàng Sơn	K63 CKOTOVA(QT)	3.0	21015		Son	
51	129	222631581	Nguyễn Đăng Sơn	K63 CKOTOVA(QT)	9.0	21017		Son	
52	130	222631582	Phan Văn Tài	K63 CKOTOVA(QT)	1.0	21019		Tai	
53	131	222631584	Lương Hải Thắng	K63 CKOTOVA(QT)	00.0	21017		Thang	
54	132	222631585	Nguyễn Đức Thắng	K63 CKOTOVA(QT)	7.3	21017		Thang	
55	133	222401217	Tăng Xuân Thắng	K63 CKOTOVA(QT)	6.8	21015		Thang	
56	134	222631583	Đặng Văn Thành	K63 CKOTOVA(QT)	00.0	21017		Thanh	
57	135	222601586	Nguyễn Văn Toàn	K63 CKOTOVA(QT)	10.0	21018		Toan	
58	136	222631587	Nguyễn Hoàng Tôn	K63 CKOTOVA(QT)	6.8	21017		Ton	
59	137	222631588	Phạm Phi Trường	K63 CKOTOVA(QT)	1.8	21018		Truong	
60	138	222631589	Lê Anh Tuấn	K63 CKOTOVA(QT)	5.0	21017		Tuan	
61	139	222631590	Nguyễn Mạnh Tuấn	K63 CKOTOVA(QT)	5.8	21018		Tuan	
62	140	222631591	Nguyễn Ngọc Minh Tuấn	K63 CKOTOVA(QT)	3.5	21017		Tuan	
63	141	222631592	Phan Đăng Tuấn	K63 CKOTOVA(QT)	00.0	21017		Tuan	
64	142	222631593	Đào Thanh Tùng	K63 CKOTOVA(QT)	7.8	21018		Tung	
65	143	222631594	Trịnh Kế Ước	K63 CKOTOVA(QT)	4.5	21017		Uoc	
66	144	222601595	Nguyễn Quang Vinh	K63 CKOTOVA(QT)					Vinh
67	145	222631596	Trần Anh Vũ	K63 CKOTOVA(QT)	6.8	21017		Vu	

Tổng số bài thi : 64

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Phó Thủ Văn Anh
 PGS.TS. Trần Văn Long

PGS.TS. Trần Văn Long

Trần Thị Thu Hồng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : ĐTQT đợt 1 chính khóa K63 (6/02-26/03/2022)

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_09/03/2023_4_4BS0.102.2-1-1-22(QT19) Thi tại : 402-A8

Ngày thi:09/03/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	146	222630250	✓ Nguyễn Ngọc An	K63 QTKDVA(QT)	6,5	21		An	
2	147	222630251	✓ Đặng Thế Anh	K63 QTKDVA(QT)	5,0	22		Anh	
3	148	222630252	✓ Phạm Vũ Nhật Anh	K63 QTKDVA(QT)	1,5	20		Anh	
4	149	222630253	✓ Phạm Nguyên Ánh	K63 QTKDVA(QT)	5,5	21		Ánh	
5	150	222630254	✓ Trần Thị Ánh	K63 QTKDVA(QT)	9,0	20		Ánh	
6	151	222630255	✓ Lưu Ngọc Bằng	K63 QTKDVA(QT)	5,8	23		Bằng	
7	152	222630256	✓ Nguyễn Hải Bằng	K63 QTKDVA(QT)	3,8	22		Bằng	
8	153	222630257	✓ Lê Quang Chính	K63 QTKDVA(QT)	8,5	20		Chính	
9	154	222630258	✓ Vũ Thị Hương Cúc	K63 QTKDVA(QT)	1,5	21		Cúc	
10	155	222630259	✓ Nguyễn Khánh Cường	K63 QTKDVA(QT)	2,8	20		Cường	
11	156	222630264	✓ Lưu Đình Đạt	K63 QTKDVA(QT)	4,5	21		Đạt	
12	157	222630265	✓ Phan Tiến Đạt	K63 QTKDVA(QT)	5,0	23		Đạt	
13	158	222630266	✓ Phạm Ngọc Đề	K63 QTKDVA(QT)	4,3	21		Đề	
14	159	222630260	✓ Trần Anh Dũng	K63 QTKDVA(QT)	7,5	23		Dũng	
15	160	222630261	✓ Trần Việt Dũng	K63 QTKDVA(QT)	1,5	20		Dũng	
16	161	222630263	✓ Vũ Ánh Dương	K63 QTKDVA(QT)	4,8	22		Dương	
17	162	222630262	✓ Đỗ Văn Mạnh Duy	K63 QTKDVA(QT)	9,0	23		Duy	
18	163	222630267	✓ Nguyễn Ngọc Hà	K63 QTKDVA(QT)	6,8	22		Hà	
19	164	222630269	✓ Nguyễn Thị Thu Hằng	K63 QTKDVA(QT)	4,3	21		Hằng	
20	165	222630270	✓ Nguyễn Thị Thu Hằng	K63 QTKDVA(QT)	9,8	20		Hằng	
21	166	222630268	✓ Đỗ Thị Hồng Hạnh	K63 QTKDVA(QT)	4,8	21		Hạnh	
22	167	222630272	✓ Trần Thị Hồng Hoa	K63 QTKDVA(QT)	4,0	22		Hoa	
23	168	222630274	✓ Nguyễn Việt Hoàng	K63 QTKDVA(QT)	4,5	20		Hoàng	
24	169	222610278	✓ Lê Vũ Hưng	K63 QTKDVA(QT)	8,5	23		Hưng	
25	170	222600275	✓ Nguyễn Đức Huy	K63 QTKDVA(QT)	6,3	23		Huy	
26	171	222630276	✓ Nguyễn Văn Huy	K63 QTKDVA(QT)	6,0	20		Huy	
27	172	222630279	Nguyễn Vũ Đức Kiên	K63 QTKDVA(QT)					Nợ HP
28	173	222630280	✓ Phạm Hữu Lâm	K63 QTKDVA(QT)	3,0	22		Lâm	
29	174	222630281	✓ Nguyễn Khánh Linh	K63 QTKDVA(QT)	5,5	21		Linh	
30	175	222630282	✓ Hoàng Ngọc Mai	K63 QTKDVA(QT)	10,0	23		Mai	
31	176	222600283	✓ Vũ Xuân Mai	K63 QTKDVA(QT)	9,3	21		Mai	
32	177	222630284	✓ Hồ Nhật Minh	K63 QTKDVA(QT)	3,5	22		Minh	
33	178	222630285	✓ Trần Thị Minh Nguyệt	K63 QTKDVA(QT)	9,3	20		Nguyệt	
34	179	222630287	✓ Trần Thị Yến Nhi	K63 QTKDVA(QT)	6,0	21		Nhi	
35	180	222630288	✓ Đỗ Hải Phong	K63 QTKDVA(QT)	6,0	22		Phong	
36	181	222630289	Đàm Hoàng Phúc	K63 QTKDVA(QT)					Nợ HP
37	182	222610290	✓ Nguyễn Hà Phương	K63 QTKDVA(QT)	5,0	21		Phương	
38	183	222630292	✓ Phạm Minh Quân	K63 QTKDVA(QT)	5,3	20		Quân	
39	184	222600574	✓ Trần Đăng Quang	K63 QTKDVA(QT)	7,5	23		Quang	
40	185	222600293	✓ Đỗ Thị Như Quỳnh	K63 QTKDVA(QT)	6,3	22		Quỳnh	
41	186	222630294	✓ Lại Đức Tâm	K63 QTKDVA(QT)	7,5	21		Tâm	
42	187	222630296	✓ Trần Tấn Thành	K63 QTKDVA(QT)	5,8	23		Thành	
43	188	222610297	✓ Lê Phương Thảo	K63 QTKDVA(QT)	4,8	21		Thảo	
44	189	222600298	✓ My Thi Phương Thảo	K63 QTKDVA(QT)	7,3	23		Thảo	

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_09/03/2023_4_4BS0.102.2-1-1-22(QT19) Thi tại : 402-A8

Ngày thi:09/03/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
45	190	222630299 ✓	Nguyễn Phương Thảo	K63.QTKDVA(QT)	4,8	23		Văn	
46	191	222600300 ✓	Trần Hương Thảo	K63.QTKDVA(QT)	6,3	23		Thảo	
47	192	222630301 ✓	Chu Thị Huyền Trang	K63.QTKDVA(QT)	9,0	22		Trang	
48	193	222630302 ✓	Nguyễn Thị Trang	K63.QTKDVA(QT)	8,0	21		Trang	
49	194	222630303 ✓	Nguyễn Thu Trang	K63.QTKDVA(QT)	7,8	21		Trang	
50	195	222630304 ✓	Nguyễn Công Trung	K63.QTKDVA(QT)	5,3	23		Trung	
51	196	222630306 ✓	Lâm Thành Vinh	K63.QTKDVA(QT)	4,0	22		Vinh	
52	197	222630307 ✓	Lê Đình Vương	K63.QTKDVA(QT)	7,3	21		Vương	
53	198	222630308 ✓	Trần Thị Thảo Xuân	K63.QTKDVA(QT)	8,0	23		Xuân	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Văn
Vũ 14-H. Sơn
 Ghi chú:

Phú Thị Văn Anh
 PGS.TS. Trần Văn Long

Hồng
 Trần Thị Thu Hồng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : ĐTQT đợt 1 chính khóa K63 (6/02-26/03/2022)

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_10/03/2023_1_5BS0.102.2-1-1-22(QT20) Thi tại : 503-A8

Ngày thi:10/03/2023

Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số:5

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	199	222604401	✓ Đồng Lê Tùng Anh	K63 QLXDVA(QT)	2.0	19		<i>Tùng Anh</i>	
2	200	222604402	✓ Lê Văn Anh	K63 QLXDVA(QT)	00.0	16		<i>anh</i>	
3	201	222634403	✓ Ngô Hoàng Anh	K63 QLXDVA(QT)	5.0	26		<i>Anh</i>	
4	202	222604404	✓ Nguyễn Quốc Anh	K63 QLXDVA(QT)	8.5	16		<i>Quốc Anh</i>	
5	203	222604405	✓ Nguyễn Tùng Anh	K63 QLXDVA(QT)	1.5	19		<i>Tùng Anh</i>	
6	204	222614406	✓ Phạm Sao Anh	K63 QLXDVA(QT)	6.0	19		<i>Sao Anh</i>	
7	205	222634407	✓ Mai Ngọc Ánh	K63 QLXDVA(QT)	5.8	16		<i>Ngọc Ánh</i>	
8	206	222634409	✓ Tống Văn Đạt	K63 QLXDVA(QT)	1.0	26		<i>Dat</i>	
9	207	222604410	✓ Đỗ Trung Đức	K63 QLXDVA(QT)	4.3	19		<i>Đức</i>	
10	208	222634411	✓ Lê Thanh Hải	K63 QLXDVA(QT)	8.8	26		<i>Hải</i>	
11	209	222634412	✓ Trần Huy Hiệp	K63 QLXDVA(QT)	5.0	19		<i>Huỳnh</i>	
12	210	222604415	✓ Nghiêm Quốc Hưng	K63 QLXDVA(QT)	3.8	16		<i>Hưng</i>	
13	211	222634413	✓ Nguyễn Khánh Huyền	K63 QLXDVA(QT)	00.0	26		<i>ph</i>	
14	212	222634414	✓ Nguyễn Thị Khánh Huyền	K63 QLXDVA(QT)	4.0	26		<i>Huyền</i>	
15	213	222634416	✓ Đào Ngọc Khối	K63 QLXDVA(QT)	00.0	26		<i>Đào</i>	
16	214	222634417	✓ Nguyễn Xuân Lâm	K63 QLXDVA(QT)	2.0	16		<i>Lâm</i>	
17	215	222604418	✓ Trần Tùng Lâm	K63 QLXDVA(QT)	2.0	19		<i>Lâm</i>	
18	216	222503182	✓ Nguyễn Bảo Long	K63 QLXDVA(QT)	4.5	16		<i>Long</i>	
19	217	222604419	✓ Hoàng Tuấn Nam	K63 QLXDVA(QT)	5.0	26		<i>Nam</i>	
20	218	222634420	✓ Ngô Vi Nam	K63 QLXDVA(QT)	0.5	19		<i>Nam</i>	
21	219	222634421	✓ Phan Phương Nam	K63 QLXDVA(QT)	3.5	16		<i>Phan</i>	
22	220	222634422	✓ Nguyễn Tiến Nguyên	K63 QLXDVA(QT)	8.0	16		<i>Nguyên</i>	
23	221	222634423	✓ Nguyễn Đức Ninh	K63 QLXDVA(QT)	1.5	16		<i>Ninh</i>	
24	222	222604424	✓ Phạm Quang Ninh	K63 QLXDVA(QT)	3.5	19		<i>Ninh</i>	
25	223	222634425	✓ Trần Hồng Quân	K63 QLXDVA(QT)	1.0	16		<i>Quân</i>	
26	224	222634426	✓ Vũ Trọng Thái	K63 QLXDVA(QT)	4.3	26		<i>Thái</i>	
27	225	222604427	✓ Đỗ Tuấn Thành	K63 QLXDVA(QT)	1.0	19		<i>Thành</i>	
28	226	222604428	✓ Kim Trọng Toàn	K63 QLXDVA(QT)	4.0	19		<i>Toàn</i>	
29	227	222634429	✓ Tạ Đức Trung	K63 QLXDVA(QT)	1.3	16		<i>Trung</i>	
30	228	222634430	✓ Dương Đức Trường	K63 QLXDVA(QT)	00.0	26		<i>Trường</i>	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

N.M. Hùng
Đặng Mai
Ghi chú:

PGS.TS. Trần Văn Long

Trần Thị Thu Hồng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : ĐTQT đợt 1 chính khóa K63 (6/02-26/03/2022)

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_10/03/2023_2_6BS0.102.2-1-1-22(QT23) Thi tại : 401-A8

Ngày thi:10/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:6

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	229	222634264	✓ Nguyễn Văn An	K63.KTXDVA(QT)	1,5	23		An	
2	230	222634265	✓ Lê Thị Anh	K63.KTXDVA(QT)	4,3	24		Anh	
3	231	222634266	✓ Nguyễn Tư Tiên Anh	K63.KTXDVA(QT)	3,0	22		NTA	
4	232	222634267	✓ Nguyễn Việt Anh	K63.KTXDVA(QT)	4,3	24		Anh	
5	233	222634269	✓ Bùi Thị Ngọc Ánh	K63.KTXDVA(QT)	7,8	22		Ánh	
6	234	222634270	✓ Vũ Hồng Ban	K63.KTXDVA(QT)	7,5	23		Ban	
7	235	222634271	✓ Trịnh Hùng Cường	K63.KTXDVA(QT)	2,0	22		Cường	
8	236	222634272	✓ Lưu Anh Dũng	K63.KTXDVA(QT)	5,0	23		Dũng	
9	237	222634273	✓ Nguyễn Tiến Dũng	K63.KTXDVA(QT)	6,5	24		Dũng	
10	238	222634274	✓ Triều Hoàng Dương	K63.KTXDVA(QT)	3,0	23		Dương	
11	239	222604275	✓ Nguyễn Tiến Hải	K63.KTXDVA(QT)	3,0	24		Hải	
12	240	222634277	✓ Đỗ Văn Việt Hoàng	K63.KTXDVA(QT)	9,8	23		Hoàng	
13	241	222634279	✓ Nguyễn Đăng Huy	K63.KTXDVA(QT)	6,0	22		Huy	
14	242	222634280	✓ Nguyễn Khánh Huyền	K63.KTXDVA(QT)	4,8	24		Huyền	
15	243	222634282	✓ Trịnh Thị Thanh Huyền	K63.KTXDVA(QT)	8,5	23		Huyền	
16	244	222634283	✓ Ngô Đức Khôi	K63.KTXDVA(QT)	00,0	24		Khôi	KLT
17	245	222634284	✓ Nguyễn Minh Khuê	K63.KTXDVA(QT)	7,3	22		Khuê	
18	246	222634285	✓ Đồng Trọng Kiên	K63.KTXDVA(QT)	1,5	22		Kiên	
19	247	221934201	✓ Nguyễn Trung Kiên	K63.KTXDVA(QT)	5,5	23		Kiên	
20	248	222634286	✓ Đặng Võ Vương Kiệt	K63.KTXDVA(QT)	00,0	24		Kiệt	
21	249	222634287	✓ Vũ Tuấn Kiệt	K63.KTXDVA(QT)	7,0	23		Kiệt	
22	250	222604288	✓ Trần Tùng Lâm	K63.KTXDVA(QT)	00,0	22		Lâm	
23	251	222604289	✓ Nguyễn Thị Liên	K63.KTXDVA(QT)	10,0	22		Liên	
24	252	222634290	✓ Cao Tú Linh	K63.KTXDVA(QT)	4,0	24		Linh	
25	253	222604291	✓ Tạ Thăng Long	K63.KTXDVA(QT)	0,5	23		Long	
26	254	222634292	✓ Nguyễn Thế Mạnh	K63.KTXDVA(QT)	1,5	24		Mạnh	
27	255	222634293	✓ Mai Hoàng Đức Minh	K63.KTXDVA(QT)	8,3	22		Minh	
28	256	222604295	✓ Lê Trương Thảo Nguyên	K63.KTXDVA(QT)	1,3	24		Nguyên	
29	257	222634296	Lê Thị Nhi	K63.KTXDVA(QT)					Nợ HP
30	258	222604297	✓ Ngô Văn Phúc	K63.KTXDVA(QT)	4,0	23		Phúc	
31	259	222634298	✓ Bùi Bích Phương	K63.KTXDVA(QT)	4,0	22		Phương	
32	260	222634299	Hà Quỳnh Phương	K63.KTXDVA(QT)					Nợ HP
33	261	222634301	✓ Lưu Trung Sơn	K63.KTXDVA(QT)	2,5	24		Sơn	
34	262	222634302	✓ Mai Thị Thanh Thảo	K63.KTXDVA(QT)	5,3	23		Thảo	
35	263	222634303	✓ Nguyễn Phương Thảo	K63.KTXDVA(QT)	3,5	22		Thảo	
36	264	222634304	✓ Phạm Thị Phương Thảo	K63.KTXDVA(QT)	3,0	24		Thảo	
37	265	222634305	✓ Nguyễn Minh Thông	K63.KTXDVA(QT)	8,0	23		Thông	
38	266	222634306	✓ Dương Thanh Thủy	K63.KTXDVA(QT)	4,5	22		Thủy	
39	267	222634307	✓ Trần Bá Thuyết	K63.KTXDVA(QT)	3,0	24		Thuyết	
40	268	222604308	✓ Hoàng Văn Tiến	K63.KTXDVA(QT)	3,5	22		Tiến	
41	269	222634309	✓ Vương Hoàng Như Tuyết	K63.KTXDVA(QT)	6,0	24		Tuyết	
42	270	222634310	✓ Chu Thanh Vân	K63.KTXDVA(QT)	7,3	23		Vân	
43	271	222604311	✓ Trần Thị Vân	K63.KTXDVA(QT)	5,0	24		Vân	
44	272	222634312	✓ Đỗ Quốc Việt	K63.KTXDVA(QT)	00,0	23		Việt	KLT

Mã học phần:BS0.102.2

Tên học phần:Đại số tuyến tính

Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_10/03/2023_2_6BS0.102.2-1-1-22(QT23) Thi tại : 401-A8

Ngày thi:10/03/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:6

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
45	273	222634313 ✓	Dương Bá Vũ	K63.KTXDVA(QT)	2,0	22		Vũ	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Đặng Thị Mai
NM Hùng

PGS.TS. Trần Văn Long

Hồng
Trần Thị Thu Hồng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP